

SỐ 109 – NGÀY 15-7-1961

BACH KHOA

trong số này

TRẦN THỨC LINH *quy-chế luật-sư đoàn* • HOÀNG
MINH TUYNH *chủ thuyết chân đing của gandhi* •
PHẠM HOÀNG *nhu cầu thờ lộ can trường* •
NGUYỄN HIẾN LÊ *ibn séoud* • MỘNG TRUNG
bệnh thời đại • ĐOÀN THÊM *thử tìm hiểu hội-*
họa • VÕ QUANG YẾN *câu chuyện biển nước* •
TRẦN VĂN KHẾ *đại hội âm nhạc tê-hê-răng và*
đông-kinh • NGUYỄN (*dịch william march*) *cứ diềm*
quan-sát • TƯỜNG LINH *tiếc thương* • BÙI KHÁNH
ĐÀN đêm dài • VÂN TRANG *trước tờ giấy trắng* •
ĐOÀN THÊM *hình sắc* • LINH BẢO – NGUYỄN
TƯỜNG TAM – HÃ THƯỢNG NHÂN *trả lời cuộc*
phỏng-vấn văn-nghệ của bách-khoa • XUÂN HIẾN *nói*
với máy • TUYẾT HƯƠNG *phấn đấu* • TRĂNG
THIÊN *một bản đàn* • THU THỦY *ernest hemingway* •



Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lầu năm **44°**
và trắng **54°**

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quí vị thường thức luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'ILE DE LA REUNION**
Patteux Saigon - DT. 23.916
và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Tích Thọ Tuyền"

. DẦU ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG CẠO 6°



BÁCH-KHOA

Số 109 — Ngày 15.7.1961

TRẦN-THÚC-LINH

HOÀNG-MINH-TUYNH

PHẠM-HOÀNG

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

MỘNG-TRUNG

ĐOÀN-THÊM

VÕ-QUANG-YẾN

TRẦN-VĂN-KHÊ

NGUYỄN (dịch WILLIAM MARCH)

TƯỜNG-LINH

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

VÂN-TRANG

ĐOÀN-THÊM

LINH-BẢO — NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

HÀ-THƯỢNG-NHÂN

XUÂN-HIẾN

TUYẾT-HƯƠNG

Trang

Quy chế luật sư đoàn 3

Chủ thuyết chân dung của Gandhi. 9

Nhu cầu thổ lộ can trường. 14

Ibn Séoud 17

Bệnh thời-dại. 29

Thử tìm hiểu hội họa. 35

Câu chuyện biển nước. 51

*Đại hội âm nhạc Tê - hê - răng và
Đông-Kinh* 57

Cứ điểm quan sát 65

Tiệc thương (thơ). 73

Đêm dài (thơ) 74

Trước tờ giấy trắng 75

Hình sắc (thơ). 81

*Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ
của Bách-Khoa* 82

Nói với máy (thơ). 89

Phần đầu 91

SINH - HOẠT

TRÀNG-THIÊN

THU-THỦY

*« Một bản đàn » của L. Tolstoi
Bảo Sơn dịch* 99

Ernest Hemingway 102

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	: <i>Vấn đề nước Đức.</i>
ĐOÀN-THÊM	: <i>Thử tìm hiểu hội họa : Họa-phái trừu-tượng.</i>
BÙU-KẾ	: <i>Thuận-An thất thủ.</i>
NGUYỄN-VĂN-THU	: <i>Cát bụi phù-sinh.</i>
VƯƠNG-HỒNG-SẼN	: <i>Thú chơi sách : Sách giả.</i>
THIỆU-SƠN	: <i>Ông Phan - Khôi đã phê - bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?</i>
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	: <i>Lật qua hồ-sơ thanh-niên.</i>
— id —	: <i>Vài ý nghĩ về cú-pháp.</i>
NGUYỄN-THÁI	: <i>Danilo Dolci.</i>
NGUYỄN BẠT-TỤY	: <i>Nghề sành ở Tam-Quan.</i>
VÔ QUANG-YẾN	: <i>Ta biết gì về kim-tinh.</i>
NGUYỄN-ANH-LINH	: <i>Ludwig Feuerbach : người cha thiêng liêng của nhân-bản vô-thần.</i>
VÔ-PHIẾN	: <i>Những buổi mai đẹp.</i>
TRẦN-VĂN-KHÊ	: <i>Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».</i>
DOÃN-DÂN	: <i>Sương mù.</i>
CÔ-LIÊU	: <i>Tội người trong sạch (truyện dài rút ngắn).</i>
VŨ-HẠNH	: <i>Người thầy thuốc.</i>
NGUYỄN	: <i>Căn chết (truyện dịch).</i>
THẠCH-HÀ	: <i>Một chuyến xuất hành.</i>

★ TRẦN-THÚC-LINH

QUI CHẾ

LUẬT SƯ ĐOÀN

Ở những nước lấy sự tôn trọng luật pháp làm tôn chỉ đều có một luật sư đoàn độc lập và một ngạch thẩm phán độc lập (1) Luật số 6-61 ngày 15-3-1961 thiết lập Thượng hội đồng thẩm phán đã thể hiện ý định bảo đảm tính cách độc lập của thẩm phán xử án. Dự án luật về qui chế luật sư và tổ chức luật sư đoàn nói đến từ 2 năm nay, bây giờ đương được Quốc - hội thảo luận hẳn đến để hoàn bị các định chế bảo vệ sự tôn trọng pháp luật. Thêm tài liệu cho những bạn đọc theo dõi việc mô xê dự án luật nói trên, chúng tôi xin trình bày những luật lệ các nước đã áp dụng để bảo vệ quyền lợi các người hữu sự và tôn trọng tính cách tự do và độc lập của nghề luật sư.

(1) X.C — Lê-Tài-Triển — Cá nhân trước pháp luật. Đại học số 17 trang 126.

Bảo-vệ quyền-lợi tụng-nhân

Quyền-lợi những người có việc phải tới Tòa án chỉ được bảo vệ nếu luật sư bênh vực họ là người có *khả năng* và *tư cách*. Để lựa những người có khả năng và tư cách, luật lệ các nước thường đặt ra những điều kiện về bằng cấp và tập sự.

1o/ Về bằng cấp.

Hầu hết các nước trên thế giới đều buộc những ai muốn hành nghề luật sư phải có cấp bằng luật khoa đại học. Đó là thông lệ ở những nước như Áo, Bỉ, Ba-Tây, Y-Pha-Nho, Ấn-Độ, Ba-Tư, Ý, Thổ, Pháp, Á-Căn-Đình, Thụy-Điễn, Hung-Gia-Lợi, Đan-Mạch, Hi-Lạp, Lục-Xâm-Bảo, Na-Uy, Thụy-Sĩ v...v... (2)

(2) X.C — Jean Thévenet — L'évolution générale des barreaux — Document n° 19 U.I.A.

QUY CHÈ LUẬT SƯ ĐOÀN

Tại Pháp, ngoài bằng Luật khoa cử nhân, các ứng viên luật sư tập sự còn phải có thêm một chứng chỉ khả năng hành nghề luật sư do Trường luật khoa đại học cấp. Sinh viên luật khoa có thể thi cùng một lúc với chứng chỉ tốt nghiệp luật khoa cử nhân hoặc sau một năm học thêm. Biện pháp này mục đích tránh cho các thanh niên vì háo hức khoác áo luật sư, xin gia nhập bừa bãi, không suy xét kỹ đến khả năng của mình, đến vinh nhục của nghề, phải thất vọng sau 3,4 năm tập sự không kết quả, lúc đó khó lòng xoay nghề khác (1)

Ở Đức, ngoài bằng tốt nghiệp luật khoa đại học, ứng viên luật sư phải qua 2 kỳ thi khác : lần thứ nhất (examen de référendaire) trước khi tập sự, lần thứ hai (examen d'assesseur) sau khi tập sự ba năm mới được nhận vào tập sự kỳ nhì trong thời hạn một năm với tư cách luật sư phụ tá (2)

Tại một số tổng ở Thụy-Sĩ, tại Anh, Phần-Lan, Thái-Lan thì không bắt buộc phải tốt nghiệp một trường luật khoa đại học. Nhưng điều kiện tập sự gắt gao hơn (3)

(1) Louis Crémieu — Traité de la profession d'avocat. 2^e ed. Dalloz 1954

(2) Werner Kalsbach — Les barreaux dans le monde — Dalloz et Sirey — Paris 1959 — trang 15.

(3) Loeffler — les barreaux en Suisse trong les barreaux dans le monde — trang 418

Boulton — Conduct and Etiquette at the bar trang 50.

2o) Về tập-sự.

Một thời gian tập sự trung bình 3 năm thường là điều kiện bắt buộc tại đa số các nước.

Những người muốn tập sự có thể học việc tại văn phòng các luật sư thực thụ như ở Thụy-Điền, Pháp, Hi-Lạp, Đan-Mạch, Hòa-Lan, ... hoặc ở các tòa án như ở Đức, Pháp, Lục-Xâm-Bảo, Hi-Lạp, Nam-Tư, Thụy-Điền... hoặc tại một cơ quan hành pháp như ở Nam-Tư. Tại đây, 3 năm tập sự được chia ra như sau : 1 năm tại văn phòng luật sư, 1 năm tại tòa, 1 năm tại một cơ quan hành pháp (4). Sau thời gian tập sự, nước nào cũng tổ chức một kỳ khảo sát, các ứng cử viên phải được công nhận đủ khả năng, đủ tư cách mới được ghi tên vào danh biểu luật sư thực thụ. Riêng ở Pháp, đạo luật ngày 26-6-1941 đặt ra thi trước khi tập sự.

Tại những nước mà thời gian tập sự không phải là điều kiện bắt buộc để được hành nghề luật sư như tại các nước Y-Pha-Nho, Bỉ, Ba-Tây, Na-Uy, Chili, Irak, hoạt-động của các luật sư mới vào nghề thường bị hạn chế ở Ba - Tây trong vòng 2 năm, luật sư chỉ được làm thủ tục,

(4) Werner Kalsbach. — Les barreaux dans le monde — Phần thứ 7 — Les avocats en Yougoslavie trang 517.

Luật hình các nước Hi-Lạp (7-8-1950), Thụy-Sĩ (đ. 173) Phần-Lan (ch. 38 đoạn 2) Ý-Đại-Lợi (đ. 222) Brésil (đ. 355) Espagne (đ. 361)... trừ liệu tội bất trung của luật sư (infidélité du conseil juridique) phạt tù và phạt bạc những luật sư phạm lỗi trong khi bênh vực quyền lợi thân chủ của mình.

chưa được biện hộ trước tòa. Tại Irak, lúc đầu, luật sư chỉ được cãi trước các tòa án hòa giải, các tòa án tôn giáo ; sau ít năm có kết quả tốt, mới được biện hộ tại các tòa trên.

Tóm lại, dưới hình thức này hay hình thức khác, chi tiết có điểm sai biệt, luật lệ nước nào cũng chú trọng đến khả năng và tư cách của các ứng viên vào nghề luật sư ; điều kiện cấp bằng và thời gian tập sự với các sự thử thách và kiểm-soát đều cần thiết cho việc bảo-vệ quyền-lợi cho các thân-chủ.

Duy ở Nga-sô và các nước Cộng-sản, điều kiện gia-nhập rất là dễ dàng, luật-sư-đoàn mở rộng cửa cho mọi công-dân nam nữ không bị can án, không mất công-quyển (1). Kết-quả là trình-độ chuyên môn rất thấp khiến năm 1939, có cả ngàn luật-sư ghi tên theo học tại các Học-viện, các trường Trung-học... theo lời hàm-thụ ! Đó là những tài-liệu do chính sách, báo của Cộng-sản cung cấp (2). Nói chi đến quyền-lợi của thân-chủ có được bênh vực hay không vì đây là một tín điều « thuộc lầy làm lòng » : « Luật-sư phải có khả năng hiểu biết

(1) Jean Fonteyne — Droit et Justice en URSS — Editions sociales Paris 1946, p. 75. « Le décret N° 1 sur la Justice en date du 24-11-1917... prévoyais que tous les citoyens des deux sexes, n'ayant pas encouru de condamnation et jouissant des droits civiques pouvaient remplir les fonctions de procureur et d'avocat ».

(2) Jean Fonteyne — Sách đã dẫn — trang 77.

chính-trị dối đảo, phải có tinh-thần trách-nhiệm chính-trị rất cao, phải khôn khéo tranh-đầu, không phải cho quyền-lợi của thân-chủ mình, mà cho quyền-lợi của nhà nước và sự xây-dựng chủ-nghĩa xã-hội » (3). Đã kém khả-năng, lại biện hộ theo chỉ thị cấp trên, chỉ lo xây-dựng chủ-nghĩa xã-hội, củng cố chế-độ, coi nhẹ quyền-lợi của thân-chủ mình, các luật-sư ấy — trong một tổ-chức tự-do — chỉ còn tự-do chết đói. Để tránh điểm đó, chính quyền bắt buộc phải tổ chức nghề luật sư, nhận các việc, phân phối cho đều, định thù lao, thù tiền, trả lương, tóm lại công-chức-hóa nghề luật-sư (4)

Kết quả của một giải pháp dễ dãi : hoặc hạ-giá nghề-nghiệp, gây thất-nghiệp, bắt-mãn, hoặc rập theo tổ-chức cộng-sản, càng ngày càng phải đi sâu vào con đường độc tài. Chỉ còn là vang bóng thời qua hình

(3) Vychinsky — « La légalité révolutionnaire et les devoirs de la défense » Moscou 1934 p. 38 viện dẫn do Pierre A. Papadatos trong Le Délit politique — Librairie Droz — Genève — 1955 trang 127 (... à livrer bataille, sans crainte pour ce qu'il croit, non pas dans l'intérêt de son client, mais dans l'intérêt de l'édification socialiste, dans l'intérêt de son Etat).

(4) — Marcel Remond — Rapport au Congrès de Grasse. Mai 1951 — Fridieff — « L'organisation de la justice pénale en U.R.S.S — Revue de science criminelle et de droit pnal comparé — 1936. p. 519. Nikolaev — « L'organisation judiciaire soviétique » dans Monde français — 1950.

QUI CHẾ LUẬT SƯ ĐOÀN

ảnh người hiệp sĩ pháp lý, (1) bênh vực vợ góa con côi, tiền không ham, nghèo vẫn vui, uy vũ không khuất phục.

Tôn trọng tính cách độc lập luật sư

Tôi không tin chỉ thời xưa mới có những tâm gương hào hùng nhất là khi thấy luật lệ phần lớn các nước trên thế giới còn lo bảo vệ tính cách tự do, tinh thần độc lập cho các luật sư.

1o/ Chính quyền rất ít can thiệp vào nghề luật sư.

Ngay việc định qui chế cho các luật sư, nếu có những nước như Pháp, Bỉ, Áo, Đức... thầy cần phải đề cơ quan lập pháp ra những đạo luật minh định qui chế nghề nghiệp, có những nước như Do-Thái, Thụy - Sĩ, Á - Căn - Đình, Phần-Lan, chính quyền không ban hành một bản văn lập pháp nào qui định nghề luật sư. Trong trường hợp này, luật lệ nghề nghiệp được trù liệu hoặc nơi nội-quy nghiệp-hội (Anh, Đan-Mạch — Na-Uy — Hòa - Lan...) hoặc do tập-tục (Đức — Anh — một phần ở Hoa-Kỳ) (2)

(1) « Chevalerie ès lois », một dòng hiệp sĩ do Philippe le Bel đặt ra từ thế-kỷ 14. X.C. Moliérac. Initiation au barreau. Trang 53.

(2) Xin coi : Thévenet — Doc. n^o 19 đã dẫn — Kalsbach — Les barreaux dans le monde-sdd Nijgh — Histoire du barreau en Hollande. « Le droit professionnel est déterminé par les décisions de l'Assemblée des délégués des avocats » — Kalsbach. t. 458.

Về việc gia nhập nghề luật sư, nếu ở Na-Uy, Đan-Mạch, Maroc, Bộ tư pháp cấp giấy phép cho hành nghề, ở Pháp ông chương ân bổ nhiệm các luật sư Tòa Phá án và Tham chính viện, hầu hết các nước tôn trọng tính cách độc lập của nghề luật sư, để các đoàn thể luật sư toàn quyền quyết định (3)

Nếu có can thiệp chẳng nữa cũng cộng tác mật thiết với luật sư đoàn và tôn trọng ý kiến nghiệp hội. Trong trường hợp nghiệp hội luật sư quyết định không chấp nhận một sự gia nhập, Bộ Tư Pháp không có quyền cho phép.

Nhiều nơi, chính quyền chỉ can thiệp khi có khiếu nại. Ở Pháp, Hòa-Lan, Thụy-Điền... Tòa Thượng Thẩm xét đơn khiếu nại của những ai bị luật sư đoàn gạt ra. Ở Áo, một cơ quan gồm vừa thẩm phán và luật sư xét các việc khiếu nại. Ở Nam-Tur, bộ Tư Pháp có quyền này.

Riêng ở Nga, sự gia nhập nghề luật sư do luật sư đoàn đầu phiếu, tòa án kiểm soát và Ủy ban Hành chính địa phương chuẩn y ! (4)

2o/ Luật pháp bảo vệ tính cách tự do của luật sư.

a) luật sư tự do hành nghề

Ở các nước, luật sư luôn luôn được bảo vệ để khi biện hộ, các lời

(3) — « Les ordres sont maîtres de leur tableau » Kalsbach - Sách đã dẫn.

(4) Jean Fonteyne — Sách đã dẫn. trang 76.

nói các giấy tờ đều được xuất trình tự do, không sợ bị chánh quyền truy tố về các tội mạ lỵ và vu cáo (1).

Tôn trọng quyền tự do hành nghề của luật sư, luật các nước thường hạn chế rất nhiều quyền tịch thu hay khám nhà của các cơ quan tư pháp, hành pháp đối với các luật sư. Ở Pháp, không bao giờ, thư từ của luật sư bị tịch thu. Nếu có khám xét văn phòng luật sư, phải có sự chấp thuận của ông Chương-Lý, sự có mặt của ông Thủ lãnh luật sư đoàn và ông Dự-Thẩm phải đích thân đến xét (2).

b) Luật sư tự do định thù lao

Tại phần lớn các nước như Pháp, Bỉ, Thụy-Điển... luật sư tự định lấy tiền thù lao căn cứ vào tầm quan trọng của công việc, thời gian để sửa soạn biện hộ, tình trạng thân chủ, danh tiếng của luật sư... (3) Ở Anh, Y-Pha-Nho, Hi-Lạp, Thổ-Nhĩ-Kỳ... phải có giao kèo viết ấn định thù lao.

Tại các nước như Đức, Thụy-Sĩ, Áo, Irlande, Ecosse, Hòa - Lan, Ý, Nam-Tur, Đan-Mạch, Hoa-Kỳ, Mexique, Pérou.... luật sư và thân chủ tự do định đoạt nhưng không quá một mức nào. Ở Đức, để tránh việc phá giá cạnh tranh, luật sư không được định thù lao dưới một mức tối thiểu.

(1) X. C. Thévenet — L'évolution générale des barreaux.

(2) A. Toulouse — La liberté de la défense (Gazette du Palais 11-4-1951).

(3) Louis Crémieu — Traité de la profession d'avocat (trang 238).

Payen et Duveau — Les règles de la profession d'avocat (trang 372).

Riêng ở Nga - xô và các nước Cộng-sản, giá biểu thù lao do Bộ Tư Pháp ấn-định, tiền thù lao do luật sư đoàn thu để phát lại cho các luật sư theo nội quy từng đoàn thể.

3o/ Luật sư có nhiệm vụ bảo vệ tính cách độc lập của mình.

Đó không còn là một lời khuyên cáo mà là một nhiệm vụ do luật lệ của nhiều nước qui định rõ ràng.

Đối với chính quyền, luật sư không bó mình làm mất tính cách độc lập của nghề nghiệp. Vì vậy, ở hầu hết các nước, luật sư không được kiêm nhiệm một công vụ do chính quyền trả lương. Ngay đến chức vụ giáo sư đại học, luật các nước như Bỉ, Hòa-Lan, Thụy - Điển²⁴ cũng không cho các luật sư kiêm nhiệm.

Đối với tòa án, luật sư tỏ lòng tôn kính nhưng ngay thẳng và không xu phụ; luật các nước Áo, Pérou, Mexique, Luxembourg, như dự luật qui chế luật sư Hoa-Kỳ²⁵ điều 17, nói rõ : « Luật sư không phụ thuộc tòa án, không nhận chỉ thị của Tòa án. Thẩm phán không được ngắt lời luật sư khi biện hộ »

Tính cách độc lập của luật sư được chứng tỏ ngay cả với chính thân chủ mình. Không thể vì tiền bạc, vì lý do này hay lý do khác, luật sư phải nhất nhất làm theo ý muốn của thân chủ mình dù phải làm điều bất công.

Như vậy luật-sư có thể từ chối bào chữa cho ai không? Có thể giữa chừng bỏ rơi thân-chủ mình không?

QUI CHÈ LUẬT SƯ ĐOÀN

Luật các nước Đức, Mỹ, Mexique... cho phép luật-sư từ chối những vụ mà không thể bênh vực một cách thẳng thắn được. Nhưng phải từ chối ngay để người hữu sự có thể nhờ luật-sư khác bênh vực kịp thời.

Tại Na-Uy, Thụy-Điền, Pérou... luật-sư chỉ được từ chối biện hộ nếu có lý do chính đáng. Ví dụ : biết thân-chủ mình dùng thủ đoạn để lừa tòa, dối dối phương, luật-sư buộc cải chính không được, luật-sư có quyền không bênh vực cho thân-chủ mình nữa (1).

Ngoài ra, những qui-định về việc gắn tâm biển, dùng ấn chỉ, cầm quảng cáo, phạt bắt mỗi... cũng như những tổ-chức quỹ hưu trí, tiền trợ cấp v.v... đều là những biện-pháp bảo-vệ tính cách độc-lập cho các luật-sư, các nước tân-tiền đều có trù liệu cả (2).

* * *

Trong một bức thư ngỏ gửi ông Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp đăng trong tạp chí PHỔ-THÔNG số 6 tháng 3 năm 1952, ông Vũ-Văn-Mẫu đã nêu lên hai nguyên tắc làm căn bản cho sự thiết lập luật sư đoàn : *Bảo vệ quyền lợi các người hữu sự và Phụng sự Công lý.*

Người ta không thể tưởng tượng được quyền lợi của thân chủ, tác dụng của luật pháp được bảo vệ bởi những người kém khả năng, thiếu tư cách, làm việc theo chỉ thị. « Nếu ta còn quan niệm rằng luật pháp là sự phân biệt công bằng với bất công và

sự phân biệt ấy là phú tính của trí tuệ con người thì ta phải giữ cho nghề luật sư được *tự do và độc lập* » (3^a)

Luật lệ các nước về qui chế luật sư và tổ chức luật sư đoàn như đã trình bày ở trên chứng tỏ những nguyên tắc ấy hầu như những nguyên lý được công nhận từ Tây sang Đông, được lưu truyền từ đời này sang đời khác, « tồn tại được trong thời gian, trong khi chiến tranh, cách mạng đã tàn phá bao công trình, định chế khác » (b)

Có thể linh động vô hại ở những nước đã có sẵn một truyền thống pháp lý trường cửu, những nguyên tắc nói trên phải được áp dụng chặt chẽ ở những nước mới độc-lập, tinh thần pháp lý không có, mà những người hơi có chút địa vị đã « tự coi mình là có quyền vạn năng, muốn làm gì cũng được, nhiều khi còn nài ra những nhu cầu đặc biệt của thời đại để chứng minh cho những hành vi của mình là chính đáng » (c) Đó là những hiện tượng chậm tiến mà ta sẽ xét trong một kỳ khác.

TRẦN-THỨC-LINH

(1) Về vấn-đề bí mật nghề nghiệp và tự-do bào chữa, xin coi L. Crémieu. *Traité de la profession d'avocat*, trang 281.

Willsam J. Jameson — *Canons of professional ethics* trang 387.

(2) Thévenet — Doc N^o 19.

(3^a b, c.) Trích « Cá nhân đứng trước pháp luật » của Lê-Tài-Triển, sách đã dẫn.



CHỦ - THUYẾT CHÂN-DŨNG CỦA GĂNG-ĐI

★ HOÀNG - MINH - TUYNH

KẾT LUẬN

TỪ những số báo trước (103, 104, 105, 106, 107 và 108) chúng tôi đã trình-bày đại quan chủ-thuyết « chân-dũng » của Ma-hat-ma Găng-đi. Qua sự phân tích sơ lược chủ-thuyết Satyagraha trên phương-diện trực tiếp hành-động bất-bạo-động, chúng tôi thấy cần phải trở lại điểm nguyên-thủy mà nói thêm mấy lời

trước khi kết luận : Satyagraha là một thuyết có tính chất thần bí theo nghĩa cương liệt nhất, là một thuyết thần bí có năng lực thâm nhập tâm trí người ta thật sâu xa mà thật mạnh mẽ, tới mức có thể làm phát xuất ra những biểu hiện sôi nổi, những khủng hoảng trầm trọng, và có thể đưa người ta tới chỗ thắng sức mạnh của bạo-

Lực bằng sức mạnh siêu-việt của Chân-Như và Nhân-Ái, trong một cuộc chiến-tranh « toàn diện ». Mặc dù Găng-Đi không dài dòng diễn giải cái viễn tượng tổng quát nó diễn giải cuộc đời « phiến loạn » và giải-phóng dân-tộc của ông, và mặc dù ông chỉ để lại ở giữa chúng ta một chút dấu vết cho lịch-sử, chúng ta vẫn có thể căn cứ vào hành trạng của ông và của các môn-đệ ông mà ngờ rằng ở bên trong can đảm và trí lực của hạng người phi thường này, có tiềm tàng sức phấn đấu của một Trí lực và một Dũng lực siêu-nhiên. Cho đến nỗi chúng ta đứng ở khía cạnh nào xét nghiệm thuyết Satyagraha — đứng phía Thượng-Đế hiện diện trong nhân-gian và trong bước tiến của thế-giới, hay đứng phía nhân-loại nổi lên chống lại cơ-hàn, bạo-lực và bất-công—chúng ta đều thấy thuyết ấy đẩy ta tới chỗ phải vượt quá chúng ta, để cho chúng ta thấy nó quả là một thuyết khó khăn cực kỳ, vạn nhất có kẻ gan dạ đem nó ra thi-hành ở giữa thế-kỷ thứ XX này mà có lâm vào tình trạng bị cô lập hay bị bỏ rơi thì cũng chẳng lạ gì.

*
* *

Trong một buổi gặp gỡ các nhân-viên của Phòng Hội - nghị truyền - giáo quốc-tế nhóm tại Tambaram năm 1938, Găng-đi đã có dịp được trình - bày kỹ càng về các vấn-đề bắt - bạo - động. Cuộc đàm thoại giữa ông với Bác-sĩ John Mott có nhiều điểm đáng cho chúng ta đặc-biệt lưu ý. Trước hết, hai vị đồng ý với nhau rằng « cái thảm kịch bi đát nhất ngày nay là sau hai ngàn năm tiếp nhận được mệnh lệnh của Chúa Giê-su, các quốc-gia (Tây-phương Ki-tô-giáo) vẫn chưa

đạt tới chỗ đặt được nó lên trên một cương vị toàn cầu, nên các quốc-gia ấy ngày nay phải công nhận sự thất bại của mình trước vận số cấp bách đang đón chờ mình. Vậy nên những kẻ thuộc về ánh sáng, nhất là những kẻ cầm đầu trong họ, phải làm sao tìm ra một đường lối mau lẹ để diễn dịch, giải thích lại các giáo huấn đã nhận được từ Chúa Giê-su, trước các vấn-đề hiện đại mới phát sinh ra và xét coi phải làm cách nào để thực hiện được một cách thiết thực. » Sau đó, một người dự phiên nhóm hỏi Ma-hat-ma lý do nào đã khiến ông xả thân cho chủ nghĩa bất bạo động : lý do xã-hội, chính trị hay tôn giáo ? Găng-đi đáp : « Thuần túy tôn giáo, và ông nói tiếp : ông không thể nào thiết lập sự cách biệt dứt khoát giữa xã-hội, kinh tế chính trị và tôn giáo thuần túy được. Tôi không thấy có tôn giáo nào đứng ngoài các hoạt động của loài người. Tôn giáo đưa ra một nền tảng đạo đức cho hết mọi hoạt động, nếu thiếu tôn giáo, cuộc sinh hoạt của con người sẽ chỉ còn là một mê lộ « huyền ảo và hung bạo cùng mất hết ý nghĩa ».

Do hai nhận xét trên, ta thấy Găng-đi như có ý muốn trồng tiêu, cắm mốc cho con đường mà người Tây phương phải đi, nếu họ muốn sử dụng « Dũng lực phát sinh từ Chân-Như và Nhân Ái », để giải quyết các vấn-đề của họ, theo lẽ lối đặc biệt Tây phương của họ. Đối với người Tây phương, Găng-đi giống như một kẻ lãnh sứ mệnh đi tìm ngọn « cam tuyến », và công ơn của ông đối với họ chính là công ơn đã chỉ dẫn cho họ thấy rằng loài người, dù ở đâu, cũng có thể trở thành nơi phát nguyên một thứ « cam lộ » tạo nên bởi từ bi và khoan hậu.

Vốn giữ lòng tôn trọng hết mọi tôn giáo và nhìn nhận Chúa Giêsu là « một trong những vị tôn sư tốt bậc của nhân loại đã phổ diễn được tinh thần và ý chí của Thượng-Đế một cách trung thực, độc đáo nhất », Găng-đi lấy làm ngạc nhiên, không hiểu tại sao người Tây phương lại không lợi dụng cái nguồn tin tưởng trác tuyệt ấy và ông cũng không thấy cách thế giải phóng nào kiên hiệu cho người Tây phương hơn là phương pháp bất bạo động bắt nguồn từ Ki-tô-giáo. Đối với ông, thuyết Satyagraha là kết quả tối hậu của Ấn-Độ giáo tinh thuần ; đối người Tây phương, nó cũng phải là kết quả tối hậu của Ki-tô-giáo.

Nói vậy không hẳn là bảo rằng thuyết bất bạo động chỉ có thể thực hiện từ một căn bản tôn giáo, từ một cuộc giao tiếp giữa người với thần mình, và ngoài căn bản đó ra, không thể nào thi hành thực sự thuyết bất bạo động được. Tuy nhiên, chúng ta tự hỏi làm sao có thể thi hành thuyết bất bạo động cho một thế-giới không tin có Thượng-Đế, một thế-giới chuyên đặt tất cả lý-tưởng của mình vào việc chăm lo thực-hiện hạnh phúc ở trần-gian ? Dù sao, thuyết bất bạo - động đã đem thành công lại cho Găng-đi, phải công nhận là một thuyết bất bạo động duy linh và hữu thần. Thuyết Satyagrahi yêu sách người ta phải giữ những điều nghiêm nhặt như một tôn-giáo sinh-động và linh-hoạt. Đó còn là một thuyết hễ đem ra bàn thì thấy khó chịu, hễ đem ra sống thì thấy khó khăn, vì nó đòi hỏi kẻ đã lựa chọn nó phải hoán cải trọn vẹn bản thể của mình đi. Người ta có thể nói thuyết Satyagraha của Găng-đi là một « Catharsis », một cuộc cải quá tự tâm triệt để, một cách tinh

luyện cho con người cởi bỏ tự cội rễ mọi phần nộ, mọi căm thù, vốn hủy hoại con tâm thâm sâu độc.

Để hiểu tính chất bất khả dung và tối mãnh liệt của thuyết bất bạo động khi đã bén rễ vào lòng một người, ta có thể đọc trang sách rất hay của nhà triết học Jacques Maritain trong đó tác-giả so sánh thái-độ của một người vô thần với thái-độ của một vị thánh-nhân trước cảnh ác tà ngự trị trong con người và trong thế-gian. Cổ nhiên thuyết bất-bạo-động của Găng-đi không giống in như thuyết thánh thiện của Ki-tô-giáo vì thuyết này căn cứ sâu xa vào sự kiện hư vô của loài người và sung mãn của Thượng-Đế. Song bước diễn tiến của thuyết bất-bạo-động, trên bình-diện tâm-lý, rất gần với bước « ăn năn trở lại », vốn là khởi điểm của một cuộc sống trọn lành, thánh thiện trong Ki-tô-giáo. Và chẳng, người ta cũng có thể coi hành-động của người theo thuyết bất-bạo-động khi dùng thí xả để chống đối với bất công mà không chịu dùng oán để trả oán, như chứa đựng một hình-thức thánh thiện Ki-tô-giáo chính cách vậy :

« Kẻ vô thần và ông thánh, trong hai người, người nào cương liệt hơn, triệt để hơn, sát đá hơn, người nào cầm rìu chặt vào rễ cây sâu hơn ? Người nào cắt đứt trọn vẹn hơn, và trên cương vị bạo la hơn nữa, người nào cắt đứt triệt để hơn ?

« Ta thử tưởng tượng điều xảy ra trong tâm-hồn một vị thánh nhân (Ki-tô-giáo) vào giờ phút quyết liệt khi nhất định tiến lên một bước mà tự biết không còn hy vọng lùi được nữa. Ta thử tưởng tượng thánh François d'Assise khi ngài cởi bỏ quần áo và trần truồng bước

CHỦ-THUYẾT « CHÂN-DŨNG » CỦA GÀNG-ĐI

tới trước mặt vị giám-mục của Ngài, hay thánh Benoit Labre khi ngài quyết chí biến mình thành người hành khát bản tước hôi hám, lang thang nơi đầu đường xó chợ. Truy lên tận cội nguồn của một hành-vi như thế, ta thấy gì ? Quyết nhiên cái ta thấy không phải là một cử chỉ phản kích, vì một cử chỉ phản kích thường không giữ được bền lâu. Phải chăng đó là một động tác phát xuất từ đáy tâm hồn, một động tác từ khước toàn diện, dứt khoát, kiên quyết, không chấp nhận sự việc xảy ra như đã xảy ra. Động tác ấy chứng tỏ kẻ phát xuất ra nó muốn cương quyết nói lên bằng động tác của mình rằng : không, sự việc không thể tha thứ được, sự việc nhất định không, hiển nhiên không thể tha thứ được. Trong cảnh hiện thực của sinh hoạt, thế gian đã bị nhiễm độc bởi khi trá và tàn bạo, bởi cùng khổ và cơ hàn ; vạn vật đã bị tội lỗi làm cho đổi bại tới mức vị thánh nhân cảm thấy từ đáy của đáy tâm hồn mình là không thể nào chấp nhận được như thế. Ác tà — tôi muốn quyền năng của tội lỗi, và toàn thể thống khổ mà tội lỗi kéo theo sau nó... — ác tà đã lên đến độ khiến người ta tự thấy dưới tay chỉ còn có một vật khả dĩ đem dùng để đổi phỏ lại được, đó là cho hết, bỏ hết những khoái trá ở đời, kể cả những lạc thú, được dùng, được hưởng, hầu được tự do sống với Thượng-Đế ; đó là hoàn toàn lột bỏ mình, hiến dâng mình để giữ lấy quyền năng của thánh giá, đó là chết cho kẻ mình yêu... Đấng thánh tuốt trần vô khí Chân-Như và Nhân-Ái, xông ra khai chiến với những công cuộc bày đặt của vạn vật để cứu chuộc vạn vật. » (1)

Một trang sách trên đủ chứng minh cho người Ki-tô-giáo, và cả những người theo các tôn-giáo khác trong thế-giới, thấy có lẽ đã tới lúc phải dùng bất bạo-động để đặt thành vấn-đề chống đối những trật tự xã-hội và luân-lý đang đè bẹp kẻ công chính và kẻ nghèo hèn, dưới bạo lực tàn ngược đang phổ cập khắp nơi. Chúng ta phải thú nhận một điều : đi ngược dòng bạo lực chắc không phải là việc dễ dàng, nhất là chúng ta đã quen với bạo lực, nhất là bạo lực hiện được tôn sùng như thánh như thần. Nhưng, làm sao khác được ? Nếu trên trường chính-trị và trong các cuộc giao tranh vẫn còn đầy dẫy những kẻ tin tưởng vào bạo lực, coi bạo lực là sản phụ của lịch-sử, báng nhạo tiếng khóc và lời than tuyệt vọng của chúng nhân ; và nếu những kẻ ấy không chịu thấy rằng, bạo lực phát sinh ra bạo lực, và căm thù phát sinh ra căm thù, thì ta hãy để mặc họ với số phận của họ. Song những người có tôn-giáo, trước hết là người Kitô-giáo, nếu họ còn hiện hữu, nếu họ còn được tự do, nếu Chúa Kitô đối với họ là đáng hằng có, thì làm sao họ có thể đi lướt qua bên lề bất bạo-động mà không nhận ra Chúa Giêsu ở trong đó, Chúa Giêsu mà Phúc Âm đã kể lại rằng khi Ngài bị đánh đập, Ngài chỉ đáp lại bằng sự câm lặng ? Và cả người Phật giáo, những khuyến giới của Đức Phật Thích Ca đại từ, đại bi, có điểm nào là điểm không phù hợp với chủ trương của bất bạo-động ? Có người Phật-giáo nào mà không nhớ lời Phật khuyến dụ, cổ lệ đệ tử của Ngài : « Kẻ nào bị giặc cướp dùng cửa cửa thân ra từng mảnh mà còn để cho oan trái xâm nhập lòng mình

(1) Jacques Maritain : *La signification de l'athéisme contemporain.*

thì chưa thể gọi là kẻ làm theo lời Như-Lai dạy. »

Ở giữa tâm trí tri độn của con người, thuyết Satyagraha của Găng-đi có nhiệm vụ khai sáng một thế giới xây dựng nên bằng ân tình, một thế giới tạo lập nên bằng ân sủng, mà người ta có thể mệnh danh là nước của Thượng-Đế. Mệnh danh thuyết bất bạo động là nước của Thượng-Đế, danh từ vốn quen thuộc với người Ki-tô-giáo, ta dùng tâm đưa thuyết ấy lên hàng một thuyết tôn giáo thiêng liêng và tháo gỡ cho nó thoát khỏi những dây nhợ buộc trói nó vào những phương thuật xã-hội và chính trị tầm thường, vì tiện, song đồng thời ta cũng nhìn nhận vận số của nó mong manh chẳng khác vận số của Nước thiên đàng đã hứa cho những kẻ hiền từ « sẽ được ban cấp đất đai để gây dựng thành gia nghiệp ».

Diễn giải thuyết Satyagraha như vậy chủ ý của ta chỉ là đưa thuyết ấy lên hàng một tôn giáo, chứ không phải cố ý biến nó thành một tôn giáo hay biến tổ chức của nó thành một giáo hội. Vì thực ra, chẳng bao giờ Găng-đi có ý định đề xướng lên một thứ tòa án tôn giáo tối cao để cứu xét coi bất bạo động có phù hợp với đạo giáo chính thống nào chăng, trái lại ông chỉ muốn lập nó thành một bảo đảm cho người ta thực hiện được chữ thành, chữ chân mà gìn giữ được « tiếng nói nhỏ bé trong nội tâm » mà thôi. Đặt nền móng thuyết Satyagraha ở nơi Thượng-Đế, và khiến nó qui về Thượng-Đế, đó chỉ là cách định nghĩa nó cho thật chuẩn xác. Là pháp độ cho nhân loại, là định luật của Thượng-Đế,

thuyết bất-bạo-động chỉ có thể phát-triển và chiến thắng trong đường lối nhu thuận, ôn hòa, khiêm tốn, tin tưởng và khiêm ái. Bao lâu thế-giới chưa biết vận dụng nội tâm để chấp nhận nó, bao lâu các quốc-gia, các xã-hội và cả loài người chưa biết sử dụng nó như một thứ men làm cho mình nổi dậy, thì nó chưa thể nào thay thế được các định luật hà khắc của công lý loài người và các nhu yếu nghiệt ngã của bạo lực trần gian.

Vai trò của thuyết Satyagraha không phải là thay thế cái trật tự khốn khổ loài người đã tổn công xây-dựng nên qua bao nhiêu chiến cuộc, qua bao nhiêu chiến tranh xã-hội và chính-trị tàn khốc. Nếu vai trò của nó là như vậy thì nó không sao tránh khỏi vận số của một nước không tưởng nhân danh nghĩa nhân-ái siêu-việt mà thiếu dứt cả tự-do cùng nhân-quyền như đã có lúc là vận số của Ki-tô-giáo từ độ xa xưa nào ; vai trò của nó là phá hủy từ từ, theo nhịp tiến triển của nội-tâm, những điều người ta coi là xác thực mà kỳ thực chỉ là những điều hư ngụy hay những điều quá ư tàn nhẫn, phũ phàng. Tóm lại, ta có thể coi Satyagraha là một thuyết lãnh đạo vai trò của một đảng tiên tri tới cảnh cáo trần gian phải theo đường ngay nẻo chính là đường Chân-Như và Kiêm-Ái, nếu muốn tìm đường tự giải phóng, và chắc chắn đồ đệ của thuyết ấy chỉ gồm một thiểu số ưu tú ít ỏi của nhân-loại, mà Phúc Âm từng gọi là « đàn chiên bé nhỏ ».

HẾT

HOÀNG-MINH-TUYNH

Nhận-định

Nhu cầu « thổ lộ can trường »

Nói là một nhu cầu khẩn thiết của loài người. Tâm hồn người ta khi ưu tư, phiền muộn cũng như khi hoan hỷ, khoái lạc, đều mong mỏi được « thổ lộ can trường » với người tri kỷ.

Ngôn ngữ vốn là khí dụng tâm hồn dùng để diễn đạt ý tưởng và gây niềm thông cảm với xung quanh, nên kẻ quả ngôn thường khi rất đau khổ bởi thiếu người tri kỷ : tính nhút nhát, sự e ngại không gặp kẻ hiểu biết, chịu nghe, khiến họ hầu như trở thành tê liệt, khó bề tự phát.

Trong thế gian liệu được bao người có đủ đảm lược quên mình để đóng vai tâm phúc cho những mảnh hồn đau khổ được dịp cởi mở tâm tư hầu giảm bớt được ám ảnh triền miên của những nông nỗi u sầu, uất ức ?

PHẠM-HOÀNG

BÁCH KHOA CIX

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**
(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON



IBN - SEOUD

(1881 - 1953)

MỘT VỊ ANH HÙNG NHỜ KIÊN
NHẦN TRONG NỬA THẾ-KỶ MÀ
TẠO NÊN ĐƯỢC MỘT QUỐC-GIA
PHÚ CƯỜNG Ở GIỮA SA-MẠC.

★ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

« Con đã học được cái đạo cao rộng nhất
ở đời rồi đó, con đã học được đạo Vạn
năng, tức đạo Kiên-nhẫn ».

Cổ thư Ả-rập

(tiếp theo B. K. số 107)

Khôi phục lại giang san

Và chuyển đi đó đã thành công !

Nhưng không phải là thành công một cách dễ dàng. Mới đầu, Aziz đánh du kích những đồn nhỏ và thương đội, cướp được khí giới và tiền bạc rồi lưu động đi nơi khác liền. Chiến lợi phẩm phân phát hết cho thủ hạ. Người ta đồn nhau rằng Aziz giàu có và hào phóng, trả lương quân lính rất hậu, nên một số đông quân lưu manh ùa theo chàng. Nhưng các hào mục không dám theo vì thấy lực lượng của chàng chưa có gì mà sự trừng phạt của Rashid thì đáng kinh. Chàng tới đâu, người ta cũng đề phòng trước, không cướp phá thêm

được gì nữa. Tiền cạn, lạc-đà chết mòn, thủ hạ trốn đi lần lần. Chàng đành phải ẩn náu ở phương Nam, nơi mà gia-đình chàng lang thang trước khi được đón lại Koweit.

Abdul Rahman sai người tới đó khuyên chàng về, đợi một cơ hội khác. Chàng triệu tập thủ hạ lại, bảo họ.

— Tương-lai không có gì là sáng sủa cả. Chúng ta còn phải chịu đói khát, cực khổ nhiều nữa. Riêng phần tôi, tôi nhất định chiến-đấu cho đến cùng, dù là chiến-đấu một mình, dù chết cũng không sợ. Nhưng tôi không nỡ bắt buộc các anh em phải theo tôi. Vậy ai muốn quay về với cha mẹ, vợ con thì cứ về.

Họ bỏ đi gần hết, chỉ còn lại một chiến-sĩ can đảm tên là Jilouy, em trai chàng tên là Mohammed, ba chục người Ả-Rập đi theo chàng từ Koweit, với mười người mới theo sau này, tổng cộng khoảng bốn chục người.

Họ thề đồng sinh đồng tử với nhau.

Aziz đổi chiến lược, phải chiếm kinh thành một cách chớp nhoáng. Muốn vậy phải ẩn náu trong 2 tháng sao cho địch tưởng mình chết rồi. Thời kỳ này là thời kỳ gian truân nhất trong đời chàng. Trốn vào đâu bây giờ? Trong sa-mạc không có rừng, núi, nhà cửa, mà hễ bắn một phát súng để giết con mồi thì tiếng súng vang dội lên hàng chục cây số chung quanh, đốt một cành cây để thui con dê thì khói bay lên cách năm cây số cũng trông thấy. Mà nào có phải trốn một mình. Trên bốn chục người! Họ phải núp suốt ngày sau những động cát, xa đường đi, nhịn ăn, nhịn uống, đêm xuống mới dám bò đi kiếm nước hoặc chà là. Thủ hạ của chàng bất bình, thà chiến đấu rồi chết chứ không chịu nổi một cuộc đời như vậy. Ngày nào chàng cũng phải an ủi họ, nhắc nhở họ lời thề đồng sinh đồng tử và ban đêm phải canh gác cho họ ngủ. Các nhà cầm-quyền ở Ryhad tưởng chàng đã chết vì đói khát nên không đề phòng cẩn mật nữa.

Lúc đó chàng mới ra tay, lặng lẽ đêm đi, ngày nghỉ, tiến lên phương Bắc. Khi cách Ryhad mười cây số, để một số người ở lại bên cạnh một giếng nước với bảy lạc-đà, bảo họ nếu hai mươi bốn giờ sau mà không được tin tức gì của chàng thì coi chàng như chết rồi, và ai nấy tìm đường mà về Koweit.

Rồi chàng dẫn ba chục thủ hạ tiến

tới sát chân thành, đến một cây chà là, để Mohammed ở lại với hơn hai chục người làm hậu thuẫn, dặn nếu trưa hôm sau không có tin tức gì thì đại sự đã hỏng, mau mau rút lui đi; chỉ còn chàng, Jilouy và sáu người nữa là leo vô thành, gõ cửa nhà một người quen, hỏi thăm tin tức, biết rằng viên Thống-đốc ở trong đồn Masmak với 24 tên lính, mỗi buổi sáng ra cửa đồn khám ngựa một lần, còn tư dinh của ông ta thì không có lính canh. Bọn Aziz leo tường vô được tư dinh, trói chặt vợ viên Thống-đốc lại mà gia nhân không hay.

Sáng hôm sau, viên Thống-đốc vừa ra khỏi đồn để khám ngựa thì Aziz và Jilouy phóng lại đâm, trong khi sáu thủ hạ cản đường lính trong đồn. Chỉ trong một giờ là đồn bị chiếm, viên Thống-đốc bị giết, nhưng lính sống sót bị cầm tù. Bên Aziz có hai thủ hạ thiệt mạng. Dân chúng Ryhad hay tin đó, tự động đánh phá những đồn khác trong tỉnh. Tối giữa trưa, Aziz đã khôi phục lại được kinh đô của tổ tiên. Đúng giờ đó ở Koweit, vợ chàng sanh thêm một đứa con trai, đặt tên là Saud, sau này nối nghiệp chàng. Danh của chàng bắt đầu vang lên trong khắp sa-mạc.

Ít lâu sau, quốc vương Rahman về Ryhad, báo cáo với dân chúng rằng từ nay Abdul Aziz sẽ thay ông nắm quyền chính-trị, còn ông chỉ giữ quyền tôn-giáo.

* *

Hay tin đó, Rashid vô cười ha hả:

— Mắc bẫy ta rồi.

Rồi đem quân vây đánh Aziz. Nhưng Aziz đâu có đại, ngồi đó cho bị vây ; chàng rút quân xuống phương Nam, và dùng thuật du-kích để tĩa lần quân địch. Trong hai năm 1903, 1904, hai bên chiến đấu rất hăng, nhưng bắt phân thắng bại.

Một lần đạn nổ ở trước mặt. Aziz văng mất một ngón tay và bị thương nặng ở đầu gối, máu ra rất nhiều, té xỉu, nhưng khi thấy hàng ngũ rối loạn, chàng nghiêng răng leo lên lưng ngựa, tiếp tục chiến đấu để gây lại lòng tin cho sĩ tốt.

Tình hình có vẻ nguy ngập, chàng phải chống nạng đi khắp tỉnh này tỉnh nọ, hô hào dân chúng, giảng cho họ hiểu rằng chiến tranh này không phải một sự tranh giành ngôi báu mà là vấn đề sinh tử cho toàn dân vì Rashid là tay sai của Thổ. Thấy gương can đảm của chàng, mọi người vững bụng, hăng hái chiến đấu, bao vây và diệt được một đại đội Thổ ở Shinanah.

Lợi dụng thắng thế đó, Aziz nhờ Mubarrak làm trung gian để điều đình với Thổ vì chàng biết không đủ sức chống cự với cả Thổ lẫn Rashid. Vua Thổ thấy hao quân tổn tướng mà miền Nedjd không phong phú gì, lại ngại nếu diệt Nedjd thì xứ Hail sẽ quá mạnh, nên bằng lòng nhận Abdul Aziz làm vua xứ Nedjd, nhưng Aziz phải để cho quân đội Thổ đóng ở hai nơi tại phía Bắc Nedjd, gần biên giới Hail.

Dân chúng Nedjd hay tin hiệp ước

đó, bắt bính cho rằng mình bị bán đứng. Aziz phải giảng cho họ :

— Hãy khoan, đừng vội nóng. Còn dở cuộc mà, đã xong đâu.

Ông đổi chiến lược : không vật lộn nữa mà thoi ngấm. Lính Thổ lại đóng ở Quasim. Aziz sai quân lính giả làm quân bắt lương đánh phá, cướp bóc lính Thổ trên các đường giao thông. Đêm nào cũng có những vụ nhỏ nhỏ xảy ra, quân Thổ không sao tiểu trừ được, mất lương thực, mất khí-giói, tối ngủ cũng không yên. Chỉ trong một năm họ mất tinh thần, chỉ mong được về xứ sở, Chính phủ Thổ yêu cầu Aziz trị giùm những thảo khấu đó, Aziz mỉm cười nhận lời, nhưng tình hình đã chẳng giảm mà còn tăng.

Thời đó Thổ đã là một con bệnh hấp hối, bị Anh, Nga, Pháp dòm ngó, các thuộc địa muốn nổi lên mà trong nước các đảng cách mạng bắt đầu hoạt động dữ. Aziz biết vậy, chờ trái cây chín mùi rồi lượm, khỏi phải phí sức. Quả nhiên, Vua Thổ thấy tình hình ở Quasim không êm, muốn hối lộ Aziz để tiểu loạn giùm cho. Aziz đáp rằng không ai mua chuộc được mình. Cuối năm 1905, Thổ đành rút hết quân ở Quasim về.

Lúc đó Aziz mới đem toàn lực tấn công Rashid. Một đêm bão cát mù mịt, xuất kỳ bất ý, ông cầm đầu một đội quân tiến như bay về phía trại Rashid, chém đầu được Rashid. Quân của Rashid không kịp trở tay, hầu hết bị đâm chết ở trong lều.

Khi khải hoàn về Ryhad, ông được toàn dân hoan hô. Rahman nhường nốt quyền tôn giáo cho ông, và ông chính thức lên

ngôi vua, lấy niên hiệu là Ibn Séoud (1) Ông triệu tập quân sĩ, đồng-dục tuyên bố :

« Chúng ta đã làm được nhiều việc. Nhưng so với những việc còn phải làm thì bấy nhiêu chưa thấm vào đâu cả. Ta không bắt buộc ai phải tuân lệnh ta đâu. Nếu các người theo ta thì ta hứa chắc với các người rằng, nhờ Allah phù-hộ, các người sẽ được về-vang. Ta sẽ làm cho các người thành một dân tộc lớn, thịnh vượng hơn tất cả những thời trước. Tôn giáo chúng ta sẽ được phục hưng, quân ngoại xâm sẽ bị đuổi ra khỏi cõi. Cho nên ta dặn các người : đừng để binh khí sét đi ! Phải sẵn sàng để chiến đấu nữa ! Tiến tới ! Phục hưng tôn giáo và chiếm cõi Ả-Rập ! »

Năm đó ông mới hai mươi lăm tuổi. Trong lịch sử nhân loại, có lẽ không có một vị quân vương khai quốc nào mà thành công sớm như vậy.

Thống-nhất xứ Ả-Rập

Tuy Rashid bị giết, nhưng xứ Hail chưa quy thuận. Một bộ lạc ở giáp ranh Koweit, bộ lạc Mutair không chịu phục tùng Ibn Séoud đem quân tới, đốt cháy làng mạc, treo cổ hào mục vừa xong thì ông phải trở về phương Nam để diệt bộ lạc Ajman. Cũng san bằng hết các châu thành, bắt được mười chín tên trong đảng Âm-sát, đem chém đầu mười tám tên ở giữa chợ, còn một tên, tha chết để về kể chuyện đó lại cho mọi người nghe. Trước khi giải tán, vỗ về quần chúng.

— Các người là thần dân yêu mến của ta. Phải trừng trị các người, ta đau lòng

(1) Ibn : tiếng Ả-Rập có nghĩa là con trai. Séoud là tên giòng họ. Ông là bảy đời của Abdul Aziz tên là Séoud.

lắm. Vậy đừng bắt ta phải ra tay lần nữa. Các người về lựa lấy một viên thống đốc nào trung thành ta có thể tin được, ta sẽ để cho các người tự cai trị lấy nhau, miễn là đừng phản ta.

Ông dự biết tính tình của người Ả-Rập, họ trọng nhất sức mạnh và sự công bằng. Ông đã tỏ cho họ thấy rằng ông có đủ hai điều đó. Từ nay họ sẽ theo ông. Thế là tình hình nội bộ được yên.

Nhưng tình hình ở ngoài có vẻ đáng lo. Năm 1908, đảng Thanh niên Thổ làm cách mạng, thành công, vua Héhemet V lên thay Abdul Hamid, và nội các mới của Thổ muốn gây lại lực lượng, củng cố các thuộc địa trong số đó có Ả-Rập.

Lại thêm những hoạt động của Anh mỗi ngày một tăng. Anh trước kia giúp Mubarrak chống lại với Rashid là có ý dòm ngó Koweit. Quả nhiên năm 1903, Koweit phải nhận sự bảo hộ của Anh. Rồi Anh với Nga thỏa thuận nhau để chia xẻ Ba-Tur : phía Bắc Ba-Tur về Nga, phía Nam về Anh. Anh lại chiếm kinh Suez và « đấm mồm » cho Pháp xứ Maroc.

Ibn Séoud đâm lo : bây chớ sói đó bao vây khắp phía rồi, không còn đường ra biển nữa, chịu chết cháy trên bãi cát và đá này ư ? Chưa hết cái nạn Thổ đã đến cái nạn Anh, mà tụi Anh mạnh mẽ, xảo quyệt gấp mười tụi Thổ.

Càng nguy thì càng phải tính gấp. Phải mở một đường ra biển. Con đường gần nhất là chiếm xứ Hasa ở phía đông Nedjd. Xứ đó là thuộc địa của Thổ, mà Koweit ở phía Bắc Hasa là xứ bảo hộ của Anh. Chiếm Hasa thì sợ Anh can thiệp,

như vậy phải đương đầu cả với Anh lẫn Thổ. Đành phải nhờ Mubarrak dò ý người Anh trước đã. Mubarrak báo chính-phủ Anh rằng cần phải đuổi người Thổ ra khỏi vịnh Ba - Tư, mà chính người Anh chiếm Hasa thì các nước khác sẽ la ó, còn để Ibn Séoud chiếm thì chỉ là việc nội bộ giữa các dân tộc Ả-Rập với nhau, sẽ không lớn chuyện. Anh nghe bùi tai, bằng lòng làm ngơ.

Ibn Séoud bèn cho người vào nội địa Hasa dò thám, rồi xuất kỳ bất ý, đương đêm cho quân lính leo thành, tới sáng thì chiếm được kinh đô Hasa mà dân chúng ngủ say không hay gì cả.

Các nhà cách mạng Syrie thấy chiến công của ông oanh liệt, muốn nhờ ông tiếp tay để đuổi Thổ ra khỏi Syrie, ông từ chối, tự xét sức chưa đủ, cần phải tổ chức lại nội bộ cho mạnh đã.

Thần dân của ông gồm hai hạng người: hạng làm ruộng, buôn bán định cư ở làng mạc, châu thành — hạng này là thiểu số — và hạng du mục, lang thang khắp nơi, nay đây mai đó. Hạng trên trung thành với ông, còn hạng dưới thì không thể tin được. Họ rời rạc như những hạt cát, hễ nắm chặt lại thì còn ở trong tay mà mở tay ra thì trôi theo những kẽ tay mất. Tinh thần cá nhân của họ rất mạnh, họ rất phóng túng, không chịu một sự bó buộc nào, tính tình thay đổi, nay thân với người này, mai đã phản lại, sản xuất thì ít mà phá hoại, cướp bóc thì nhiều, không thể dùng làm lính được vì không chịu kỷ luật, chỉ hứa theo kẻ thắng để lột kẻ bại.

Muốn cho quốc gia Ả-Rập mạnh lên, phải nhào họ thành một khối bằng tinh

thần tôn giáo như Mahomet hồi xưa đã làm, rồi phải định cư họ, biến họ thành nông dân để kiểm soát họ, bắt họ sản xuất, khỏi cướp bóc nữa. Chương trình này thực mới mẻ và táo bạo, từ xưa các vua Ả-Rập, chưa ai nghĩ tới.

Ibn Séoud biết rằng sức phản động của các giáo phái sẽ mãnh liệt vì chẳng những ông đi ngược tục lệ cổ truyền mà còn làm trái cả lời trong Thánh kinh Coran. Trong kinh có câu: « Cày vào gia đình nào thì sự nhục nhã vào theo gia đình ấy ». Ông phải triệu tập các nhà tu hành lại, giảng cho họ hiểu kế hoạch phú quốc cường binh của ông, trả lời tất cả những lời chất vấn, đã đảo tất cả những lý lẽ cổ hủ của họ; vừa mềm mỏng, vừa cương quyết, như vậy suốt một tuần lễ họ mới chịu nghe và bằng lòng tạo một đội quân phụng sự Chúa, đội Ikwan. Họ đi khắp xứ tuyên truyền cho chính sách mới, chính sách lập đồn điền, và họ khéo tìm đâu được một câu của Mahomet đại ý rằng « Tín đồ nào cày ruộng là làm một việc thiện » để bênh vực chủ trương của nhà vua.

Mặc dầu vậy, dân chúng vẫn thờ ơ. Họ vẫn thích cái đời phiêu bạt hơn, vẫn sống theo câu tục ngữ: « Tất cả hạnh phúc trong đời người là ở trên lưng ngựa. », vẫn chỉ muốn nghe tiếng gọi của gió trên sa mạc, tiếng hí của ngựa trên đồi vắng, dưới nền trời lóng lánh những vì sao. Rút cục khắp nước chỉ có ba chục người nghe ông mà định cư.

Ibn Séoud không cần gì hơn. Trước kia chỉ có bốn chục thủ hạ

còn chiếm lại nổi sơn hà trong tay địch, nay có ba chục người sao không tạo nổi một đồn điền ? Ông biết cái luật bắt di bắt dịch này là muốn tạo cái gì vĩ đại thì bắt đầu phải tạo một cái nhỏ nhỏ đã.

Ông dẫn ba chục người đó lại ọc đảo Artawiya ở giữa đường từ Nedjd tới Hasa, một nơi hoang vu vào bực nhất chỉ có bốn năm cái giếng nước cạn, dăm chục cây chà là và vài mẫu đất cằn. Tuyệt nhiên không có lấy một cái chòi. Ông cho họ rất ít tiền, sai người chỉ họ cách cấy bừa, tát nước, xây cất nhà ở và một giáo đường nho nhỏ. Rồi ông bảo họ :

« Các người có nhiệm vụ thiêng-liêng là mở đường cho một cuộc cải cách lớn lao. Tương lai xứ sở ở trong tay các người... Phải tin tưởng. Kể nào ngày nay chế giễu các người sau này sẽ ân hận. Ta muốn cứu vớt họ ra khỏi cảnh đói khổ, ngu dốt mà họ không biết. Phải đoàn kết với nhau. Chúa sẽ che chở các người và ta cũng che chở các người. »

Ông thường lại thăm họ, có khi trò chuyện với họ suốt đêm, ngủ chung với họ. Lần lần lúa mọc lên, tươi tốt. Xóm nhà đã thành một làng có trường học, rồi thành một châu thành. Dân làng trong có mấy năm đã ra khỏi thời Trung cổ mà bước vào thời Hiện đại. Các nơi khác cũng bắt chước, và trong vòng năm năm, đội Ikwan mới đầu chỉ có ba chục người, tăng lên tới năm vạn người. Mà năm vạn người đó là năm vạn chiến sĩ có kỷ luật, đoàn kết với nhau thành một khối.

Ông có một quân đội đáng kể rồi, muốn khuếch trương thế lực, phải chinh phục xứ Hedjaz chiếm những thánh địa Médine và Mecque có vậy mới thống nhất xứ A-Rập được. Nhưng người Anh có để yên cho ông hoạt-động không ?

*
* *

Vừa may, thời cơ tới. Đại chiến thứ nhất bùng nổ, vang dội qua phương Đông. Các chính khách Anh, Đức, Pháp, Ý, Thổ, Nga và cả Nhật nữa ủa nhau tới Suez, Bassorah, Téhéran để mua chuộc dân bản xứ. Thổ đứng về phe Đức, chống lại Anh. Anh, Thổ, Đức đều ve-vãn Ibn Séoud.

Mới đầu ông do dự, xét tình hình xem phe nào thắng sẽ nhập phe đó, cho nên tiếp đãi sứ thần Anh rất niềm nở, nhưng không hứa hẹn gì cả. Thổ hay tin Anh thương thuyết với ông, đem quân đánh, ông chống cự kịch liệt, sau cùng thắng, nhưng tổn thất khá nặng. Anh thấy lực lượng của ông mạnh, tặng ông một số tiền (1) và khí giới, để cho ông đứng trung lập.

Ông vẫn rình cơ hội để chiếm Hedjaz, nhưng Anh giúp Hedjaz để Hedjaz tuyệt giao với Thổ mà đứng về phe mình, thành thử ông không dám tấn công Hedjaz, đành đợi cơ hội khác, nhưng ông bảo thẳng vào mặt sứ thần Anh rằng viện trợ cho Hussein, quốc vương Hedjaz, là một điều lầm lẫn vì Hussein vô dụng, dân chúng Hedjaz theo ông chứ không theo Hussein.

Thực vậy, Hussein rất thất nhân tâm, không có tinh thần quốc-gia, trước làm

(1) Năm ngàn Anh kim mỗi tháng.

tay sai của Thổ, bây giờ làm tay sai của Anh, mục đích chỉ là để củng cố địa vị, vor-vét của dân, bắt những tín đồ hành hương tới thánh địa Mecque phải chịu một thuế cư trú rất nặng, biến đổi thánh địa thành một nơi buôn bán và trụ lạc.

Đại tá Lawrence trong cơ quan *Arabia Office* của Anh ở Caire nhận xét làm Hussein, tưởng ông ta có uy tín, mua chuộc ông ta để làm hậu thuẫn trong khi Anh chiến đấu với Thổ ở Syrie, lại bừa với ông ta khi chiến tranh kết liễu sẽ cho làm thủ lãnh các quốc-gia Ả-Rập.

Nhưng một cơ-quan khác, *Indian Office*, không tùy thuộc bộ ngoại-giao Anh mà tùy thuộc Chính-phủ Ấn, lại ủng-hộ Ibn Séoud, biết rằng ông này có tài. Do đó mà chính-sách của Anh ở Ả-Rập có nhiều mâu-thuẫn, làm cho cả Hussein lẫn Ibn Séoud bất bình. Tệ hơn nữa, Anh lại ngầm thương-thuyết với Thổ để ký-kết một hiệp-ước tay đôi, kéo Thổ về mình hầu diệt Đức cho lẹ. Hiệp-ước đó bán đứng Ả-Rập. Ibn Séoud lợi dụng những mâu-thuẫn đó để sau này đập lại Anh.

Đại-chiến thứ nhất kết-liệu. Đế-quốc Thổ bị qua phân ra thành vô số tiểu-bang hoặc độc-lập, hoặc tự trị, bán tự trị. Các cường-quốc Pháp, Anh, Ý trong hội-ng nghị Ba - Lê cắt xén vá víu những xứ như Kurdistan, Irak, Syrie, Liban, Palestine, Transjordanie, Hedjaz, Yemen, gây ra nhiều vấn-đề rất khó giải-quyết cho ổn thỏa. Anh lúc đó mạnh nhất, chiếm trọn miền từ Ai-Cập tới Ba-Tư. Miền đó hợp với Ấn-Độ, thành một đế-quốc mênh mông mà họ gọi là Đế-quốc Trung-đông (Middle Eastern Empire). Thế là cái mộng của Disraeli,

Gladstone đã thực hiện được Chính-phủ Anh xoa tay khoan khoái.

Nhưng làm sao giữ nổi những thuộc-địa và bán thuộc-địa đó? Lính Anh, sau bốn năm trên mặt trận chỉ đòi được giải-ngũ để về với cha mẹ, vợ con. Ở Luân-Đôn, dân chúng biểu-tình rầm rộ, hô lên khẩu hiệu: « Cho con trai chúng tôi về nhà » Quốc-hội lại đòi giảm ngân sách tới mức tối thiểu để nhẹ thuế cho dân vì dân đã hy-sinh quá lớn trong bốn năm rồi. Chiến-tranh đã hết thì người ta phải nghỉ ngơi, vui thú với gia-đình, may sắm, tiêu khiển chứ!

Vì vậy chính-phủ Anh phải rút bớt quân ở các thuộc-địa, tìm những tay sai Ả-Rập để đưa họ lên hàng thủ-lãnh giữ trật tự trên bán đảo Ả-Rập. Lawrence trong cơ-quan *Arabia Office* đề nghị Hussein, Philby trong *Indian Office* lại đề-nghị Ibn Séoud. Danh tiếng Lawrence lúc đó đương lên, nên đề-nghị của Lawrence được chấp thuận. Ibn Séoud chưa xét nhận thấy rằng mình vẫn chỉ được làm chủ ba miền Nedjd, Hail, Hasa, mà cái mộng thống-nhất Ả-Rập càng khó thực hiện hơn trước: Thổ đi thì Anh tới mà tại Anh tráo trở và cáo già không tưởng tượng được. đành lại phải nhẫn nhục đợi.

Vậy Hussein được chính-phủ Anh đề cử làm thủ-lãnh các quốc-gia liên-biệt Ả-Rập. Nhưng quốc-gia nào mà chịu phục Hussein con người già nua, quạu cọ, và tham lam đó. « Chỉ biết có vàng thôi, kiếm vàng cho thật nhiều, mỗi ngày một nhiều ». Thuế má tăng vùng vụt. Người ta tìm đủ cách để rút rĩa của túi dân đen. Dọc đường hành hương lại thánh địa Mecque, tín đồ thập phương muốn

uống nước trong các giếng ở sa-mac, phải trả tiền cho Hussein. Có những kẻ không có tiền phải chịu chết khát. Dân chúng phản uất vô cùng.

Hussein lại nóng nảy, cầm gậy đuổi sĩ quan Anh ra khỏi cung điện, mắng thẳng vào mặt Lawrence — ông vua không ngai ở Ả-Rập — là quân gian trá, hứa hão, lừa gạt mọi người, bán đứng dân Ả-Rập, vì chính-phủ Anh không cho ông ta quyền hành gì cả, mà người Pháp vẫn đóng ở Syrie, người Do-Thái vẫn còn ở Palestine. « Ả-Rập về người Ả-Rập ! » mà như vậy à ? Thế là Hussein bị cô lập : dân chúng đã ghét, mà người Anh cũng ghét. Hết hậu thuẫn và hết kẻ đỡ đầu.

Thời cơ thuận tiện đã tới. Ibn Séoud động viên quân Ikwan tinh nhuệ nhất, tấn công chớp nhoáng, quét quân Hedjaz ở Taif như quét lá khô rồi tiến tới Mecque. Dân chúng nổi lên, bắt Hussein phải nhường ngôi cho con :

— Đuổi giặc đi, nếu không được thì rút đi !

Có kẻ phá hàng rào, ủa vào cung. Hussein đành thu thập vàng bạc châu báu và các tấm thảm quý, chất lên mười hai chiếc xe hơi — cả xứ Hedjaz hồi đó chỉ có mười hai chiếc xe đó, đều là của nhà vua — rồi chạy lại Djeddah. Một chiếc du thuyền của Anh đã chờ sẵn ở đó để đưa ông ta lại đảo Chypre. Sao mà giống Mébémet VI, vua Thổ, đến thế ? Ít năm sau, Hussein vì thiếu nợ mà bị kết án.

*
* *

Chính-phủ Anh không ngờ rằng tay sai của mình lại yếu hèn đến thế, miệng thì nói thánh nói tướng mà chống cự với Ibn Séoud không được bốn mươi tám giờ đã bỏ cả giang san mà chạy trốn. Tự nghĩ nếu giúp đỡ Ali, con trai của Hussein thì thất sách vì gây thù với người Ả-Rập mà lại phải đem thêm quân từ Anh qua, dân chúng Anh sẽ bất bình, nên Anh làm bộ quân tử, tuyên bố y như các chính phủ thực dân muôn thuở, rằng « việc đó là việc nội bộ của người Ả-Rập, người Anh không muốn can thiệp vào ». Thế là Ali, người nối ngôi Hussein, cũng phải trốn luôn.

Ibn Séoud lúc đó còn đóng quân ở Taif, vội quay về Ryhad, phái sứ giả đi khắp các nơi trong sa-mac để báo tin thắng trận và yêu cầu các tiểu quốc đứng hẹn phái đại biểu tới thánh địa Mecque để cùng bàn với nhau về sự bầu cử người thay quyền các tín đồ mà giữ thánh địa.

Rồi giàn nhạc dẫn đầu, đội quân tập hậu, ông cưỡi lạc đà tiến vào Thánh địa. Suốt hai bên đường, dân chúng dất dúi nhau đi đón ông.

Khi ông đã vượt dãy núi ở chung quanh thành Mecque, khi đã nhìn thấy thánh địa rực rỡ trong ánh chiều ở dưới thung lũng, ông xuống lạc đà, cỡi bỏ ngựa bào, trao gươm cho một thị vệ rồi bận bộ đồ vải trắng, đi dép da, đầu trần, lên ngựa đi y như các tín đồ hành hương khác. Tới dãy lũy bao thánh địa, ông xuống ngựa, đi chân đất ; tới cửa Chánh điện, ông để các thị vệ đứng ngoài, một mình

bước vào sân điện. Phút đó cảm động nhất trong đời ông. Giọng sang sảng mặt cúi xuống, ông tụng kinh :

« Kính thưa Chúa.

Đây là thánh địa của Ngài.

Kẻ nào vô điện của Ngài sẽ được giải thoát.

Điện này là nhà của Ngài, chỗ ở của Ngài, thánh đường của Ngài ;

Là chỗ lưu trú của sự giải thoát
Hỡi Chúa !

Xin Chúa cứu con khỏi cảnh lửa địa ngục !

Xin Chúa cứu thịt và máu con khỏi bị lửa đốt,

Và cứu con khỏi cơn thịnh nộ của Chúa,

Vào cái ngày phục sinh của những kẻ phụng sự Chúa ! »

Ông hôn phiến đá đen ở trong điện rồi quỳ xuống cầu nguyện cho tới tối.

Hôm sau ông tiếp đại diện các dân tộc theo đạo Hồi-hồi ở trong điện của Hussein. Chúng ta biết rằng đạo đó có tín đồ ở khắp thế giới, từ Ai-Cập, A-Rập, Ba - Tư tới Ấn-Độ, Mã-Lai... Vấn-đề đem ra bàn là giao Thánh địa cho ai cai quản. Người Ấn-Độ đòi quyền đó về họ vì số người Ấn theo đạo đông hơn số các dân tộc khác. Người Ai-Cập phản đối viện lẽ rằng từ mấy thế kỷ nay họ vẫn kiểm soát sự hành hương. Không ai chịu nhường ai. Ibn Séoud cương quyết tuyên bố.

« Thưa chư vị đại biểu, xin chư vị tin chắc điều này là không khi nào tôi để cho người ngoại quốc kiểm soát đất đai của tôi.

Nhờ Chúa phù hộ, tôi sẽ giữ cho miền này được độc lập. Mà tôi nghĩ rằng không có dân tộc Hồi-hồi nào gởi đại diện lại đây hôm nay có thể đảm bảo sự tự do cho xứ Hedjaz vì lẽ rất giản dị rằng trong số những dân tộc đó không có một dân tộc nào tự do. Người Ấn-Độ, người Irak, người Transjordanie, và người Ai - Cập đều ở dưới quyền người Anh. Còn Syrie, Liban thì là thuộc địa của Pháp ; Tripolitaine là thuộc địa của Ý. Giao sự cai quản thánh địa cho những dân tộc đó có khác gì đem dâng thánh địa cho thế lực Da-tô không ?

« Tôi đã chiếm được thánh địa do ý chí của Allah, nhờ sức mạnh của cánh tay tôi và sự trung thành của dân-tộc tôi. Ở đây, chỉ có một mình tôi là tự do. Vậy chỉ có mình tôi là đáng cai trị khu đất thiêng-liêng này...

« Không phải là tôi muốn thống trị xứ Hedjaz đâu. Tuyệt nhiên tôi không có ý đó ! Chúa đã trao cho tôi xứ đó thì tôi xin nhận cho tới khi nào dân xứ Hedjaz có thể tự bầu cử một vị thống-đốc — một vị thống-đốc tự do, chỉ biết phụng sự Islam thôi — thì tôi sẽ trả lại ».

Các đại biểu câm miệng. Ibn Séoud đã theo gót được Mahomet. Làm chủ được thánh địa là làm chủ được xứ Ả - Rập. Ông phải chiến đấu ít lâu nữa để đuổi Ali ra khỏi Djeddah mà chiếm nốt Hedjaz. Người Anh lúc đó mới thấy ngôi sao của ông là rực rỡ.

Lawrence trước kia ủng hộ Hussein, gạt Ibn Séoud, « tên đầu cơ lưu manh », ra, nay thấy chính phủ bỏ rơi Hussein làm cho mình mang tiếng với người Ả-rập, với thế giới, đâm ra phẫn uất viết một bức thư cay đắng cho Anh

hoàng George V, không thèm tiếp thủ tướng Anh mà Anh hoàng phái tới để an ủi ; trả hết những bằng cấp, huy chương cho bộ Quốc-Phòng ; rồi làm những nghề dễ tiền nhất, bán thú nhốt, như nghề giữ ngựa, thợ lặn, chăn heo... tự dọ đầy tâm thân, có ý như để chửi vào mặt cả chính phủ Anh : « Khi người ta không giữ được lời hứa với bạn Đồng-Minh của mình, thì làm tên chăn heo còn vinh dự hơn là ngồi trên ngai vàng. »

Mặc dầu vậy lương tâm của ông vẫn bứt dứt, sau cùng ông đổi tên, đầu quân làm binh nhì — chúng ta nhớ trước kia ông làm đại tá và được biệt hiệu « Vua không ngai của xứ Ả-Rập » — rồi chết năm 1935 trong một tai nạn xe máy dầu. Khi chết, nét mặt ông vẫn còn giữ vẻ buồn vô tả. Một người bạn thân, nhớ hai câu thơ ông viết trong sa - mạc Ả-Rập, đặt một bó hồng bên thi hài ông. Hai câu thơ ấy như vậy :

« Thừa Chúa, được tự do lựa tất cả những bông hoa Chúa đã tạo ra, con đã lựa những bông hồng ủ rũ của thế giới

Vì vậy chân con bây giờ mới dỏm máu và mắt con mới mờ vì mồ hôi. »

Vị « gentleman » của Anh đó đã phải thua Ibn-Séoud. (1)

(1) T.E. Lawrence là một quân nhân kiêm chính trị gia và thi sĩ, hồi trẻ làm những nghề rất cực khổ ở Said, hiểu tâm lý người Ả-Rập được dân Ả-Rập yêu mến. Chỉ vì ông quá tin chính phủ Anh và không nhận thấy giá trị của Ibn Séoud mà đến nỗi đó. Ông viết ba bốn cuốn sách, cuốn nổi danh nhất đã được dịch ra tiếng Pháp, nhan đề là *Les sept piliers de la sagesse*

Năm 1926, Ibn Séoud giải-thoát xứ Aziz ở phía Nam Hedjaz khỏi nanh vuốt một ông vua tàn bạo. Ông muốn tiến quân thẳng xuống miền Yémen, miền trù phú nhất trên bán đảo, nhưng người Anh làm chủ Aden, một địa điểm quan trọng trên đường qua Ấn-Độ, vội phái sứ giả lại yết kiến ông để điều đình.

Lần này người Anh tỏ ra rất lễ độ, không xác láo như những lần trước. Ông thấy vậy, giữ một thái độ cương quyết, rút cục hai bên thỏa thuận với nhau rằng Ibn Séoud hoàn toàn làm chủ các xứ Nedjd, Hail, Hasa, Ataiba, Hedjaz, Asir, Ruba Al Khali làm chủ những thánh địa Mécque và Médine, còn những xứ Oman, Hadramount, Yémen thì được độc lập, không thuộc ảnh hưởng của một nước nào hết. Người Anh lại hứa sẽ thuyết phục các cường quốc châu Âu để họ nhận rằng Ibn Séoud là quốc vương chính thức của xứ Ả-Rập.

Năm đó là năm 1928. Sau khi chiến đấu trong một phần tư thế kỷ Ibn Séoud đã xây dựng được một quốc gia mệnh mệnh từ bờ Hồng-Hải qua vịnh Ba-Tur. Trên bán đảo Ả-Rập chỉ còn một dãy ở Tây Bắc, bên bờ Địa Trung Hải và một dãy ở Đông Nam, bên bờ Ấn-Độ dương là ở ngoài ảnh hưởng của ông. Quốc - gia đó, người ta gọi là xứ Ả-Rập của giòng Séoud (Arabie Séoudite). Ngày 4 tháng 11 năm 1928, ông triệu tập hết đại biểu các miền lại Ryhad để nghe lời bá cáo của ông.

Ông nhập đề bằng câu mà tôi đã dẫn ở đầu bài này.

« Khi tôi tới với các ông, thì tôi thấy các ông chia rẽ nhau, chém giết lẫn nhau, cướp bóc lẫn nhau không ngừng... »

Rồi ông giảng lý do ông đã mời họ lại. Ông muốn mở lòng cho họ hiểu ông, giải với họ những nỗi xích mích ngầm giữa họ và ông. Ông bảo :

« Nếu có ai muốn trách tôi điều gì thì cứ nói thẳng ra cho tôi biết rằng có muốn cho tôi cầm quyền không hay là muốn cho người khác thay tôi. Kể nào dùng cách dọa dẫm hay sức mạnh mà cướp quyền của tôi thì không khi nào tôi nhường. Nhưng tôi sẽ vui vẻ trao quyền lại các ông nếu các ông muốn, vì tôi tuyệt nhiên không muốn cai trị một dân tộc không thích cho tôi làm vua của họ.... Các ông quyết định đi ! »

Ngạc nhiên vì những lời đó — từ xưa tới nay có ông vua nào lại nói với thần dân như vậy đâu — quần chúng đứng im phăng-phắc rồi bỗng muồn miệng như một, họ hoan hô Ibn Séoud, yêu cầu Ibn Séoud giữ quyền bính.

Ông đưa tay ra hiệu cho họ im, nghe ông nói tiếp :

« Vậy các ông giao cho tôi trách nhiệm cai trị các ông. Nếu tôi làm điều phải thì các ông giúp tôi. Nếu tôi làm điều trái thì các ông uốn nắn lại cho tôi. Nói sự thực ra cho nhà cầm quyền thấy là tỏ lòng siêng năng và tận tâm. Giấu sự thực là phản bội... Nếu tôi làm trái luật Chúa và luật đăng Tiên tri (1) thì tôi không có quyền bắt thần dân vâng lời tôi nữa.... Vậy có ai muốn trách tôi điều gì, muốn phản nài điều gì, hoặc bị thương tổn về quyền lợi, thì cứ thẳng thắn cho tôi hay... Tôi sẽ ra lệnh cho các ông thẩm phán lấy công tâm mà xét. Nếu

tôi có lỗi thì các ông thẩm phán cứ lấy phép công mà xử tôi, như xử một người dân thường.... Lại cho tôi biết có điều gì phản nài về các ông thống đốc không. Nếu các ông ấy làm bậy thì tôi chịu trách nhiệm vì chính tôi đã bổ dụng họ... Cứ nói thực đi, đừng sợ ai hết. »

Tôi có thể chắc chắn rằng Ibn Séoud không hề biết *Tứ thi* và *Ngũ kinh* của đạo Khổng, nhưng đọc lời bá cáo đó tôi nhớ lời bá cáo của vua Thang chép trong *Thượng thư*.

« Kỳ nhĩ vạn phương hữu tội tại dư nhất nhân, dư nhất nhân hữu tội, vô dĩ nhĩ vạn phương »

(Vạn dân có tội là tại một mình ta ; cho nên một mình ta chịu tội, không lụy gì đến vạn dân cả.)

Ý nghĩa phảng phất như nhau.

Ibn Séoud giữ đúng lời hứa : mấy hôm sau ông lập một tòa án đặc biệt để xét những lời phản nài và thỉnh nguyện của quốc dân. Ông hiểu tâm lý họ : càng dễ cho họ bàn cãi, phê bình hành vi của mình thì họ càng dễ bảo. Nhưng ông cấm tuyệt họ giải quyết lấy những tranh chấp giữa cá nhân và giữa các bộ lạc. Quyền đó phải về ông, nếu không thì loạn, không còn kỷ cương gì nữa.

Trước khi giải tán các đại biểu, ông thết đại yến. Dân chúng hoan hô nhiệt liệt khi thấy sứ thần Thổ, Ý, Pháp, Anh, Đức, Hòa-Lan, cả Mỹ và Nhật nữa dâng quốc thư lên ông. Họ thực là mau chân, nhưng vẫn còn đi sau một nước, nước Nga, vì ba tuần lễ trước, xứ Ả-Rập của giòng Séoud đã được Nga - xô thừa nhận !

(còn nữa)

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

(1) Tức Mahomet.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghĩ (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

BỆNH THỜI-ĐẠI

★ MỘNG - TRUNG

(Xin xem từ B. K. số 108)

Anh Ng...

Chắc anh buồn cười khi thấy một người tay ngang như tôi mà cứ bàn mãi về bệnh và nguyên nhân bệnh. Nhưng anh ạ, nghiên-cứu, tìm tòi và điều trị là bốn phần và nghề nghiệp của nhà chuyên môn. Còn tôi, tôi chỉ nói những thắc mắc, những cảm nghĩ và sự nhận thức của tôi mà thôi. Trật hay trúng còn phải do ý-kiến của người thức-giả. Tuy vậy tưởng cũng không đến nỗi vô ích, nên tôi đường đột bàn phiếm với anh một lần nữa về một hình thức khác của chứng bệnh thời đại mà tôi đã nói với anh trong lá thư rồi.

Gần đây chứng bệnh làm chấn động dư luận thế giới mà báo chí các nước đã nhiều lần nói đến tức là bệnh của các cậu áo da đen (Blousons Noirs). Cũng như ở Pháp, bên Mỹ có những bè đảng mang tên là Feenagers, Beatnik, của Nga tên Houligan, của Anh tên Teddy boys, còn bên Việt-

Nam có phải tên là «Cao bồi» không anh nhỉ ? Còn những bè đảng của các nước khác nữa tên gì tôi không nhớ hết được.

Sở dĩ tôi gọi đám thanh niên này là bệnh nhân vì cũng như số bệnh nhân khác : họ không để ý họ bị nhiễm độc bởi ngọn gió nào hay trong trường hợp nào, họ không thể tránh được khi bệnh tới với họ ; mà họ chỉ biết họ đau sau khi họ bị cơn bệnh hành hạ giằn vặt mà thôi. Trạng thái bệnh của họ khác hơn bệnh nhân thường là họ không đau về thể-xác, cho nên họ cũng không hay họ đau, vì ngược lại họ là những thanh-niên đầy sức sống. Nhưng tinh-thần và tình cảm họ bị một áp-lực của những ý-thức điên rồ từ bốn phương đưa lại làm xáo trộn, bộ óc non nớt của họ chịu những ảnh-hưởng xấu của xã-hội, của cuộc sống xô bồ giữa thời-đại này mà trở thành bệnh hoạn. Hiện nay họ là những bệnh

nhân nguy-hiểm, chứng bệnh du-đăng của họ đang truyền nhiễm rất mạnh mẽ và mau chóng trên thế-giới. Họ hành-động ngông cuồng, táo bạo, không mục-phiêu nhất-định, không ý nghĩa cao cả; chỉ gây tai hại cho dân chúng và cho chính họ. Nhưng họ không dừng được vì giống như các chứng bệnh khác — nó có thể lành là chỉ khi nào nó gặp được một phương thuốc hay.

Tôi không biết rõ từ chi-tiết hành-động của những bè du đăng ở các nước khác, nhưng ở Pháp, tôi đã chứng kiến cái cảnh một đôi vợ chồng già đi bách bộ dạo mát trên lề đường, bị một đám thanh niên từ 15 đến 20 tuổi bắt phải hôn nhau đến khi nào họ cho phép nghỉ. Một cô gái độ 18 đến 20 tuổi bị họ tấn vào vách rồi cả chục cậu thay phiên nhau hôn hoặc bực tóc, xé áo bên lề đại lộ cho đến khi nào có cảnh sát đến can thiệp. Những tiệm cà-phê lo cho họ uống xong, chẳng những không được họ trả tiền mà ly tách còn bị họ đập bể nát. Trong những ngày lễ các cậu đôi khi có cả các cô, thường tụ họp ở các góc đường hoặc ở các công-viên bàn tính, chừng như để mưu toan việc lớn. Chắc anh cũng thấy trên báo đăng tin nhiều «nữ tướng» từ 16 đến 23 tuổi mà đã có đủ bản lĩnh chỉ huy một toán cướp đàn ông không khác nào những nhân-vật trong tiểu-thuyết của ông Phạm-Cao-Củng. Suốt ngày ngông nghênh ngoài đường, các cậu đều để tóc dài và uốn quăn như đàn bà, cằm có râu mèo lún phún hoặc râu quai nón, mình mặc «sor-mi» màu rực rỡ hoặc sọc để hở cổ, quần «bluejeans», thật dơ chân mang giày gót cao «bottes de cow boy», khoác trên vai một cái áo da đen bóng mà trên bầu và phía trong áo có lót lông trừu vàng. Hai tay các cậu thọc vào túi quần ra vẻ «ta đây» và như sẵn

sàng bày mưu tác quái hoặc phá phách thiên hạ. Còn một việc nguy hiểm mà chắc anh cũng đã biết: trong túi họ thường có dao cạo, dao tu, dao nhỏ, dây nịch da, giấy «sên» xe máy, có khi là súng nĩa — để phòng khi trả thù hoặc đánh nhau với nhóm khác. Những cậu hiền lành trong bè đảng này ít nhất cũng có một «bộ gió» rất khó chịu: nói năng «nhát gừng», xem phim cao bồi và nghe toàn đĩa hát giựt gân, để đôi khi các cậu lấy dáng cho thật giống một «anh hùng rơm» và hát rống giọng bằng tiếng ngoại quốc đến nổi gân cổ với bộ mặt nhăn nhó dị kỳ. Đó là các cậu chỉ bắt chước một phần nhỏ lối biểu-diễn của những ban nhạc theo «luồng sóng mới» (nouvelle vague); trong đó nhạc-sĩ và ca-sĩ vừa đàn hát vừa nhảy và làm trò như phờng xiếc. Ví dụ lúc đàn nhạc-sĩ cúi đầu xuống đất móc ngược cẳng lên cây đàn «piano» hoặc trèo nằm sắp lên trên cây đàn mà cũng có thể vói tay lên đàn được. Các cậu thổi kèn và đàn lục-huyền-cầm cũng vừa trồng trái vừa đàn hát đúng nhịp. Còn ca sĩ thì vừa hát vừa làm trò với máy vi-âm hoặc ôm nó mà run, giãy đành đạch! Khán giả toàn là trẻ tuổi, vừa cãi vã vừa hoan hô hoặc la hát theo ca sĩ rồi tràn lên sân khấu giựt máy vi-âm. Thật là một cảnh mê loạn náo nhiệt và hỗn độn từ trên sân khấu tới đám khán giả, có khi lại xảy ra đánh nhau nữa là khác.

Trò chơi hiền nhất của các cậu là họp lại đứng khít bên lề đường chờ xe hơi chạy gần đến, các cậu ào ra một lượt làm cho tài xế phải một phen hết hồn thảng gập chiếc xe lật bánh, để rồi các cậu phá lên cười. Có khi mỗi cậu cười

một chiếc xe đạp chạy thật mau sấn tới trước đầu xe hơi đang ngon trớn, tài xế càng sợ càng la thì các cậu càng khoái chí, hoặc các cậu ngồi lên từng cặp trên xe « Vespa » rồi chạy vòng mạng rượt bắt nhau trong thành phố. Anh có biết không ? có một đạo nhà chức trách Balê bị báo động dữ dội vì nạn « áo da đen ». Minh ra đường dù không sanh sự mà vẫn lo sợ sự rủi ro có thể xảy đến cho mình. Báo chí thường đăng tin người trong bè đảng này đã ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp, có khi đến hăm hiếp giết người và chống lại với cảnh sát.

Để ngăn ngừa những việc đáng tiếc như trên xảy ra liên tiếp và cũng để tiêu trừ lực-lượng du đang không cho bành-trướng, nhà chức-trách đã cho lệnh cảnh-sát theo dõi tận ổ các bè đảng này, bắt tất cả những thanh-niên tụ họp bất cứ ở đâu và cấm họ đi chơi hoặc tụ họp quá 10 giờ đêm. Các cậu lộng hành đến nỗi dân chúng lấy làm bi-quan tự đặt câu hỏi : « Tại sao có và từ đâu nảy ra phong-trào du-dang quái dị mà xưa nay chưa từng có, và làm cách nào cho các cậu biết phục-thiện ? » Sau những vụ bắt bớ ráo riết, phạt vạ và giam tù, người ta càng thất-vọng hơn nữa khi biết trong bè đảng này có một số con nhà có ăn có học, gia-đình có giáo - dục và địa-vị.

Cho đó là một vấn đề trọng-đại, nên người ta cần biết nguyên-nhân để tìm phương cứu chữa thì người ta thấy rõ rằng : Nguyên-nhân chánh đã tạo ra chứng bệnh thời-đại này, đều do ở điều kiện sống không thuận tiện trong xã-hội ngày nay đã làm mất thăng bằng, bình dị của nhịp sống cũ và do đó xã-hội đã vô tình đem

« vi trùng bệnh » vào mình đám thanh-niên này ngay từ khi chúng còn thơ ấu.

Ở các nước dân chủ tổ-chức xã-hội có phần tinh-tế, người ta để ý đến vấn-đề thanh thiếu niên, nên có rất nhiều cơ-quan được mở ra để nuôi dưỡng và dạy dỗ trẻ em tùy theo tuổi tác và hiểu biết của chúng. Nơi đây người ta cho chúng ăn uống đầy đủ, dạy chúng lễ phép, tập và cho chúng có phương tiện phát-huy khả - năng và trí thông-minh. Người ta quan-tâm về sự khơi mạch cho trí-tuệ và dự-bị cho chúng ra đời với một sức mạnh và nghề-nghiệp. Còn tình cảm, dù người ta có để ý đến, thì cũng phải nhìn nhận rằng : đó là một vấn-đề quan-trọng và vô cùng thiêng-liêng tế-nhị — người ta không có thể dạy chúng đi đôi mật-thiết với một « cái » mà chúng không gần, không thấy, không sờ mó được và cũng không thể hiểu nó ra thế nào ? Người ta có dạy chúng thương yêu cha mẹ thì chúng cũng chỉ có thể hát hay đọc những lời ấy như trả một bài học thuộc lòng không hơn không kém.

Trong cách sống tập thể chỉ có đồ chơi, bánh và chữ, đối với đoàn trẻ mụm mím kia cũng còn là khô khan. Chúng còn thiếu một thứ hết sức cần-thiết cho con người tức là tình thương và sự chăm chút của cha mẹ chúng. Sự chăm chút, săn sóc là nhựa sống của muôn loài khi còn là măng tơ. Trẻ con cũng thế. Một hòn đất khô cứng hay một mầm non bị úa héo vì nắng gió, nếu ta không cho một ít nước thì làm sao mà nhồi nặn hòn đất nên hình làm sao cho mầm non đâm rễ đơm hoa ?

Ở Saigon có cô-nhi-viện, chỉ để dành cho những người nghèo khó gửi con, còn bên này đời sống vô cùng chật vật, biết bao nhiêu gia đình cha mẹ suốt tháng hết năm phải sớm đi tối về lo việc sống ; con mới đầy tháng đã phải đem gửi ở « crèche » hoặc vườn vú nuôi.

Chúng không bú sữa mẹ nên không đòi mẹ, không gần hơi mẹ nên không nhớ mẹ, không được sự triu mến của cha nên không mến cha. Đám trẻ này ai ẵm cũng được, chúng không khóc mà chỉ biết cười, chúng làm quen với bất cứ ai một cách dễ dàng. Mắt chúng nhìn người mẹ không khác với người săn sóc chúng hay người vú bao nhiêu. Nhìn chúng nó tôi tự hỏi : « Chắc không bao giờ chúng biết đến sự thiết tha » ? Cái cười thản nhiên và những con mắt khô khan của chúng, theo tôi là một triệu-chứng : Rồi đây cái gì chúng cũng có thể xem thường ! Được vài ba tuổi cha mẹ chúng, đem gửi chúng ở trường mẫu giáo. Ở đây chúng học hát và nắn hình bắt chước lẫn nhau những kiểu cách và nói năng tự do, đi theo bước chân của nhau và vui đùa trong những trò chơi dành cho trẻ nít. Mẫu - giáo - viên có phận sự dạy chúng những môn nào có ghi trong chương-trình lớp học, chứ người ta không thể nào có đủ sức và có thì giờ để săn sóc từ đứa trẻ và dĩ nhiên làm sao họ có cái âu yếm tự nhiên của người mẹ người cha đối với chúng được ? Người ta có trách nhiệm về chúng trong phạm-vi nghề nghiệp, mà không có trách nhiệm tuyệt-đối phải tạo cho chúng một tương lai rực rỡ, một tâm hồn lành mạnh hay một nhân cách đứng đắn cho đời chúng từ lúc nhỏ cho đến tuổi trưởng thành — Điều này là trọng-trách

của kẻ làm cha mẹ. Nhưng đà sống của xã hội trong thời đại nguyên-tử không cho các bậc phụ mẫu có thì giờ và cơ hội gần gũi chúng để có dịp dùng đến cái uy quyền rất ưu ái và cần thiết : Tức là cho chúng những cái gì là êm ả, là che chở, là nâng đỡ — tượng trưng một sợi dây cương tỏa vô hình, để ràng buộc bước chân non dại của chúng biết dừng trước miệng hố sa ngā. Cho chúng một tình thương tuyệt đối, xây dựng ; theo tôi chẳng những có thể thay đổi được tánh tình mà còn có thể thay đổi cả một cuộc đời của chúng nữa.

Đấy anh xem, chúng không đói không rách, nhưng chúng thấy gần như bị bỏ rơi, sống tạm bợ với những người xa lạ. Chiều về chúng ăn xong rồi là phải lên giường và ngủ một mình trong phòng riêng để ngày mai lại sống như những ngày đã qua.

Cách sống riêng biệt và như « cút bắt » này làm cho khi còn thơ ấu, cái bóng người mẹ người cha chỉ phảng phất mong manh qua mắt chúng trong giây lát, mà không ngự trị được trong lòng chúng hay chiếm một phần nào quan trọng trong lãnh-vực tình cảm của chúng được.

Lớn lên trong tình-trạng đó, chúng không chịu được ràng buộc, trở thành ích-kỷ và càng lớn cái ích-kỷ đó càng được tôn trọng và mọi người xem gần như là tự nhiên.

Ở trong nhà hoặc vì chật hẹp hoặc trống rỗng buồn tẻ vì vắng cả cha mẹ, trẻ nhỏ hiếu-động cần được vui đùa thì với thói quen sẵn có là : mỗi hành động và bàn bạc đều tự mình, hay thường nhất là theo sự quyết-định và mạng lệnh của số người gần chúng tức là những người bạn

non trẻ của chúng. Nguy hiểm hơn nữa là với một sức mạnh có thừa cần được đem ra tiêu phí, chúng đã theo sự lôi cuốn của phong-trào nào mạnh và gần với chúng nhất mà không kịp nhận xét rõ rệt đường lối của phong-trào đó như thế nào.

Anh nghĩ phong-trào du-đăng làm sao không nảy sinh khi từ một đứa trẻ chuyển thành người lớn : tâm hồn chúng không khỏi hoang mang giữa những mâu-thuẫn những giả và thật ; trong đầu chúng có bao nhiêu thắc-mắc lúc chúng tập tành nhận xét về mọi biến chuyển và tìm hiểu bao nhiêu ngã ngách của cuộc đời ? Hoàn cảnh xã-hội ngày nay lại không cho chúng có dịp gần gũi những bậc cha anh dù không phải đúng là bậc cha anh, gương mẫu để có thể hướng dẫn được tinh-thần chúng, thì ít nhất gần họ, chúng cũng hưởng được một tình thương chăm chút thiêng-liêng và sự dạy dỗ thông thường. Chúng không bị kiểm thúc bởi một uy-quyền, một luận-lý hay một tình thương, tất nhiên chúng tự cho chúng cái quyền định đoạt mọi sự. Huống chi gần bên chúng còn có cả một lực lượng « bạn » ? Giữa cái tuổi dậy thì với sức mạnh và hăng hái đầy đủ, chúng cảm thấy chúng cũng đã lớn. Chúng có thể làm được việc như người lớn, hoặc « phi thường » cũng nên. Nhưng nguy hiểm ở chỗ : những việc « phi thường » ấy lại tiến hành trong sự định nghĩa và hướng dẫn sai lầm vì đã bị điều khiển bởi những bộ óc « bệnh hoạn ».

Đối với chúng, hành-động chỉ để tiêu phí sức sống, để lấp lỗ trống trong lòng và giết thì giờ. Thậm chí tình yêu cũng chỉ là phiêu lưu và chiến thắng một cách bạo ngược phũ phàng mà không biết gì là

chung thủy hết. Chúng không từng biết dịu mềm vì chúng thiếu âu yếm từ khi nhỏ. Chúng thiếu cả suy-nghiệm vì thiếu kinh-nghiệm mà chúng không có dịp nghe qua luận-lý của các bậc phụ-mẫu.

Một số đông thanh-niên thế-giới ngày nay đi xuống một cái dốc vô cùng nguy hiểm, ghi một tội nhục rất sâu trong lịch-sử thanh-niên thế-giới mà xưa nay chưa từng có. Những người ưu thời mẫn-thế và có trách-nhiệm trực tiếp hay gián tiếp đều không thể ngồi yên. Người ta cũng nhận thấy phần lỗi không hoàn toàn ở chúng mà chính là do nhịp sống của xã-hội và lỗi ở những người có trách-nhiệm nhiều hơn.

Tránh sao được phong - trào du-đăng bành-trướng khi màn ảnh chiếu luôn luôn những phim trần truồng, dâm loạn, dối trá hoặc tàn sát nhau vì dị-chủng, những cảnh đo gươm nổ súng thật sự trên mặt đất cũng như trong phim ảnh luôn luôn ngự trị trong tim óc chúng, những đảng-viên ăn cướp vẫn có thể ngang nhiên hưởng sang giàu, sống như ông hoàng bà chúa như bên Mỹ ?

Trận đồ thế-giới như mặt biển trong cơn bão táp, tin tức hàng ngày bằng báo chí, vô-tuyến-điện, vô-tuyến truyền hình liên-tục đưa chúng theo sát tình-hình và biến chuyển trên thế-giới. Chúng đã quen nghe và quen thấy cái việc đấu trí và đấu sức, vậy thì người lớn làm theo cách của « người lớn, còn chúng — đã được buông thả thì chúng làm theo cách « trẻ con » ! Chúng như bầy ngựa chứng không cương, đám cây rừng không vanh không tĩa — cứ chạy, cứ mọc, không có cái gì được chúng tôn-trọng cả.

Để diệt trừ phong-trào du-đăng, không biết nhà chức trách ở các nước khác đã

làm gì, nhưng ở Pháp người ta thấy dùng cảnh-sát không đủ hiệu-lực. Đối với đám trẻ phần đông đều là vị-thành-niên, vô lực chỉ làm cho chúng có những phản - ứng bất ngờ nguy hiểm mà không cho chúng hiểu được nghĩa lý và phải quấy về việc làm của chúng. Vì vậy ngoài biện - pháp bắt bớ, giam cầm, nhà đương cuộc một mặt khiển trách những cha mẹ nào không chú ý đến sự dạy dỗ con cái. Mỗi khi có cuộc vây bắt thì cha mẹ các cậu bị nhà chức-trách đòi đến phạt và rồi lãnh con về, nếu chúng còn quá nhỏ và không phạm trọng tội. Những cha mẹ ấy cũng được lệnh phải dạy dỗ con cái và giữ chúng ở nhà từ 10 giờ đêm trở đi. Một mặt khác nhà đương cuộc tìm phương tiện để cho chúng những trò chơi và giải trí lành mạnh.

Đó là một phần cải tạo xã-hội đáng kể.

Đồng thời cũng có một nhóm thanh-niên đứng ra tổ-chức những bữa tiệc và khiêu-vũ với mục-đích chống phong-trào du-đăng. Trước cửa nhà tiệc có bản đề chữ thật lớn « chống Blousons Noirs ».

Đất có cỏ độc thì cũng có hoa thơm, thấy đám thanh-niên này xuất hiện ai cũng thở phào. Phong-vấn-viên đài vô-tuyến truyền hình đến phỏng-vấn các cậu các cô dự bữa tiệc này họ đều trả lời đại khái : « Không phải tất cả thanh-niên Pháp đều là bè đảng « Blousons Noirs » hết, họ cũng thích vui chơi, tự-do nhưng trong không khí hòa nhã với tư cách của những con người có giáo-dục ».

Người ta để ý gần một năm nay, từ ngày « các đảng cha mẹ » bị khiển trách phạt và gắt gao, các trò giải trí lành mạnh được lập ra và phong-trào thanh-niên chống « Blousons Noirs » xuất

hiện thì phong-trào du-đăng cũng dịu dần. Như thế càng thấy rõ các bậc phụ-mẫu nào giàu kinh-nghiem, sẵn một căn-bản tốt, đã thấm mình trong nếp sống cũ — nếu chịu đem hết sức mình để phụ lực với những nhà mô-phạm và nhà chức-trách, thì tuy không thể chữa lành tức-khắc chứng bệnh thời đại trên đây nhưng không phải là không hiệu quả. Nó sẽ thuyên giảm và cũng có thể lành được.

Anh có đồng ý với tôi là : khí giới, nếu trong nhất thời ở trong một trường hợp đặc biệt hoặc có khi là bị bắt buộc, có thể nêu danh người anh-lùng trong muôn thuở thì tình thương tuyệt đối và sự chăm chút, săn sóc châu đáo, không phải không tạo ra được những con người xứng đáng cho thế hệ — những con người có tim óc, hành động chừng chạc, tấn thối phải đường.

Tôi nói thế, nhưng không phải khi mình quyết là mình sẽ thành công trong phạm-vi cá-nhân cô lập mà được đâu, còn phải cần đến cái không khí toàn-diện của một xã hội đồng xây dựng ; cần đến những người có thiện chí để tâm tìm phương pháp hướng dẫn tinh thần đoàn trẻ, cần đến tất cả các bậc phụ-mẫu cố công đào-tạo những người con, dân lành mạnh.

Kết quả nếu không được hoàn toàn thì tưởng cũng không đến nỗi vô-ích.

Đó là một biện-pháp hết sức cần thiết để trị lành chứng bệnh thời-đại trên đây, tức là bệnh « ngông » nguy hiểm của bè đảng « áo da đen ».

Thiếu điều đó chưa chắc riêng ai tài mà tin mình sẽ thành-công.

MỘNG-TRUNG

BÁCH KHOA CIX

VI. — HỘI-HỌA TRỪU-TƯỢNG

★ DOÀN-THÊM ★



*Chiếc cung đen
L'Arc Noir 1912
của W. Kandinsky.*

CHO tới đầu thế-kỷ XX, các họa-phái tuy chia rẽ ra nhiều đường lối riêng, đều gặp nhau ở một điểm tương-đồng: căn cứ vào thực-tế, theo sát mà vẽ cho giống, biến đổi nét màu bằng lý-trí hay tưởng-tượng, song tựu-chung không lìa bỏ tạo-vật, hoặc vẫn có thể gợi những hình thể bóng ráng quen thuộc.

Dù sao, sự biến màu đổi nét, khuynh-hướng kỳ-hà-hóa và đơn-thuần-hóa; — sự phân-tích từng yếu-

tố thể-hiện để chuyên chú vào đường nét, mặt phẳng hay màu sắc; — ý-chí thoát ly khỏi đề-tài ngoạn-mục và qui-lệ khuôn-mẫu để sáng tạo tự-do: tất cả các sự-kiện đó cho phép đoán trước những cuộc canh-cải sâu rộng hơn nhiều trên lịch-trình tiên-triển hội-họa.

Ấn-Tượng cho tiêu tan góc cạnh vào mây khói; Cézanne đưa người đưa cảnh vào hình tháp, hình cầu; Picasso hay Braque bóp,

bề, chặt, xé các mặt các đồ ra từng mảnh hoặc chấp lại thành những hình khác, phá thể rồi lập thể; ở bức « Tịch-dương trên sông Tami-se » của Derain (1) đâu là mặt trời, sóng nước, cỏ cây? chỉ toàn những khoảng màu như máu loang lửa cháy; đối với Boccioni hay Delaunay, mọi vật mọi sự chỉ là những động-lực cần được tả bằng những đường thẳng chạy vút hay những đĩa tròn quay múa... Tóm lại, thực-tế đã bị biến hóa cho huyền-ảo, nghiêm-khắc, sán-lạn, điên-đảo... tùy ý họa-sỹ, và từ chỗ khó nhận đến chỗ mất hẳn, chỉ còn một quầng không dài.

Quầng đó đã được vượt qua, vài năm trước Đại-Chiến I, khi họa-sỹ Wassili Kandinsky (1866 - 1944) trưng bày những bức tranh kỳ-dị như « Chiếc cung đen, L'Arc Noir » hoặc « Kết-hợp, Composition »: chỉ có những nét bút đậm nhạt dài ngắn gãy cong với những vệt màu mờ tỏ, không thể nhận ra hay đoán phỏng là vật gì thường thấy ở quanh ta. Loại vẽ này được gọi là Trừu-Tượng (1), và được khá nhiều họa-sỹ có tên tuổi tán thưởng. Từ khi xuất hiện, Trừu-Tượng cũng một hai hồi bị các họa-phái khác lẫn át, nhưng rồi lại có dịp bành trướng, nhất là sau Đại-Chiến II, và mặc dầu bị công kích mạnh, vẫn lan tràn khắp Âu Mỹ và cả nhiều xứ Á-Đông: được ưa hay bị ghét bỏ, Trừu-Tượng hiện nay phổ biến rộng rãi và bắt buộc các giới nghệ-thuật

hay trí-thức phải chú ý khen chê, dù sao cũng phải suy ngẫm để xét lại những quan-niệm cũ.

Sở họa-sỹ Trừu-Tượng trong nửa thế-kỷ nay, mỗi ngày một tăng (2), và bởi họ sáng tác tự-do, mỗi người cò tìm lối riêng, nên rất khó phân biệt, xếp loại chia phái như đối với các họa-sỹ thể-hiện. Nhiều nhà nghiên-cứu hội-họa chỉ có cách thăm dò các đặc-tính ở tác-phẩm của một sở họa-sỹ nổi danh nhất, và xu-hướng của những người chịu ảnh-hưởng, để tiện so sánh và theo dõi sự biến-chuyển của các trào-lưu mới.

*
* *

(1) « Une Peinture doit être appelée abstraite « lorsque nous ne pouvons rien reconnaître en elle « de la réalité objective qui constitue le milieu « normal de notre vie ». Michel Seuphor — Dictionnaire de la peinture abstraite.

Cũng có những nhà nghiên-cứu phê-bình dùng chữ « peinture non-figurative » hay « non représentative » và phân biệt loại này với loại hoàn-toàn trừu-tượng « peinture abstraite ». Nhưng tôi không thấy sự phân biệt rõ ràng cho lắm, dù sao, không quan-trọng, nên chỉ theo tiếng « trừu-tượng, abstrait » mà thôi.

(2) Sau đây là một số họa-sỹ Trừu-Tượng có tên tuổi ở các nước:

Ý: Magnelli, Carla Prima, Dorazzo, Righetti, Soldati, Perelli . .

Đức: Bercke, Winter, Ackermann, Baumeister, Hartung.

Thụy-Sĩ: Paul Klee

Bỉ: Bertrand, Bursens, Delahaut

Hoà-Lan: Domela, Kolthoff

Thụy-Điển: Nixion, Olofsson, Bonnier

Y-Pha-Nho: Martinez, Roberta Gonzalès (vợ Hartung)

Anh: Marlow, Nicholson, Mary Wykeham

Úc: Mary Webb

Pháp hoặc ở Pháp: Herbin, Soulages, Mathieu, Manessier, de Staël, Dmitrienko Lapoujade, Dufour v. v...

Hoa-Kỳ: Alice Mattern, Morris, Scarlett, Coale, Jackson Pollock, Mark, Tobey.

(1) đã in trong B.K. số 107



Kết-hợp Composition 1914
của W. Kandinsky.

Xu-hướng Kandinsky

Quan-niệm hội-họa của ông này đã được trình-bày trong cuốn sách xuất-bản năm 1912, « Phần tinh-thần trong nghệ-tuật, Du Spirituel dans l'Art » :

Xưa nay họa-sĩ bị ngoại-giới chi phối, phải lệ thuộc đối-tượng là người, vật, cảnh, trông thấy thì cảm hứng mà vẽ theo nhỡn-giác.

Nhưng sự Đẹp có thể xuất phát từ tâm-hồn. Nhu-cầu day dứt thúc đẩy nêu ra một đề-tài, sự cần-thiết bộc lộ để thực hiện, chính là động-lực tạo ra các hình các thể.

Người ta nhìn cảnh nhìn vật mà ưa thích, không phải vì cái gì trông thấy, nhưng vì những gì được gọi ra, phần tinh-thần ở hiện-tượng, ở vật-chất (du spirituel dans le matériel). Tiền bước nữa, ta có thể ưa thích phần tinh-thần ở trừu-tượng do tâm-hồn sinh hóa (Du spirituel dans l'abstrait).

Cho nên, tranh Kandinsky thường không có tiêu-đề cụ-thể. Nếu nhân dịp tiếp xúc ngoại-giới mà nảy ý vẽ, các bức họa của ông được ông gọi là « Cảm-giác, Impressions » ; khi xuất hiện từ những biến-chuyển nội-tâm, thì mang tên « Ngẫu-hứng đột-phát Improvisations » ; ở trường-hợp phải suy nghĩ, cân nhắc, sắp đặt rồi mới phơi bày, là « Kết-hợp tạo-thành Compositions » một danh-từ thường dùng để chỉ các sáng-tác âm-nhạc.

(1) « Ce désir intérieur du sujet qui détermine
« impérieusement la forme... Cette séparation du
« domaine de l'art et du domaine de la nature...
« J'aime chaque forme qui est issue nécessai-
« rement de l'esprit, comme je déteste toute forme
« qui ne l'est pas... »

« Je crois que la philosophie de l'art, outre
« l'être des choses, on étudiera aussi l'esprit...
« Alors sera créée l'atmosphère qui permettra à
« l'humanité de ressentir cet esprit des choses, de
« la goûter de la même manière qu'elle ressent
« aujourd'hui leur apparition extérieure... C'est
« par là que deviendra évidente à l'ensemble
« des hommes la présence du spirituel dans le
« matériel, puis la présence du spirituel dans
« l'abstrait... »

(Kandinsky — Du Spirituel dans l'Art)

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

Trong mười năm (1910-1920) ông vẽ với những nét bút tung bay không rõ vật gì, song trước những hình thể lạ lùng quay cuồn, khán-giả cũng cảm thấy tâm-hồn họa - sỹ chuyển rung như gió cuốn trong một vũ-trụ ào ạt ba-đào. Nhưng về sau, những cảm xúc đó được kìm hãm và hướng vào những đường thẳng tắp hoặc gãy góc, những vòng tròn hay chữ nhật, với dụng-ý đi tới thuần-nhất để đạt ý-thức tuyệt-đối về vũ-trụ (spiritualisme absolu). Song như vậy, thì ông lại ngả theo các xu-hướng kỷ-hà của Mondrian và một số họa-sỹ khác (Géométrisation).

*
* *

Xu-hướng Kỷ-Hà Géométrisation

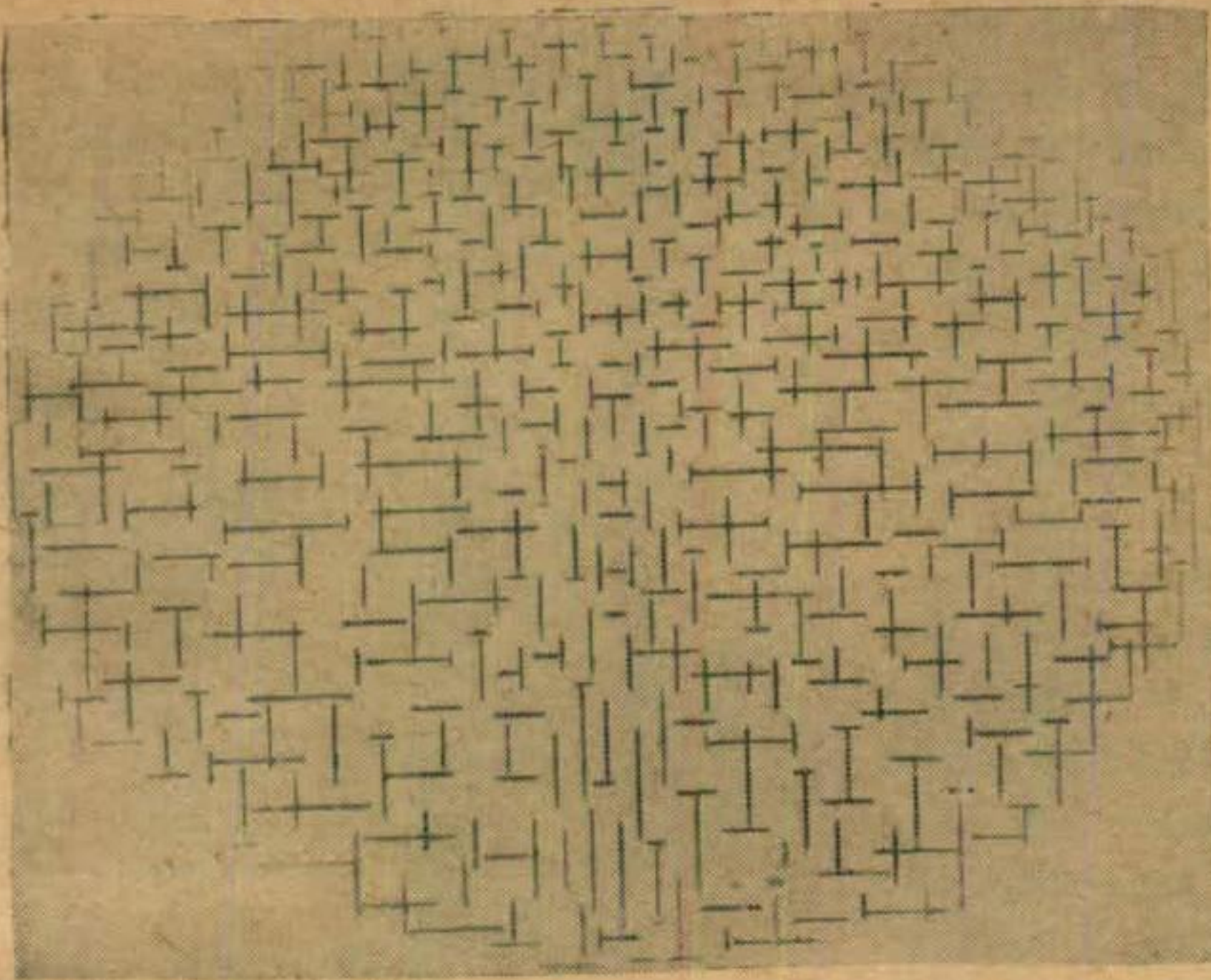
Những họa-sỹ theo xu-hướng này, dùng các hình vuông, tròn, chữ nhật mà sắp đặt nên tranh. Họ mong muốn một nghệ-thuật giản-dị đơn-thuần, phản chiều nhu-cầu đưa tâm-hồn lên ý-thức thanh-khiết nhất, cao-minh nhất về vũ-trụ, một vũ-trụ khác của nhơn-quan cho thấy.

Khát-vọng tuyệt-đối ấy đã được họa-sỹ Malévitch (1878-1935) gọi là *Suprématisme*. Vừa muốn thoát ly ngoại-vật của thế-giới tầm-thường này, lại vừa ước mơ những ảnh-tượng hết sức thuần-túy, ông đã vẽ một hình vuông đen trên nền trắng (carré noir sur fond blanc) và giải thích cho những khán - giả thắc mắc :

đừng tưởng rằng hình vuông đó vô nghĩa, không cho thấy gì, vì nó cho cảm thấy sự trống rỗng, sự vắng mặt của mọi người mọi vật (*la sensibilité de l'absence d'objet*) và như thế cũng là gọi cảm rồi !. Về sau, ông lại vẽ một hình vuông trắng trên nền trắng, mà Viện Bảo-Tàng Nữ-Uớc cũng mua về bày. Nhưng ngoài những tác-phẩm dị-thường đó, ông còn vẽ bằng các hình khác, và đôi khi phàm nhàn cũng cảm thấy sự giao-ứng hòa-hợp của các hình nét đơn-giản (tranh *Composition suprématiste* 1913, đã in lại ở B. K. số 101) hoặc vẽ tươi mát trong trẻo ở những mảnh uốn cong tượng-trưng nhà cửa, đường xá, cây cỏ, trong cảnh nhà quê buổi sáng sau cơn mưa (*Matinée à la campagne après la pluie*, 1911).



Buổi sớm mai ở nhà quê sau cơn mưa. Matinée à la campagne après la pluie 1911 của Malévitch.



*Kết-hợp bằng các
dấu cộng, dấu trừ
Composition N° 10
Plus et Moins 1915
của P. Mondrian.*

Khó hiểu hơn, là đường lồi của *Piet Mondrian* (1872-1944), hay đúng hơn là những đường thẳng của ông (ligne droite) thẳng dọc hay thẳng ngang, thành những hình vuông, hình chữ nhật, nhiều bức họa trông như những ô cửa kính màu (tranh Kết-hợp với đỏ vàng xanh, Composition avec du rouge, du jaune et du bleu) như những vỉa hè lát gạch không đều (kết-hợp số 14 Composition N° 14) hoặc như khăn bàn kẻ ô nhỏ đỏ xanh vàng (nhảy múa Boogie-Woogie ở Broadway, Broadway Boogie-Woogie) hay như những thang sắt cột đèn, bên cạnh là những vật như điều giấy, chong-chóng... (Sườn nhà tạo-tác nhẹ, Construction légère)... Cách vẽ đó được gọi là Tân-Tạo-Hình *Néoplasticisme*, mà đại-cương cũng qui-lệ đã được ông và bạn ông là Van Doesburg trình bày nhiều lần trên tạp-chí *Der Stijl* (Style).

Ông vốn người khắc-khổ, sống theo

mức-thước, ghét tâm-tình lãng-mạn, chống bệnh chủ-quan của nhiều nghệ-sỹ, khinh thường những gì thuộc cá-nhân, tôn trọng tính-cách phổ-quát khoáng-đại ở nghệ-thuật (l'universel), mong đạt tới sự đẹp siêu-nhiên. Song muốn vậy, phải gạt bỏ những vật-thể, vì mọi vật ở thế-gian này chẳng bao giờ đẹp hoàn-toàn, và cần xa lánh cả những gì gợi ra vật-thể hoặc phản chiếu những tâm-trạng tình-cảm của cá-nhân mà ông muốn diệt trừ.

Cho nên, chỉ còn có thể dùng những yếu-tố tinh-vi nhất, khách-quan nhất, là đường thẳng ngang hay dọc (horizontales et verticales) những nguyên-sắc không pha trộn (couleurs pures) trên những bình-diện bóng bẩy nhẵn-nhụi (surface de la matière, lisse et brillante) mà xây dựng một vũ-trụ đẹp thuần-túy, theo những cách-thức mà ông tuyên-bô là luật Tân-Tạo-Hình (lois néo-plasticiennes).

Phương-tiện tạo-hình là mặt phẳng hay lăng-kính chữ nhật, tô đỏ, xanh, vàng hoặc đen trắng ; trắng đen tượng trưng cho sự trống rỗng. Muốn có thăng-bằng, đem bình-diện lớn đen-trắng đối với bình-diện nhỏ tô màu và cần có kích - thước cân xứng. Đường thẳng biểu hiệu cho tiềm-lực và sự trầm tĩnh nội-tâm. Phải đối khác tạo-vật, nên những chất xù-xì, cũng như bản-sắc và khối lượng của đồ vật cần loại trừ để thay bằng mặt nhẵn, màu chính. Màu là yếu-tố căn-bản, họa-sỹ phải suy tưởng bằng màu sắc, trao gửi cả tinh-thần cho màu sắc để cảm thấy mình biến ra trắng, đỏ, vàng, đen... Xây dựng Thể, thì chỉ cần một hình cũng đủ, như hình vuông carré, một hình rất vững chãi. Sau hết, những gì thuộc về con người, đều xóa bỏ đi cho nhập vào vũ-trụ kia một khi tạo thành. Tất cả các điều kể trên, có thể tóm tắt bằng hai chữ « phản-thiên-nhiên *Dénaturalisation* » và « đơn-thuần-hóa *Elementarisme* ». (1).

* *

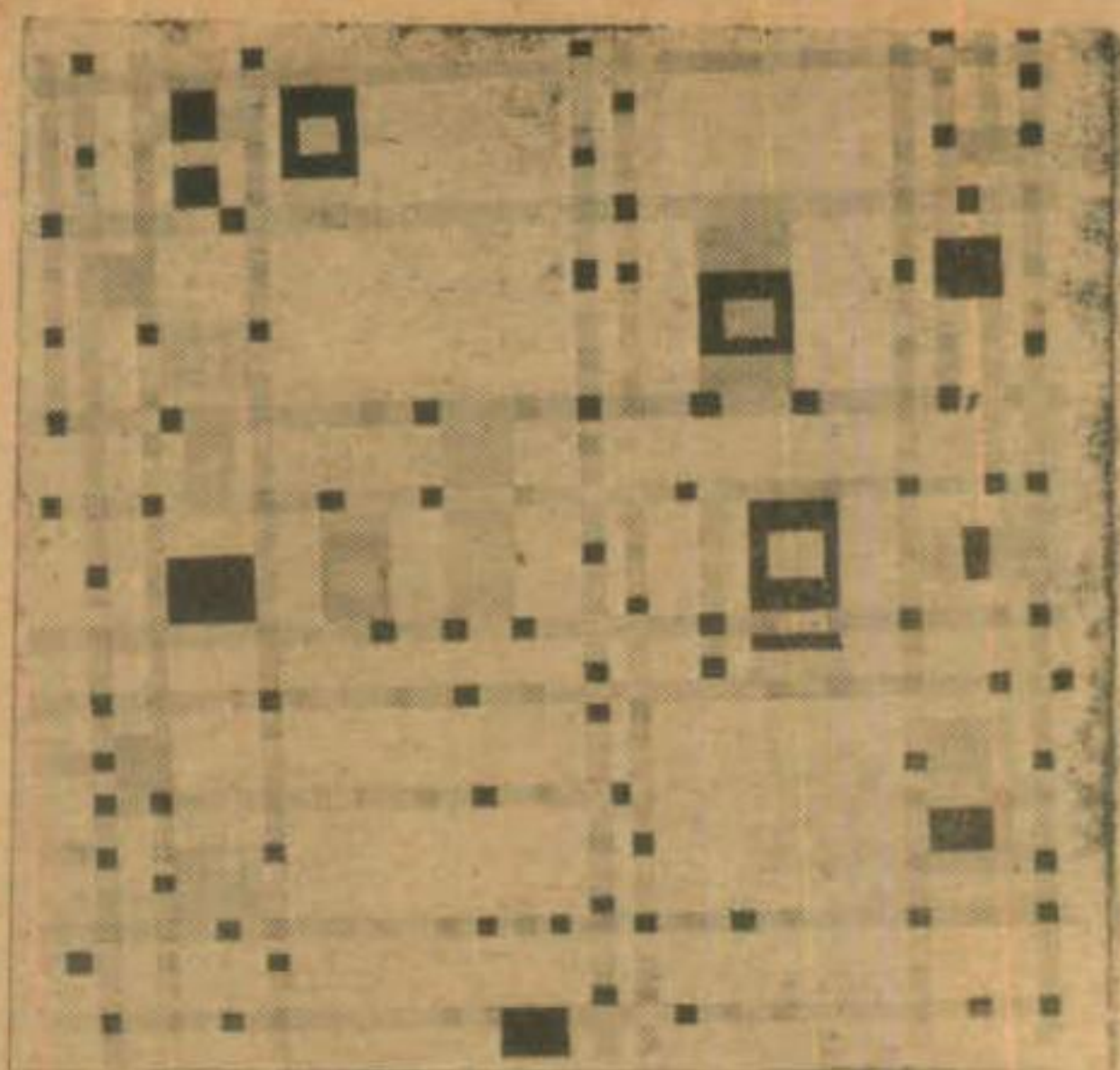
(4) « Pour que notre ambiance matérielle soit d'une beauté pure, il est nécessaire qu'elle ne soit plus le reflet des sentiments égoïstes de notre petite personnalité ; il faut même qu'elle ne soit plus d'aucune expression lyrique... »

« Nous voulons donc une esthétique nouvelle basée sur les rapports purs de lignes et de couleurs pures, parce que seuls des rapports purs d'éléments constructifs purs, peuvent aboutir à la beauté pure... »

(Piet Mondrian — Manifeste du Néo — Plasti-cisme 1920 — Déclarations 1926)

« Être le blanc, le rouge, le jaune, le noir, c'est être peintre. Ce n'est pas suffisant que le peintre d'aujourd'hui pense en couleur : il faut qu'il soit couleur, qu'il en mange et qu'il se transforme en tableau... »

(theo Van Doesburg — Abstraction — Création, Art Non-figuratif, 1932)



Nhảy múa ở Broadway
Broadway Boogie - Woogie 1942
của P. Mondrian.

* *

Xu-hướng vô-thể Informel

Lối vẽ của Mondrian hoặc của Kandinsky về sau này, tuy trừu-tượng, vẫn còn đi đôi với dụng-ý tạo thể, nếu không theo cảnh vật trông thấy, cũng dựa vào kỹ-hà-học mà xây dựng thành hình. Sự tính toán sắp đặt đó có tính-cách máy móc, khô khan, lạnh lùng, quá lệ thuộc lý-trí, không phù hợp với tâm-hồn sôi nổi của những thế-hệ mới bị kích động vì những biến-chuyển của thời-cuộc. Cho nên những trào-lưu phản đối đã phát động, nhất là sau Đại-chiến II : của nhóm « nghệ-thuật, khác, Art autre », « Họa-phái Thái-Bình-Dương l'Ecole du Pacifique, nhóm « chủ-trương vô-thể Signifiants de l'Informel », v. v... Song họ muốn gì ?

Trước hết, muốn hoàn toàn tự-do, không mô phỏng tạo-vật, nhưng cũng

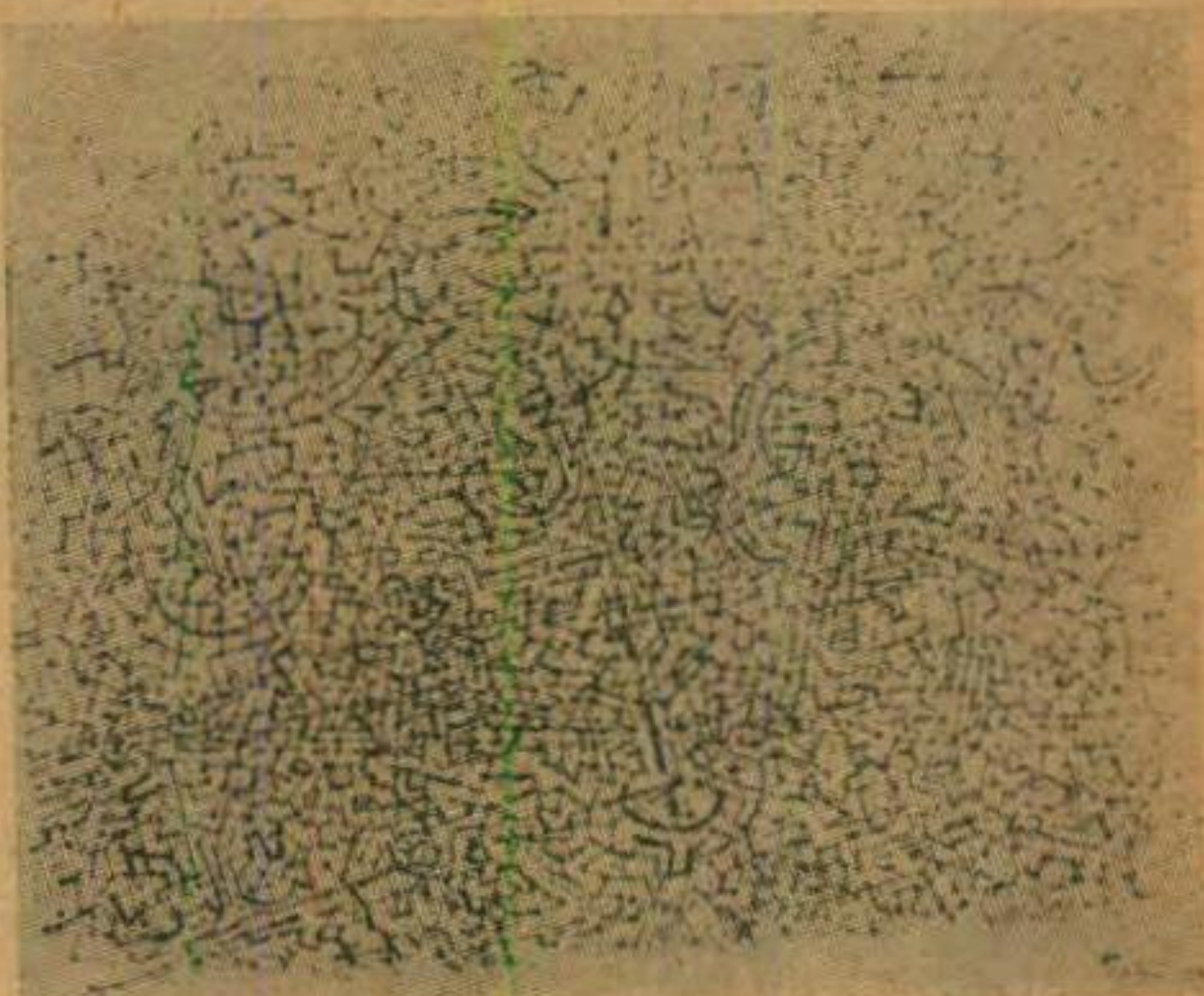


*Con tin Otage 1944 của
Jean Fautrier.*

không bị lý-trí chi phối : Mondrian và các đồng-chí, tuy Trừu-Tượng, lại đặt ra những qui-lệ mới. Nhưng còn gì phản tiến-hóa hơn là qui-lệ, kiểu-mẫu ? Họ hô to đá đảo kỷ-hà, đá đảo hình-học (A bas la géométrie ! — Marcel Tapié —) Họ đòi căn cứ vào bản-ngã, vào cá-tính, để sáng tác hỗn-nhiên (Nous ne partons pas du style mais de nous - mêmes, nous cherchons une peinture naturelle : Charles Estienne). Nhưng dùng tự-do để đạt mục-tiêu nào ?

Để thăm dò thực-tế vũ-trụ, song lãnh-vực nghệ-thuật như vậy mênh mông vô-tận, không thể biết trước thấy gì, nên không thể theo những ý-thức cũ, những định-kiến lưu truyền, hay qui-củ nào hết, mới mong thấy đường tìm sự thật trong cảnh vô cùng

*Thành-thị không-trung Cité Aérienne
1950 của Marc Tobey.*



hỗn-mang (Anarchie totale du Réel). Bởi thế đừng sắp đặt, kết hợp, bỏ cục gì hết. Như vậy thì vẽ ra sao ?

Bằng những vệt sơn, dày, xù-xì, nghịch ngoạc, (nhiều tranh của các họa-sỹ Fautrier, Appel, Jorn, Schneider...)

— hoặc lấm tằm, lúc nhúc, lác đác, lộn xộn (Marc Tobey, Riopelle, Michaux, Legueult....)

— (hay lằng nhằng, chẳng chịt, rồi rít, (Mathieu, Hantaï, Pollock, Gertrude Stein...)

— rộng rãi, bằng phẳng, chấp với nhau như các miếng vải màu vá víu, (De Staël, Lanskoy, Manessier...)

— như những mảnh gỗ, đá, thép im lìm, hay bay vút (Soulages, Schneider, Poliakoff, Kline, Gordian...)

— uồn cong, mềm mại, múa lượn phất phơ như nét bút lông thảo chữ Tàu hay vẽ tranh thủy-mạc (Hartung, Sam Francis...)



Hội-họa 1955 Peinture 1955 của Hantai.

Thời thì trăm ngàn hình trạng, muốn nhận ra là gì cũng được, hay không cần nhận ra gì, chỉ có thể lảng lảng mà xem cảm thấy chi, công-chúng sẽ định lấy ý-nghĩa gán cho tranh, đó là quyền tự-do của họ (C'est le public qui décide de sa signification ; telle est la liberté du spectateur. *Họa-sỹ Pierre Soulages*). — Tùy ý khán-giả giải-thích theo cảm - giác của họ những tâm-tình tâm-trạng chúng tôi (Libre au spectateur d'interpréter selon ses sensations, nos sentiments et nos états mentaux : *họasỹ Gérard Schneider*). Nhưng sao chẳng vẽ những gì khiến tha-nhân dễ hiểu hơn, vui mắt hơn ?

Bởi vì tất cả các hình thể quen thuộc, dù đơn-giản nhất như vuông như tròn, cũng đều cũ kỹ nhạt nhẽo quá rồi, phải tìm kiếm những hình khác trong tâm-hồn, theo ý-niệm riêng

về vũ-trụ (Les formes étaient usées. Alors on a commencé à chercher plus à l'intérieur... on a senti le besoin de cette vue intérieure qui est ce que l'on pense dans le cosmos : *Serge Poliakoff*). Và chẳng, hội-họa trước hết là sáng-tạo, rồi là khám phá thực-tế (La peinture est d'abord une création, puis une révélation : *Camille Bryen*). Nhưng con người cũng là một sự thực, và mỗi cử-chỉ của con người và

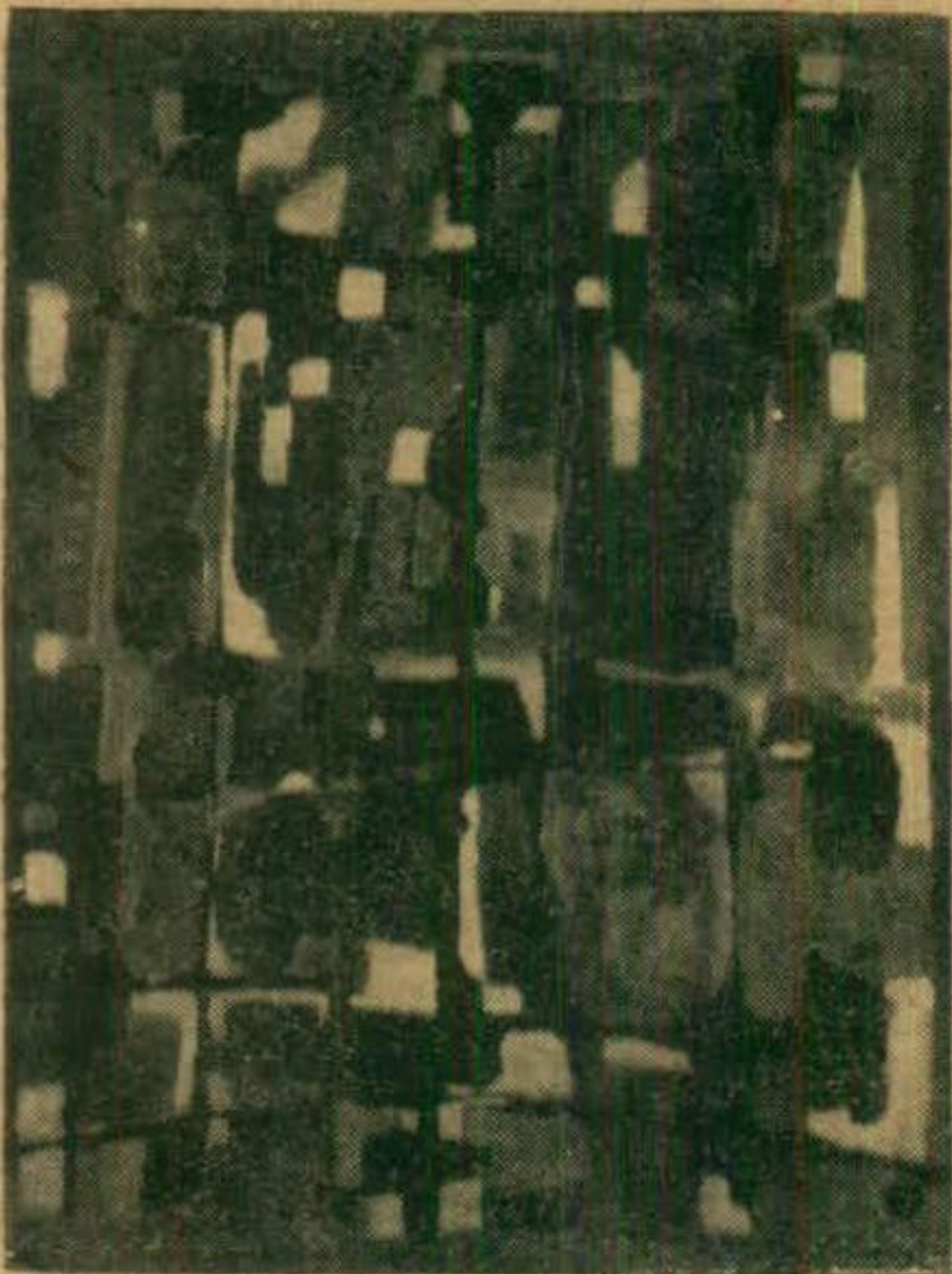
mỗi hoạt-động của trí tưởng-tượng sáng-tạo, cũng là sự thực của mọi trạng-thái cuộc sống và con người. (Dans les limites de la création artistique, tout est réel, puisque tout est foncièrement partie intégrante de la vie et de l'homme. Chaque geste de



Số 12. Number 12 của Jackson Pollock

l'homme est humain, et les démarches de l'imagination créatrice de l'homme le sont tout autant : *Alberto Magnelli*).

Không nên coi thường những nét vẽ có vẻ máy móc không suy nghĩ, những dấu hiệu run rẩy hồi hộp, những vết loang lổ... vì đó là những cử-động để trở lại uyên-nguyên với tâm-hồn trần-tục tái nhập vào hỗn tạo-vật (*Automatisme généralisé, spasmes du signe ou des écritures, tachismes* etc... autant de retours aux sources profondes de la Psyché : *Jaroslav Serpan*). Tất cả huyền-diệu và thực-chất của hội-họa, đều ở các nhát chổi nét bút (Tout le mystère et tout le réel de la peinture réside dans le coup de pinceau : *A. Lanskoy*). Khi hứng vẽ,

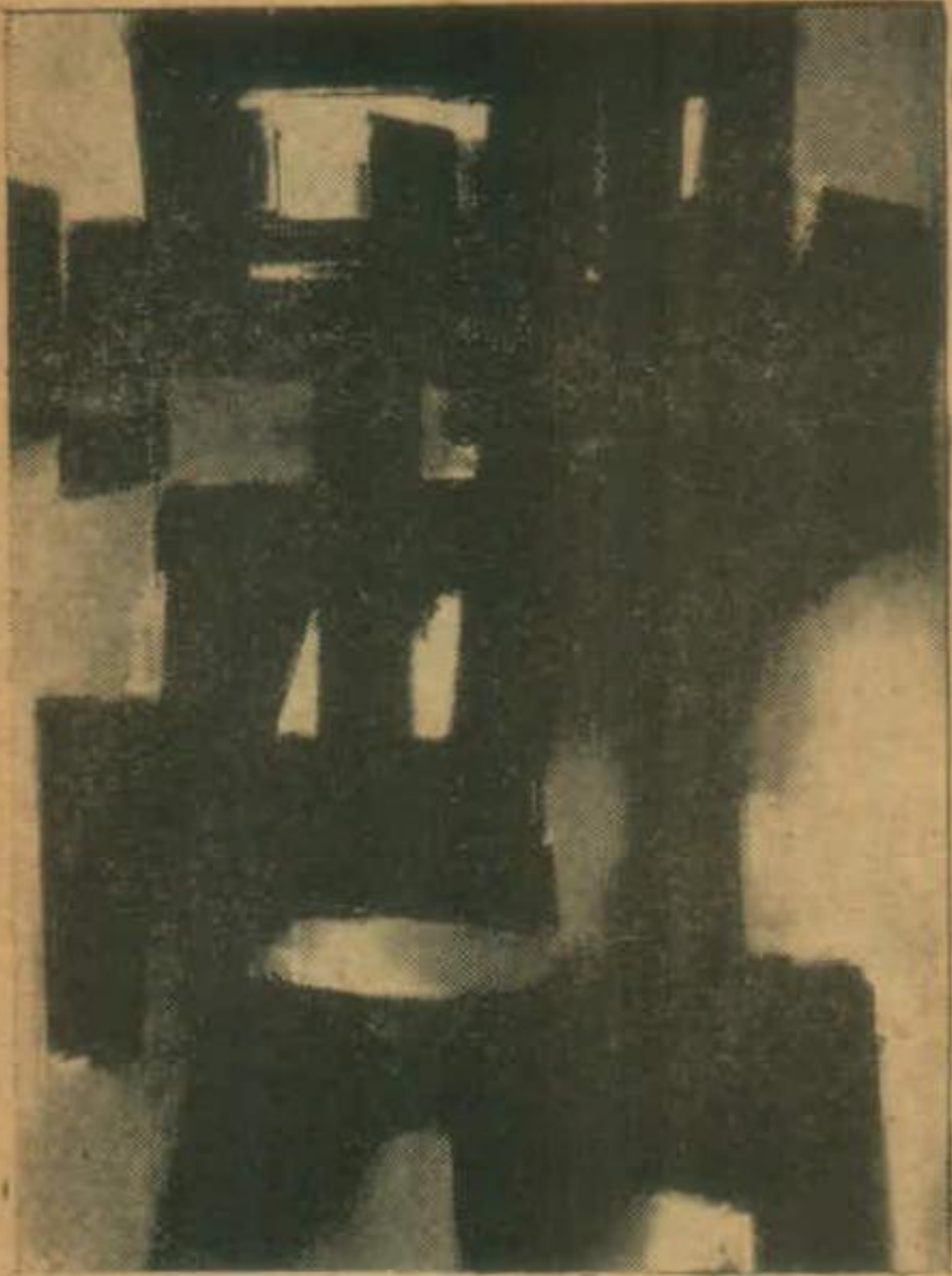


Mũ gai Couronne d'épines 1948
của Alfred Manessier.



Số 9: Tán dương Gertrude Stein.
Number 9: in praise of Gertrude
Stein 1950 của B. W. Tomlin.

thoạt tiên họa-sỹ thấy một nhịp điệu muôn phát triển, cảm-giác đó là căn-nguyên động-lực sáng-tác, và tác-phẩm sống động hay không cũng tùy sự phát-triển kia (Au commencement, il y a un rythme qui tend à se développer, c'est la perception de ce



*Hội-họa 1955 Peinture 1955
của Pierre Soulages.*



Tranh 1958 - 3 của Hartung

rythme qui est fondamentale et c'est de son développement que dépend la qualité vivante de l'oeuvre : J. Atlan).

Căn cứ vào tranh vẽ, cũng như vào lời giải-thích của họa-sỹ, khán-giả có thể hiểu rằng : họa-sỹ trừu-tượng Vô-thể không vẽ theo một tình-cảm thông thường như luyện tiếc nhớ nhung, hoặc một định-kiến như đưa cảnh-vật vào những hình-thể hợp với lý-trí của mình ; họ thấy tâm-hồn họ thể nào thì vẽ như thế, và buông thả cho bút sơn theo những rung động thần-kinh và muốn đưa tới hình chi thì tới. Nhận xét này có phần đúng, đối với lối vẽ theo vết loang của

nhóm « Lem Luộc, Tachisme » rất nổi tiếng ở Huê-Kỳ, mà người cừ-khôi nhất là Pollock (1912 - 1956). Bức vải tranh rất rộng, rải trên sàn ; lúc thấy cao hứng, họa-sỹ dẫm hẳn lên trên, không dùng bút hay chổi, nhưng cầm hộp sơn đáy đục lỗ : ông đưa mau tay chỗ này chỗ khác, sơn cứ dò dòng dòng xuống vải, « drip-ping » thành ra những đường nét lung tung như múa rồi theo nhịp tay, và đúng với sức giao-động nội-tâm của ông : lối đó được người Mỹ gọi là *Action Painting*.

*
* *



Già nua tuổi tác L'Âge a écrit sur leurs visages 1954 của Jean Dubuffet.

**Xu-hướng bán-trừu-tượng
Semi-abstracts**

Giữa hai thái-cực kể trên, Kỳ-Hà và Vô-Thể, một số khá đông họa-sỹ có thái-độ chiết-trung, đã chăm chú các quan-điểm trừu-tượng mà tìm ra những đường lối mới, lảng xa thực-tế, song vẫn gợi được phần nào những bóng ráng âm-kỳ hay u-huyền của tạo-vật, có gợn lọc hay tùy hứng, dù sao nhiều khi chẳng đến nỗi quá vô-tình, và ở một vài trường-hợp, cũng truyền cảm cho khán-giả.

Dubuffet (sinh năm 1901) chủ-trương trở lại thực-tế, không phải vẽ những cảnh, những vật, những người với hình thể quen thuộc hay ngoạn-mục, song chú trọng đến những sắc-thái thô-sơ để bắt gặp tính-chất đồng-nhất của mọi vật, của tảng núi, mặt người, làn sóng, vì ông tin rằng vạn vật đều chung một nguyên-ủy, một chất, một thể, mới đầu và rút cuộc cũng đều như cát bụi; ông đề ý đến cát bụi, hơn là đóa hoa, ngọn cây hay con ngựa, bởi vì cát bụi không hình thể nhất định mà bao hàm những ý-nghĩa diệu - kỳ. (1) Vì thế, ông hay vẽ những vật xù xì như đất sỏi, hoặc méo mó lờm chờm, mặt người mà trông như nắm bông hay tảng đá. Ở tranh « Già nua, L'âge a

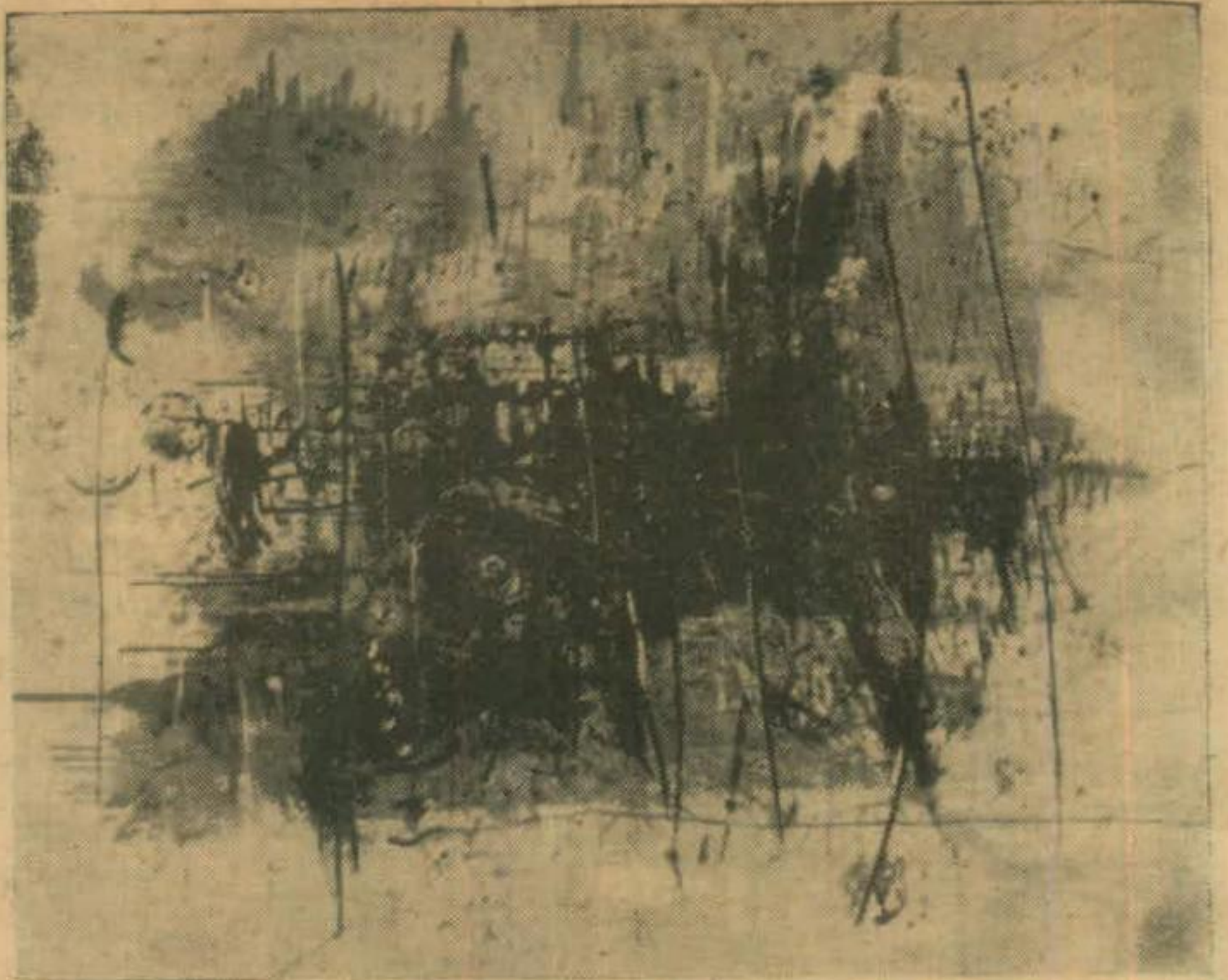
(1) « *Les voix de la poussière, l'âme de la poussière, elles m'intéressent bien des fois plus que la fleur, l'arbre ou le cheval, car je les pressens plus étranges.. J'affirme que tous les aspects qui se produisent dans le monde physique et le monde mental.. dans toute l'étendue de tous les faits, et qu'il s'agisse des montagnes ou des visages, des mouvements des eaux ou des formes des êtres... sont des chaînons de la même chaîne... ont pour une part au moins des origines communes... Mon dispositif fonctionne comme une machine à abolir les noms des choses, à faire tomber les cloisons que l'esprit dresse entre les divers objets... Tout se mélange et s'interfère...* »

(*Dubuffet* : L'Art brut préféré aux Arts culturels, — Empreintes).

Hội-họa 1919

Peinture 1919

Robert Wols.



Nỗi gió Le Vent monte 1955

của Jean le Moal

écrit sur leurs visages », nếu không có đầu để tát ta nghĩ đến đá hay bông hơn là mắt mũi... ông gọi đường lối của ông là « Nghệ-thuật mộc mạc *Art brut* ».

Không rõ có đồng ý với Dubuffet chăng, Wols (1913 - 1951) cũng tìm nguồn họa-hứng ở những vật rất tầm-thường, khóm cỏ, đồng rác, kẽ tường nứt nẻ, vỉa hè dơ dáy, các bóng chày trôi trên sông Seine mà ông thường ngắm ban đêm...

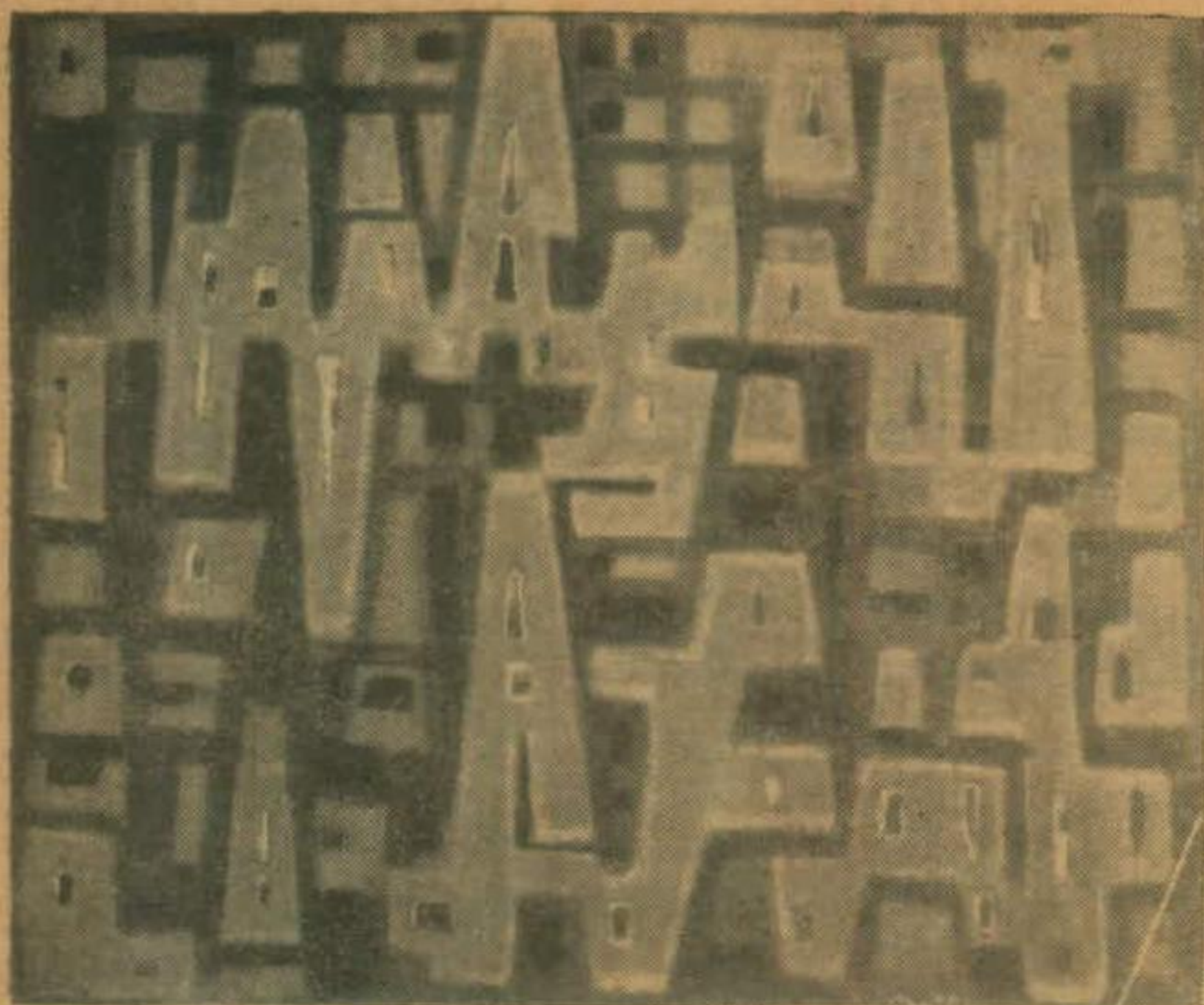
Mark Tobey (sinh năm 1890) một họa-sỹ nổi tiếng bậc nhất ở Hoa-kỳ, hay chu du các nước, có lẽ trông rộng biết nhiều, và lý hội bao quát được các trạng-thái cuộc sống hiện-đại, ông muốn gợi cuộc sống chen chúc ồ ạt hoặc cảnh bao la của trời đất. Như ở tranh « Đô-thị trên không, la Cité aérienne », toàn những nét ngắn nối liền ngang dọc mọi chiều, khiến ta nghĩ đến trăm ngàn con đường trên một bản đồ thành-phố không-lố.

Đi từ thực-tế lên dần tới trừu-tượng, khiến cho khán-giả có thể theo dõi mà không quá bỡ-ngỡ bấn-khoăn: xu-hướng đó được diễn tả rõ ràng nhất, do họa-sỹ Bazaine (sinh năm 1904).

Như ông đã nói, nghệ - thuật không phải có mục-đích đưa tới chồn lặc lợ hoang mang, nhưng chỉ cô vượt quá thực-cảnh mà thôi. Muốn trút bỏ thực-tế, có khác nào định trừ khử cả bản - thân ta? cô ý phủ nhận ngoại-giới tức là khước từ cả



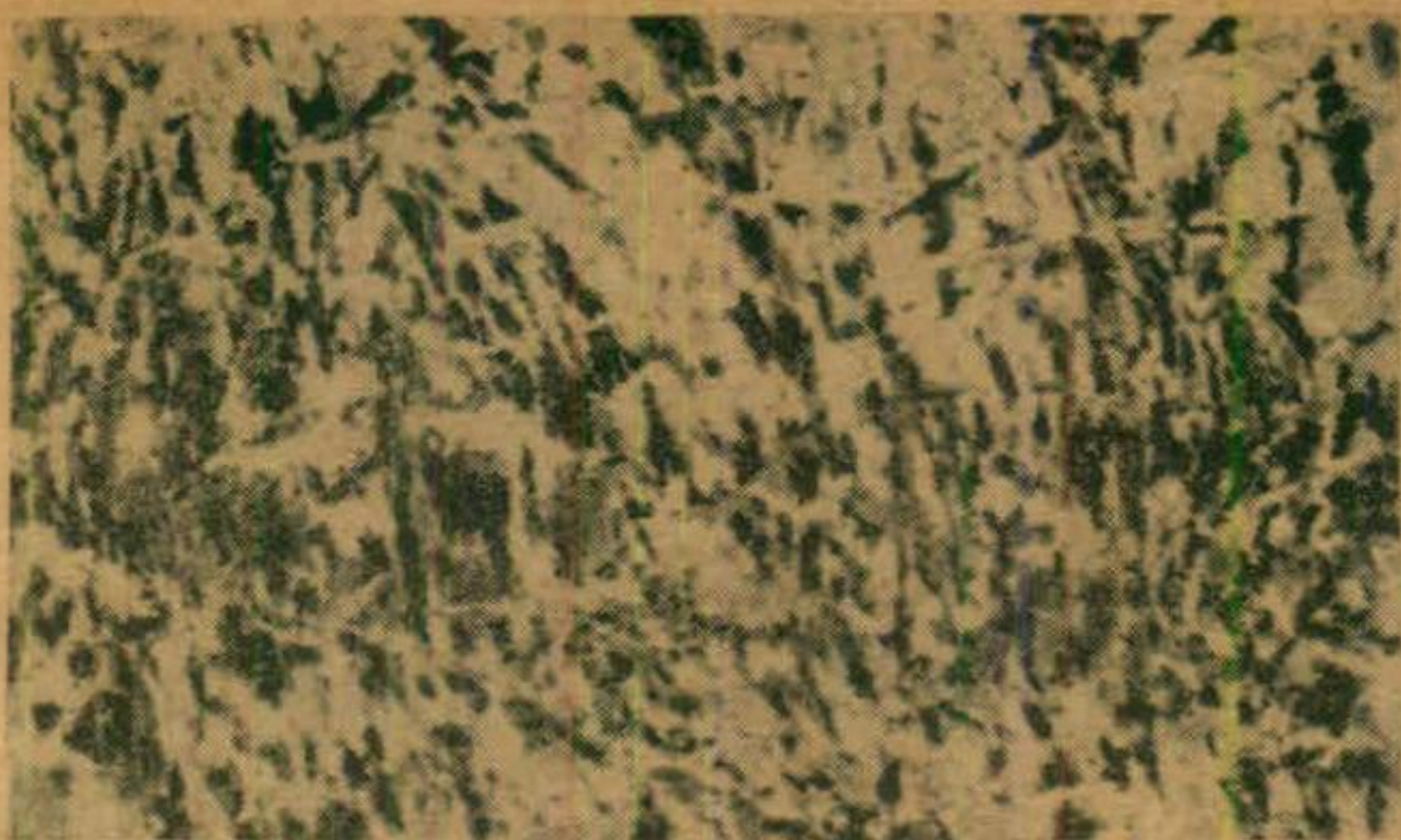
Khỏa thân trong phòng
Femme nue dans un intérieur 1957
của Robert Lapoujade.



Đêm Giáng - sinh
Nuit de Noël 1950
của Gustave Singier.



Hầm đá La Carrière của
Pierre Dmitrienko.



Cảnh Saint Guénolé 1959 của Bazaine.

chính mình, là một cách tự-tử (1). Một bạn ông là họa-sỹ Bryen cũng nghĩ rằng : kẻ ra có nhiều sự thắm kín giàu giềm ở cõi đời, và phần *thực-tế* giàu thắm đó là phạm-vi hội-họa trừu-tượng (2).

Quan-niệm đó đã được một lớp họa-sỹ có tên tuổi ngày nay chia xẻ : cô Da Silva, Pignon, Manessier, Bisière, Estève, Appel, Tal Coat, Singier, Lapicque, Riopelle, v. v...

Khi Le Moal vẽ « Nỗi gió Le vent monte », những vạch cuộn tròn hoặc cao vút như hướng thượng ; — « Mũ gai La couronne d'épines » của Manessier chỉ có những ô chữ nhật đỏ, những khung to nhỏ đen và xanh :

(1) « Un dépassement du réel, non son dépaysement... On ne se débarrasse pas si facilement de sa propre chair. Refuser systématiquement le monde extérieur, c'est se refuser soi-même : c'est une manière de se suicider.

Jean Bazaine : Bonnard et la Réalité.

Notes sur la peinture d'aujourd'hui.

(2) « Il y a beaucoup de choses clandestines et cachées dans la vie. On peut donc dire que cette peinture concerne le réel clandestin : Camille Bryen (Cimaise - 1955).

nhưng ngấm kỹ, nét và mầu gợi hình cây thánh-giá, nỗi buồn thắm trên vết máu loang của Chúa Cứu-Thê chịu đau thương ; — Những vạch đen như cửa triện gỗ trên nền tím xẫm lác đác vết vàng : cảnh đêm Giáng-sinh Nuit de Noël của Singier với ánh đèn trong bóng tối

Lại còn nhiều bức mang những vết mầu rung rinh giao ứng, chập chờn như mây khói, hay nở như cánh hoa trên hồ lặng bóng : khán - giả dù nghiêm-khắc hoặc có thành-kiến với hội-họa trừu-tượng, cũng khó lòng phủ nhận rằng vẽ thơ mộng ở cảnh Alentajo của *Veira da Silva*, cảnh Carrière của *Dmitrienko* hay Saint-Guénolé của *Bazaine*. Đền nổi đã có nhà phê - bình gọi là những họa-sỹ « Ấn - tượng trong Trừu-tượng » (Impressionnistes abstraits).

Đ. T.

Kỳ tới : Nhận định về Trừu-Tượng.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Tìm hiểu hội họa » Bách - Khoa số 108, có những chữ in lầm như sau :

- auxquelles il (le public) n'est pas **habituel**... xin đọc là **habitué**
- tout court, **tous** se transforme... xin đọc là **tout** se transforme (trang 49, phần chú thích)

NHÂN BÀI

GIÚP ĐỠ DÂN QUÊ

QUỐC-DŨNG

Trong bài *Giúp đỡ dân quê* đăng trong Bách-Khoa số 108 ra ngày 1/7/1961, đọc đến đoạn một nhà thầu bị giam rồi lại được tha, một vụ bán quá giá bị tòa dưới phạt tù được tòa trên phạt vi cảnh, có độc-giả tưởng tác-giả những dòng đó ám chỉ những người áp-dụng pháp-luật có thể bóp bẹp vo tròn, đổi trắng thay đen tùy ý...

Nhưng có lẽ vì thủ-tục tư-pháp có phần rắc rối đối với những độc-giả không am tường mà không có giải thích đầy đủ, nên có sự ngộ nhận chăng ? Sự thực, các sự kiện vạch ra chỉ chứng tỏ là *công-lý giúp đỡ dân-chúng*, bảo-đảm tự-do, danh-dự, tài-sản của dân chúng bằng những *thủ-tục kháng án và phá án*.

Nếu chỉ có một cấp Tòa án xét xử như những Tòa án nhân-dân của Cộng-sản thì dù sửa sai cách nào cũng không sao lấy lại tính mạng, danh-dự cho một công-dân. Anh thầu khoán ở vùng tự-do nên khi bị tòa dưới xử phạt có quyền xin phá án, mới được tha bổng. Cũng như những người bán quá giá bị tòa dưới phạt nặng có quyền được kháng án lên tòa trên nên mới được bảo-vệ những nhân-quyền của mình. Việc các tòa này áp-dụng điều luật này, các tòa khác áp-dụng điều luật khác, việc tòa phá án hủy một bản xử vì áp-dụng sai luật, việc các tòa thay đổi án lệ chẳng nữa cũng là những việc thường thấy. *Chỉ có những nước độc-tài, công-lý mới một chiều, luật pháp mới cứng nhắc*. Chính những sự mâu-thuẫn của các học-thuyết, những đường lối giải thích khác nhau của các cấp tư-pháp về cùng một vấn-đề, của tòa trên bác bản án tòa dưới v.v... những đổi thay của án lệ, những cuộc thảo-luận về việc áp-dụng luật này hay luật khác, mới làm được Công-lý thêm sáng tỏ, nền tư-pháp thêm tiến bộ, quyền-lợi nhân-dân thêm bảo-đảm. Thiện chí của các thẩm-phán là tìm ra được những lý lẽ vững vàng, những luật lý hợp thời, những điều luật đích đáng để sửa chữa những bản án cũ hay của một tòa dưới, bảo-vệ dân chúng hơn, mà làm tiến bộ nền luật-học hơn.

Điểm thắc mắc trên đây lại chứng tỏ thêm rằng các Tòa án với nhiều cấp, xử đi, duyệt lại cũng là những biện-pháp giúp đỡ dân chúng trong việc bảo-vệ các quyền công-dân của mình. Ấu cũng là đầu đề cho một bài sau của chúng tôi.

CÂU CHUYỆN

BIỂN NƯỚC

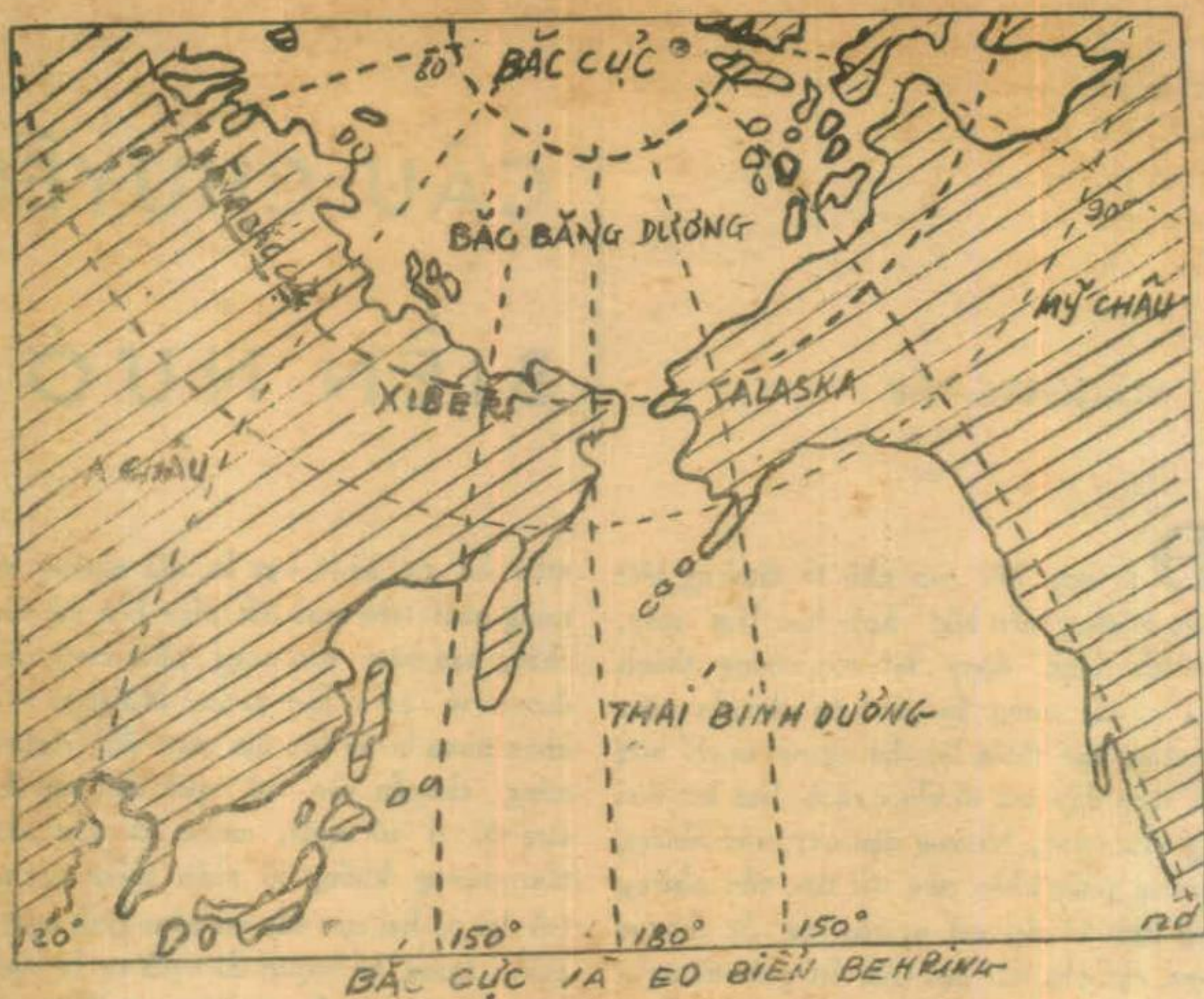
☆ VÕ-QUANG-YẾN

ĐI học hồi còn nhỏ ta thường biết nước ở sông biển bốc hơi lên làm mây, gặp khí lạnh đọng lại rơi xuống thành mưa và cái vòng ấy cứ luân chuyển mãi. Từ thuở tạo thiên lập địa người ta chỉ biết dựa theo đấy mà tổ chức cách làm ăn, đời sống của mình. Nhưng đến nay, với những phương pháp khảo cứu tối tân, với những năng lực vĩ đại mà người ta đã chế tạo được, các nhà bác học trên thế giới đã nghĩ tới những chuyện làm mưa làm gió, phá núi lấp sông, biến miền băng giá ra thành cánh đồng phì nhiêu, chế ngự thiên nhiên để đời sống được thêm phần dễ dàng, sung túc.

Biển biến đá Bắc cực ra thành biển nóng ấm áp

Mới nghe nói tưởng là chuyện thần thánh chỉ nằm trong trí tưởng tượng của những người nhiều lý thuyết. Không, kế hoạch đã được dự trù và rất có thể thi hành với những kỹ thuật chuyên môn hiện có. Hai cực quả đất thật đã nhận của mặt trời một số năng lượng lớn không thể tả được. Mới rồi đây đo năng lượng ấy ở bắc cực, người ta thấy mỗi phân vuông nhận mỗi

mùa hè 55 ki lô - ca lo, mà những vùng nóng nhất trên quả đất như bên xứ Crimê chẳng hạn năm nào nóng nhất cũng chỉ đạt được số 52 ki lô - ca lo. Nhưng có chỗ khác nhau là ở lục địa mặt đất nhận sức nóng chuyển vào vỏ quả đất, còn ở hai cực thì vì có tuyết, nước đá như những tấm gương khổng lồ phản chiếu sức nóng trở lại và hai cực vẫn cứ nằm lạnh ngắt ! Ý chính trong kế hoạch đã vạch ra là làm tan chảy lớp nước đá ở bắc cực. Mặt nước hết còn có tuyết và nước đá bao phủ sẽ không phản chiếu sức nóng của mặt trời như trước mà lại nhận vào, làm nóng nước biển lên và lớp nước đá cũng hết mọc lại được. Nhiệt lượng nhận được như vậy hằng năm sẽ tương đương với 150 lần tất cả những nguồn nhiệt hiện có trên khắp hoàn cầu kể từ các loại than qua dầu hỏa, khí thấp. Bắc cực biến ra thành biển nóng sẽ có ảnh hưởng lớn trên các nước nằm kề bên cạnh : các vùng sa mạc đài nguyên (toundra) Xibêri, Canada, Thụy-na-đan (Scandinavie) sẽ thành những cánh đồng phì nhiêu... Cả những nước ở bắc bán cầu cũng sẽ thay đổi : nước Nhật sẽ trồng lúa được tới miền bắc xa xăm, vùng Địa-trung-hải sẽ ấm áp quanh năm, ..



Nhưng làm sao tan chảy được lớp nước đá hiện có ở Bắc cực ? Ở bên Tàu người ta dùng máy bay cho rải mun trên các băng hà (glacier) trong núi để nước đá tan ra thêm nước vào sông ; ở Pháp, trong miền Savoie, người ta rải bản thạch (ardoise) lên tuyết để cho mau tan, có thể bắt đầu công việc đồng áng sớm hơn. Những phương pháp nhỏ nhen này không thể áp dụng vào miền bắc cực mệnh mông được. Ý kiến tài tình là xây một đập chắn ngang eo biển Behring, nối liền Alaska qua Xibêri. Eo biển này rộng 74 cây số, sâu 150 thước. Đập sẽ cao 60 thước, làm bằng những tấm bê tông nặng sắt đã đúc sẵn. Trên đập, một đại lộ nối liền hai châu Á Mỹ. Nhiều máy bơm khổng lồ dùng năng lượng nguyên tử sẽ

xây bên cạnh đập, có thể gây ra một dòng nước hết sức mạnh theo hướng người ta muốn. Những giòng nước nhân tạo này sẽ giúp đập làm tụt những giòng nước nóng, lạnh thiên nhiên ở các đại dương. Theo kế hoạch, dòng nước biển nóng Gulf Stream có thể đưa lên bắc cực sưởi nóng các lớp nước đá... Nước đá tan ra sẽ không làm tăng mực nước biển bao lắm vì nước đá thật đã nổi sẵn trên mặt nước. Như vậy sẽ không sợ nạn lụt lội nhưng ảnh hưởng về khí hậu sẽ to lớn vô chừng.

Nên nói thêm là kế hoạch này không thể áp dụng được vào Nam cực. Có nhiều duyên cớ. Trước hết lớp nước đá ở nam cực không phải chỉ dày 10-20 thước như ở bắc cực mà là hàng ngàn thước ;

thêm vào đấy các dòng nước biển tuồng như không thể chảy vào được lớp nước đá khổng lồ kia ; sau cùng ở Nam cực không có chỗ eo như eo biển Bebring để tiện việc xây đập. Ngoài ra vấn đề lụt lội cũng phải đặt ra vì lớp nước đá đóng cứng như một lục địa khi tan ra thì chắc sẽ thành vô khối nước...

Kỹ sư dự thảo kế hoạch xây đập là một người Nga, Pierre Borissoy. Hiện ông William Egan, nhà thống trị xứ Alaska đã tổ ý tán thành. Nhiều nhà bác học Mỹ và các nước khác rồi đây sẽ hợp tác với các nhà chuyên môn Nga để khảo cứu về từng chi tiết của kế hoạch. Lại một dịp để tinh thần hợp tác quốc tế vì khoa học, vì tiến triển vì muốn làm tăng mức sống con người có thể biểu lộ và rộng rãi nảy nở. Kỹ thuật chuyên môn của người ta hiện nay đã đạt được mức cao nhưng muốn thi hành những công tác đồ sộ thay đổi vỏ mặt địa cầu, thiện chí quốc tế còn đóng một vai trò quan trọng hơn.

Muốn mưa đâu là nước rơi xuống đấy

Công cuộc làm nóng biển Bắc cực như vừa thấy ở trên là một công tác vĩ đại, to lớn vì khuôn khổ cũng như vì ý nghĩ. Nhưng không phải chỉ những công tác to lớn mới có ích nhiều cho nhân loại. Đây những nhà bác học hằng ngày ngồi quan sát một hạt nước cũng có thể hiến cho các nhà canh nông những trận mưa nhân tạo cần thiết để tăng năng suất mùa màng.

Thật vậy, theo bài học vật lý ở nhà trường thì quá dễ dàng : khi mây gặp khí lạnh, ở 0 độ thì đông lại thành nước. Dễ dàng hơn nữa là hầu hết các đám mây, ngay cả ở giữa mùa nực cũng nằm

dưới 0 độ. Nhưng tạo hóa tuồng như nhiều khi quên hẳn luật của con người đã đặt ra : mặc dầu ở 0 độ, mây không chịu đông lại để rơi xuống thành mưa ! Nói đúng ra, mây không phải là hơi nước mà là những hạt nước hết sức nhỏ nằm lơ lửng trong không khí như những đám khói. Khi nước nằm ở thể lỏng như vậy thì không sao tăng kích thước lên được. Muốn các hạt nước phồng lớn lên, một ít hạt trong đám mây cần phải đông đặc lại thành nước đá làm mầm gây mưa cho cả đám mây. Nhưng như đã thấy trong phòng thí nghiệm, nếu dùng nước thật sạch, thật trong, không có chút bụi bặm thì có thể cho nhiệt độ sụt xuống - 40 độ mà nước vẫn không đông đặc. Trái lại, nếu có một chút bụi thì nước hết sức dễ qua thể đặc. Hiện tượng này cũng đã được ghi xét trong nhiều đám mây. Vậy thì chính những hạt bụi là những cơ quan điều khiển các trận mưa. Trước khi người ta tưởng những hạt bụi này từ không trung đưa lại, do các vẩn thạch (météorite) gây ra. Nhưng gần đây, người ta biết được các bụi này thật là bụi trần, từ mặt quả đất được đưa lên cao hàng cây số.

Nhiều nhà bác học đã bỏ công khảo cứu cấu tạo và nhiệm vụ của các hạt bụi trong cách cấu thành mưa và tuyết (hạt mưa chẳng qua là hạt tuyết tan chảy ra). Tùy theo nguyên thủy, những hạt bụi có những hiệu lực khác nhau. Những thí-nghiệm dùng nguyên liệu hóa học và khoáng chất cho biết chất bạc iôđua hiệu nghiệm nhất : ở - 4 độ đã gây nước đông đặc. Theo thứ tự thì đến các chất côvellit (-5 độ), tridimit bêta (-7 độ), manhêtit (-8 độ), caolinit (-9 độ),...

Những chất bụi khoáng chất hiệu nghiệm nhất có cấu tạo kết tinh (structure cristalline) gần giống cấu tạo nước đá nhất. Khi biết được hạt bụi nào dễ gây nước đông đặc nhất thì chỉ còn có việc là rải lên mây để làm mưa. Từ 15 năm nay, cuộc học hỏi để làm mưa nhân tạo với chất i-ô-đua đã cho người ta nhiều tiến triển tuy kết quả chưa được hoàn toàn khả quan. Người ta nhận thấy khi rải bụi vào thì mây thay đổi cấu tạo rất rõ ràng nhưng năng suất lượng được còn kém xa năng suất mong đợi, nhất là khi thí nghiệm áp dụng vào một khoảng rộng lớn, mục đích để gây mưa cho khắp một vùng.

Gần đây, giáo sư H. Dessens, giám đốc đài thiên văn khí tượng Puy-de-Dôme, nhà chuyên môn Pháp về môn vật lý mây, đã thí nghiệm bên xứ Công-gô, gây ngay cả mây và mưa trong các đồn điền ca-cao ở Lu-kô-kê-la. Ông cho đốt cây cối trong khoảng một mẫu, để phoi khô rồi đốt cháy. Nửa giờ sau, một đám mây phát khởi và một giờ sau mưa bắt đầu đổ hột. Tuy mưa không nhiều, nhưng trong suốt mùa nắng, thí nghiệm luôn bốn lần, giáo sư đều nhận được kết quả. Một câu hỏi tự nhiên nảy ra : làm sao ở dưới bầu trời nóng bức Phi-châu, hơi khói bốc lên có thể đông lại thành mây mưa? Trước hết đây là kết quả một hiện tượng vật lý: mỗi một lần một khối không khí bay lên cao một trăm thước thì bị một sức dãn (détente) đưa nhiệt độ thấp xuống một độ. Vì vậy mà khi lên đủ cao thì hơi nước biển thành mây. Cũng nên biết là trên bầu trời bãi sa mạc Sahara chẳng hạn, nóng bức biết bao mà không có mây vì sức nóng cần phải hết sức lớn và qui tụ lại một điểm, một vùng mà thôi. Khi cho

đốt cháy cây cỏ ở Lu-kô-kê-la giáo sư Dessens tính đã gây ra một nhiệt độ lớn gấp mười nhiệt độ thường ngày. Thêm vào đấy, bay theo hơi nước có khói là những hạt bụi than, mun làm mầm cho trận mưa.

Phương pháp làm mây mưa tuy chưa được hoàn toàn khả quan vì mưa rơi chưa đủ và nhiều khi không đúng ngay chỗ người muốn, nhưng về mặt phương tiện thấy có phần dễ dàng và rẻ tiền. Những thí nghiệm đầu tiên đã thúc dục các nhà chuyên môn khảo cứu thêm. Hiện nay các nhà làm mưa đã bắt đầu hoạt động mạnh bên Mỹ và rồi đây sẽ có các nhà làm mây phụ lực.

Đã trăng xe cát biển đông...

Nói chuyện khoa học về nước, về biển cần phải nhắc đến một vấn đề lâu nay đã được bàn tán nhiều nhưng chưa thấy thực hành : khai thác kim loại ở dưới biển. Thật vậy, riêng về vàng người ta tính ít ra cũng mười triệu tấn tiêu tan trong nước các đại dương. Nhưng cũng như nhiều kim loại khác, vì hoàn toàn hòa trong nước, nếu khai thác ra thì công của tốn quá nhiều, hết còn lợi. Nhưng nếu không khai thác được trong nước, thì người ta lại tìm ra được nhiều thứ kim loại đọng lắng ở đáy biển, nhiều thứ lại rất quý báu rồi đây có thể thay thế các mỏ ở lục địa càng ngày càng vơi. Từ năm 1870, với chiếc tuần dương hạm hải dương học đầu tiên Challenger, người ta đã bắt đầu chú ý tới vấn đề nhưng phải đợi tới năm vật lý địa-cầu 1957-1958 mới đạt được những chi tiết quan trọng. Các nước lớn như Mỹ, Nga đều hết sức chú trọng tới công việc khảo cứu này.

Các kim loại đọng ở đáy biển thành những viên sỏi đen xám, có khi nhỏ bằng quả dấm, có khi to lớn nặng tới 700-800 ki-lô. Ở Thái-bình-dương, mỗi một thước vuông đáy biển chứa từ 5 tới 40 ki-lô loại sỏi ấy. Thành phần quan trọng nhất là mangan bioxit, trung-bình 32 %, có khi vượt lên tới 80%. Ngoài ra còn có đồng, kền, cô-ban khá nhiều, và sau cùng sắt (22%) không đủ nhiều để khai thác. Các nhà bác học tìm hiểu nguyên thủy các loại sỏi này và cho biết mangan và sắt ở các hốc đá tan ra, gặp khinh-khí hợp lại thành oxit lẫn lẩn lắng xuống đáy biển, kéo theo các kim loại khác. Rơi xuống đến đáy, vì có mang điện, các kim-loại bị kéo lại những vật cứng và dẫn điện, dần dần đóng thành lớp. Nhà chuyên môn H. Pettersson, người Thụy-điển, dùng phương pháp phóng xạ (xin xem bài Nobel khoa-học: 1960. Bách-khoa số 97) để đo và cho biết mỗi lớp dài một ly cần phải một ngàn năm, có khi một triệu năm mới đóng thành. Người ta lại biết các lớp xi-lích và đá vôi cũng đóng lên một chỗ và mỗi khi bao kỹ viên sỏi thì kim-loại không còn đóng lại nữa. Vì tốc-độ các lớp xi-lích và đá vôi đóng lên sỏi thay đổi tùy theo nơi nên các loại sỏi cũng tùy theo biển mà thay đổi kích thước và thành-phần. Ở Đại-Tây-Dương chẳng hạn, loại sỏi này nhỏ hơn ở Thái-Bình-Dương nhiều. Ở đây người ta đã tìm ra được nhiều mỏ nằm dọc theo bờ biển Mỹ-châu, cách lục địa từ 500 đến 800 cây số, chứa vào khoảng 26 tỷ tấn quặng, phần lớn là mangan (73%), nhưng ít đồng, kền, và cô-ban. Đồng (1,6%), kền (1,6%) nhiều hơn ở phía đông nam đại-dương, chứa tới 200 tỷ tấn quặng. Còn cô ban (2%) thì 57

tỷ tấn quặng nằm vào đoạn phía tây quần đảo Hawaii tới Tahiti. Nhiều loại sỏi khác lại chứa nhiều đá vôi có khi lên tới 95%, thật là một mỏ quý để làm xi-măng. Ngoài ra người ta còn tìm thấy nhiều quặng phot-pho do xương các hải thú để lại. Các quặng này đem phơi khô và nghiền nhỏ dùng làm phân bón đất rất tốt. Người ta không quên những vãn thạch rơi xuống biển cũng có thể cho nhiều sắt và kền dễ lọc ra vì có tính chất từ trường. Nhưng trong các kim loại nói trên, mangan là quan-trọng nhất, ít cặn, đem phơi khô là có thể dùng ngay trong kỹ nghệ hóa học.

Phương-pháp khai thác có phần dễ-dàng và ít tốn hơn các mỏ ở lục địa: chỉ có một máy hút thật mạnh hút sỏi vào các ống dẫn thẳng lên tàu. Về mặt kinh-tế, các kim loại lấy ở đáy biển ra có phần rẻ hơn các kim-loại lục-địa. Nhưng vấn-đề còn rất mới nên chưa ai dám bắt đầu. Kỹ nghệ này không thể ví với công cuộc đã tròng nhưng vét đáy biển sâu tới 4, 5 cây số cũng cần phải một số vốn... Ngoài ra còn có một vài khó khăn về mặt pháp lý, vì nếu ở lục địa có biên-giới từng nước, đáy biển cũng như không trung hiện chưa thuộc về ai hết. Liệu rồi có dành dặt nhau không hay vì tinh thần hòa-bình sẽ có những cách dàn xếp ổn-thỏa.

VÕ-QUANG-YÊN

Vài tài-liệu

Roger Clausse : Les nuages, nhà xuất-bản Seuil.
Georges Lacauste : Les nuages artificiels, Sciences et Avenir số 157.

Pierre de la Latil : L'exploration des fonds, sous-marins a commencé, Sciences et Avenir số 155.

Jacques Burmend : La grande digue, L'Express số 507 ;

La neige, L'Express số 506 ;

Les cailloux au fond des mers. L'Express số 505.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaup Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐẠI HỘI ÂM-NHẠC

TÊ-HÊ-RĂNG VÀ ĐÔNG-KINH

★ TRẦN-VĂN-KHÊ

Đông-Kinh, tháng 5 năm 1961

Ng. xa cách,

GẦN 2 tháng nay, vắng thơ cho bạn. Hôm trước chỉ viết vội vàng ghi lại vài nhận xét về nước Ba-Tư đứng về phương diện địa dư, nhân chủng chớ chưa đề-cập đến vấn-đề âm-nhạc. Hôm nay, tôi cũng chưa tìm ra thì giờ để nói rõ về hai đại-hội âm-nhạc Tê-Hê-Răng và Đông-Kinh, về tất cả những điểm cần phải nêu ra để có dịp bạn thảo-luận với các nhạc-sư, nhạc-sĩ, nhạc công bên nhà. Trong khi nghe những bài thuyết-trình, ở bên lễ hội-nghị, lúc đi dạo trong thành phố, viếng những danh lam thắng cảnh, hay đi nghe hòa nhạc xem các lối ca kịch, có bao nhiêu điểm người ta đã ghi vào quyển sổ tay để thuật lại cho bạn nghe. Nay lần lượt lựa những điều cần nói trước, chớ nếu tuần tự đi từ đầu đến đuôi thì chắc mấy chục bức thư như thế này cũng chưa đủ. Vả lại, một số lớn tài-liệu về hai nhạc-hội, tôi đã gửi trước theo đường thủy về Ba-Lê, vì tôi chỉ được mang theo có 20 kí-lô hành lý, mà hai cây đàn và hộp đàn đã hơn 8 kí-lô rồi. Xin hẹn với bạn sẽ có những bức thư riêng nói rõ về hai nhạc-hội, về những buổi hội-kiến lý-thú giữa các nhạc-sư nhạc-sĩ Ba-Tư, Nhật, Trung-Hoa, Ấn-độ, Ga-na (Phi-châu) v. v... Hôm nay, tôi chỉ sơ lược nói để bạn biết đại cương của các đề-tài được đem ra thảo-luận ở hai hội-nghị, vài điều tôi đã học hỏi được, vài người tôi đã gặp và vài việc tôi đã làm.

Đại-hội ở Tê-Hê-Răng mang tên là « Đại-hội quốc-tế về sự bảo vệ những hình thức cổ-truyền của quan nhạc và tục nhạc trong các nước phương Đông và phương Tây ». (1)

Tôi không thỏa-mãn về hai chữ quan nhạc và tục nhạc mà tôi dùng để tạm dịch danh từ « Musique savante » và « musique populaire ». « Musique savante » nhạc thông thái ? đại nhạc ? là những lối nhạc có qui củ, có hệ thống, có liên quan đến tư-tưởng triết-lý, đến âm luật. Còn musique populaire, là lối dân nhạc bắt nguồn trong dân gian và có liên-quan mật thiết đến đời sống hằng ngày của dân chúng.

Vì mục-dịch của Đại-hội là bàn về sự bảo vệ truyền thống, nên có những bài thuyết-trình về nguyên-tắc căn-bản của mỗi truyền-thống hay là mỗi « gia-đình âm-nhạc », rồi Đại-hội đề-cập đến các vấn-đề xã-hội, kỹ-thuật có liên-quan đến sự biến-chuyển của truyền-thống. Chắc bạn lấy làm lạ khi nghe tôi nói đến « gia-đình âm-nhạc ». Người ta gọi bên này là « famille musicale ». Chưa có sự phân loại rõ-rệt. Nhưng tạm thời có những đại-gia-đình âm-nhạc và trong các đại gia-đình ấy có nhiều chi nhiều nhánh, nhiều phái như Trung-Hoa, Nhật-bản, Triều-Tiên và Việt-Nam thuộc về gia-đình Trung Nhật vì nhạc khí, nhạc thuật các nước ấy hầu hết đều do Trung-Hoa mà ra. Miến-Điện, Lào, Cao-Miên, Thái-Lan và Nam-Dương thuộc về gia-đình Nam-Dương vì nhạc khí, nhạc thuật các nước ấy tương-tợ nhau. Có dịp tôi sẽ nói rõ thêm. Nhưng nói qua cho bạn thấy rằng nhạc khí đặc biệt dùng trong gia-đình Trung Nhật thuộc về loại « ti-trúc » tức là đàn dây tơ và ống sáo tre ; trong gia-đình Nam-Dương có loại đả cầm đàn gỗ, như mộc cầm (xylophone) và trống chiêng.

Đại-hội Tê-Hê-Răng có xem qua điều-kiện xã-hội của nhạc-sĩ, nhạc công, những phương tiện dùng để bảo vệ truyền-thống như máy ghi-âm, máy thu-thanh, cách chép nhạc, những sự cộng-tác giữa kỹ-thuật-gia, âm-nhạc học-giả và nhạc-sĩ để sưu-tầm, và phổ-biến nhạc cổ-truyền. Đại-hội cũng có thảo-luận về các lối nhạc « ngoại lai » mà bên này người ta gọi là « musique hybride ». Đại-hội Tê-Hê-Răng tuy chỉ cử-hành từ ngày mùng 6 đến ngày 12 tháng 4 dương-lịch, nhưng đã thảo-luận về những vấn-đề có liên-quan mật thiết đến tương-lai cổ-nhạc Việt. Đại-hội Tê-Hê-Răng lại là một cuộc gặp gỡ quốc-tế có đủ đại-diện năm châu, có Mỹ, có Nga, có các nước Đông-Âu như Hung-Gia-Lợi, Bảo-Gia-Lợi, Tiệp-Khắc, có các đại-diện Phi-châu (nước Ghana).

(1) Congrès International sur « La Préservation des formes traditionnelles de la musique savante et populaire dans les pays d'Orient et d'Occident ».

Đại nhạc hội ở Đông-Kinh mang tên là « Cuộc gặp gỡ của âm-nhạc Đông Tây tại Đông-Kinh năm 1961 ». (1)

Gặp gỡ trong các buổi thảo-luận về lý-thuyết cũng như trong những buổi hòa-nhạc. Cũng có những buổi thuyết-trình về truyền-thống, về những vấn-đề có liên-quan đến sự bảo-vệ truyền-thống, những phương-tiện áp-dụng để bảo vệ truyền-thống, nhưng cũng có nhiều buổi thảo-luận về âm-nhạc cận-đại trên thế-giới về các lối nhạc còn đang thí-nghiệm như nhạc cụ-thể (musique concrète), những tổ-chức để phổ-biến âm-nhạc trên thế-giới, ảnh-hưởng của người phê-bình nhạc trong sự sáng-tác v. v... Đề tài thảo-luận tại Đại nhạc hội Đông-Kinh không riêng chú trọng về sự bảo-vệ truyền-thống. Mục-đích của Đại-hội là cho âm-nhạc của hai phương trời Đông Tây gặp nhau để bên này tìm thấy cái hay của bên kia hoặc khoe đặc-điểm của mình cho bên kia thấy rõ. Nếu hiểu theo nghĩa « địa-dư » thì danh từ cuộc gặp gỡ Đông Tây rất đúng. Có những giàn nhạc, nhạc công, nhạc-sĩ, các nước Đông Tây. Nhưng nếu hiểu thu nghĩa « chính trị » thì chỉ có Tây và các nước trong khối Tây-Âu vì Nga và các nước Trung-Âu không có tham dự. Ngay tại nước Nhật, có một số đông âm-nhạc học-giả, nhạc-sĩ không tham dự vì cho rằng Đại-nhạc-hội này do Mỹ bỏ tiền ra một phần lớn để tổ-chức. Tôi có gặp một vài ông trong nhóm đó sau ngày hội nghị bế mạc cũng như đã gặp nhiều nhạc-sĩ tích cực tham-gia hội-nghị. Các ông không tham-dự nghĩ rằng nếu có mặt các ông trong hội-nghị, có thể người ta nghĩ là các ông thân Mỹ. Tôi có dịp nói qua cho các ông ấy rõ lập-trường của tôi : nơi nào có dịp cho tôi trình bày Việt nhạc, bình vực truyền-thống của nhạc Việt mà không bị một áp lực nào chi phối tôi, là tôi thấy có phận sự phải đi đến. Nếu một hội-nghị chỉ thảo-luận hay đề-cập đến vấn-đề âm-nhạc mà không có những quyết-nghị chánh-trị là tôi tham-dự.

Tôi đi để đem tiếng nói của âm-nhạc Việt góp vào cuộc thảo-luận quốc-tế, để cho người các nước biết qua và đề ý đến nhạc của dân-tộc Việt thì sự hiểu lầm về cá-nhân tôi không đáng kể bằng công việc tôi định làm. Huống chi ban tổ-chức cũng có mời tất cả các nước trên thế-giới tham-dự. Sự có mặt hay vắng mặt của một nước nào là tùy nơi chánh-phủ nước đó. Tôi được mời tham-dự với tánh cách cá-nhân chứ chẳng phải do một chánh-phủ nào đề cử. Tiếng nói của tôi là tiếng nói của âm-nhạc Việt không phân biệt Bắc Nam. Các đề-mục đều được trình bày và thảo-luận một cách khoa-học và dân-chủ. Tôi có thể nói những

(1) 1961 Tokyo East-West Music Encounters.



Ảnh chụp với ông Nakasno-shima, Kinichi (Trung Năng Đảo Hàn nhút) một nhạc sư của phái Yamada (Sơn điền Lưu).

gì cần phải nói về nhạc Việt, về điều-kiện sanh sống của nhạc công Việt, mà không ai có quyền cấm cản. Thì sự tham-dự của tôi đâu có bất lợi cho cá-nhân tôi đi nữa cũng đòi được với kết quả mà tôi đem lại cho nhạc Việt. Và nói cho cùng, nếu mà trong hội-nghị, họ có những quyết nghị gì đi ngược lại với quan-điểm tôi về sự bảo-vệ truyền-thống hay bất lợi cho nhạc Việt thì tôi sẽ cực-lực phản-đối. Tóm lại, tôi đặt việc phụng-sự âm-nhạc Việt trên cá-nhân tôi. Thì ông giáo-sư ấy gật đầu và nói: « Nếu tôi gặp ông và thảo-luận với ông trước ngày đại-hội khai-mạc, chắc tôi cũng tham-dự đại-hội với một lập trường như ông ».

Trong hai hội-nghị, tôi đã có dịp tiếp-xúc với nhiều nhạc-sĩ, âm-nhạc học-giả trên thế-giới để biết qua những thực-hiện trong việc bảo-vệ và khai-thác vốn cò trong nước họ, biết chánh sách của chánh-phủ các nước trong việc tổ-chức trường nhạc, và qui-định chương-trình dạy nhạc và chương-trình các đài phát-thanh, biết những cố gắng của người trong việc sưu-tầm và phổ-biến nhạc truyền-thống. Không thể kể hết tên những người tôi đã gặp. Các ông ấy từ các nước gần xa, đến dự hội-nghị với sự hiểu biết rộng-rãi và những tài-liệu đầy đủ về âm-nhạc của nước họ, là những ông thầy dạy tôi về những nguyên-tắc căn-bản của âm-nhạc họ. Lẽ tất nhiên là đến hai nước Ba-Tur và Nhật-Bản, tôi đã gặp nhiều nhạc-sư, nhạc-sĩ của hai nước ấy.

Tôi đã dự các buổi dạy nhạc cò-truyền tại Tê-Hê-Răng và Đông-Kinh. Tôi đã gặp các âm-nhạc học-giả hai nước ấy để thảo luận về cách chép nhạc Ba-Tur với những quăng bằng 1 phần tư cung, hay nhạc Nhật-Bản với những thủ pháp đặc-biệt. Tôi đã hội kiến với những nhạc-sư của hai phái Yamada (Hán Việt đọc là Sơn-Điền) và Ikuta (Sanh-Điền) với những nhạc-sĩ sáng-tác theo lối cò-truyền, hay theo nhạc pháp Âu-châu. Trong một bức thư riêng tôi sẽ nói về những nhà học-giả, nhạc-sư, nhạc-sĩ ấy. Họ thuộc về các phái khác nhau, áp dụng những phương-pháp khác nhau, địa-vị tuổi tác khác nhau, mà quan-niệm về học hay sáng-tác nhạc cũng khác nhau. Và nhờ thế mà câu chuyện mới lý-thú. Ngoài ra tôi có gặp một anh ca-sĩ người Mỹ, hình dáng giống như Phạm-Duy, cũng hơi gầy gầy mang mắt kiếng đàn giỏi hát hay có sang Việt-Nam 15 hôm, biết nói vài câu tiếng Việt và đã được một cô gái

Việt dạy hát bài cò lả ; tôi gặp một nhạc-sĩ đại-diện nước Ghana (Phi-châu) nói về sự tổ-chức trường dạy nhạc bên nước ông ta, một nhạc-sư người Li-Băng (Cận-Đông) chuyên sáng-tác nhạc theo phương-pháp Âu-Châu và áp-dụng những quãng nhỏ bằng 1 phần tư cung của nhạc Cận-Đông và nghe ông ta nói chuyện về lối làm thơ ứng khẩu hay chung quanh một chén rượu, giữa những người bạn thân, họ gọi là Zəjal và cách ứng đối cũng như lối làm thơ ứng khẩu liên hườn hay cách đối đáp trong các điệu hát trống quân của ta v. v...).

Không kể hết được bạn ơi ! Và trong các buổi nhóm của hội-nghe, cũng như khi gặp riêng họ, tôi đã biết rõ, thêm về các điệu ma hour (ma-hua-rơ) và Tche hargah (Chê-ha-rơ-ga-hơ) dùng trong các bài nhạc vui của Ba-Tư, điệu homayoun (hồ-may-un) điệu Ségah (Xê-ga-h) dùng trong những bài nhạc buồn, điệu Chour (Sua-rơ) dùng trong những bài dân-ca. Tôi đã biết được hơn 12 cách lên giây đàn Koto Nhật, học được 17 thủ pháp của tay mặt và 9 thủ pháp tay trái khi đàn Koto, biết những đặc tính của phái Yomada và phái Ikuta trong trường dạy đàn Koto, một loại đàn như đàn tranh của ta mà lớn hơn, và có 13 dây tơ, biết qua các phái Kinko và Tozan của trường dạy thời ống tiêu, loại tiêu đặc biệt của người Nhật mà gọi là Shakuhachi (Xích-bát, nếu đọc theo tiếng Hán Việt). Tôi đã nhận xét được những điểm giống nhau và khác nhau giữa nhạc Trung-Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam về phương-diện lý-thuyết và thực hành. Tôi đã xem các lối kịch cò kìm của nước Nhật từ lối Nob (Hán Việt gọi là Nặng) qua lối Kabuki (Hán Việt đọc là Ca-vũ-kỹ) đến các lối hát kìm-thời, nghe các điệu nhạc xưa trong Triều-đình như Gagaku (Hán Việt đọc là Nhã-nhạc) đến các điệu nhạc đàn Koto (Hán Việt đọc là Tranh) đàn Shamisen (Hán Việt đọc Tam-huyền) những lối hát đặc biệt của họ, dự nhiều buổi hòa nhạc cò kìm mà trong những bức thư sau tôi sẽ nói cho bạn nghe hoặc viết những bài báo đề bạn đón mà đọc. Tôi đã thu-thanh được rất nhiều tài-liệu về đàn Koto,



Ảnh chụp chung với Ông Nakashima (Trung-Đào) một nhạc sư phái Ikuta (Sanh Điền Lục)

cả cách tụng kinh của mấy ông sư Nhật-Bản tại Kyoto (Hán Việt đọc là Kinh-đô) để so sánh với cách tụng kinh Nam-mô A-di-đà Phật, khai kinh vô thượng thậm thâm vi diệu pháp của người mình. Tôi đã chụp hơn 2 trăm ảnh các lớp học, các giáo-sư, các nhạc khí loại tranh những buổi hòa-nhạc. Tôi đã mua và được tặng rất nhiều sách và đĩa hát về nhạc Nhật-Bản, Trung-Hoa và Ấn-độ.

Không phải chỉ lo thảo-luận và học hỏi. Tôi không bỏ qua một dịp nào để trình bày nhạc Việt. Tại Đại-hội Tê-Hê-Răng, trong buổi thuyết-trình về nguyên-tắc căn-bản của nhạc Á-Châu, tôi đã lấy nhiều thí-dụ trong nhạc Việt và báo-chí Tê-Hê-Răng có đăng ảnh của tôi với cây đàn tranh. Tôi đã dự một buổi hòa nhạc quốc-tế và hai cây đàn cò (nhị) tranh (thập-lục) đã cất tiếng tại thủ đô Ba-Tur hôm đó cũng như hôm lên đài vô-tuyến truyền hình và buổi hòa nhạc tại dinh Công chúa Chams Pahlavi (Sam Pa la-vi) em Hoàng-đế Ba-Tur. Trong một kỳ ra mắt công chúng Ba-Tur, cái khăn đóng và áo dài người Việt cũng được chú-ý. Nhất là lần này tôi được một người em họ mua gấm bên nhà gởi sang Áo gấm xanh có thêu chữ thọ vàng nổi bật trên cái quần lụa trắng làm cho người Ba-Tur — cả đến anh bạn nhạc-sĩ Nhật Yuize — phải xuýt-xoa và khen quốc phục Việt rất đẹp. Người Nhật, người Ấn, người Nga (vùng giáp ranh với nước Ba-Tur) đều mặc quốc phục của họ khi biểu-diễn âm-nhạc cổ truyền. Hình dáng của nhạc khí, tiếng đàn giọng hát nó ăn với y-phục cổ-truyền. Tôi nghĩ tới mặc quốc phục từ ngày tham-dự nhiều cuộc gặp gỡ quốc-tế và nhận thấy rằng chỉ-liết về y-phục tuy nhỏ nhưng tăng thêm chất lượng của sự biểu-diễn rất nhiều. Tại Đông-Kinh tôi được mời làm hai bài thuyết-trình về các vấn đề liên-quan đến sự bảo-vệ truyền-thống trình bày cổ-nhạc Việt tại Đại-hội, tại trường Đại-học âm-nhạc Đông-Kinh, tại trường dạy cổ-nhạc Nhật-Bản (do hội nghiên-cứu nhạc Á-châu tổ chức) tại các lớp dạy đàn Koto, và trong một buổi vô-tuyến truyền hình do giáo-sư Koizumi (Hán Việt gọi là Tiểu-Tuyền) trình bày. Giáo-sư so sánh hai cây đàn Koto của Nhật và Tranh của Việt-Nam, và đặc biệt khen cách nhấn của người Việt.

Ròng rã trong hai tháng trường, không hôm nào là tôi chẳng học được một điều mới lạ, nghe thấy một chuyện lạ, hoặc trình bày những đặc điểm của cổ-nhạc Việt trong những buổi nói chuyện riêng hay những nơi hòa nhạc công cộng. Vì thế mà tôi không có thì giờ viết thư cho bạn. Vắng thư cho bạn nhưng chẳng phải quên bạn và hôm nay chắc bạn cũng vui mà biết rằng tôi đã không bỏ phí thì giờ để học hỏi cái hay của người hầu làm giàu thêm cho cổ-nhạc Việt, để thấy rõ thêm phương-pháp chấn hưng, bồi dưỡng cổ-nhạc Việt. Hiện giờ những nhạc-sư Nhật, Trung Hoa, Ấn-Độ đã nghe qua nhạc Việt, tuy chưa biết về bề sâu của nó, đã nhìn nhận rằng nhạc Việt có một cá tánh, nhạc Việt sâu sắc và tế-nhị như các lối nhạc cổ-truyền Á-châu. Tuy nhiên, càng biết rõ người càng thấy thêm khuyết-diểm của mình. Rồi đây tôi sẽ rút vài kinh-nghiệm trong cuộc hành trình vừa qua và đem nhạc Việt so sánh với nhạc Nhật-Bản và Trung-Hoa để thấy những ưu-diểm của mình mà phát-triển và những khuyết-diểm của mình mà bồi-bổ.

Xa xôi...

TRẦN-VĂN-KHÊ

PASTILLES: { **VANCO** MUI • MENTHE •
CAM MUI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Được khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIEU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN CAO THANG, Dược-Sư
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Salgon

CÚ ĐIỂM QUAN SÁT

VILLIAM MARCH
NGUYỄN (dịch)

Lời người dịch. — Truyện ngắn « Cú điểm quan sát » dưới đây đã phản-chiếu một cách trung thực tâm-trạng của dân-tộc Hoa-Kỳ trong cuộc thế-chiến đầu tiên.

Thanh-niên Hoa-Kỳ, những đứa con hun-đúc trong lý-tưởng nhân-quyền, dân chủ, đã bước vào cuộc thế chiến thứ nhất như những Thập-tự-quân thuở trước Họ ôm ấp hoài bão chiến đấu để thế-giới được an hưởng dân chủ .. đánh một trận giặc để tận-diệt tất cả mầm mống của mọi cuộc chiến-tranh khác » Họ chính là Dave Brennan.

Trận giặc kéo dài đến 4 năm để rồi đưa đến một kết-quả làm thất-vọng những con người lý-tưởng thuở xưa. Những điều đón đầu tai cực, nhất là sự bần thiêu vô-lý của chiến-tranh đã làm những con người tưởng thành dưới ánh sáng rõ ràng của khoa-học — với cặp mắt phân tích lạnh lùng, khát khao tìm hiểu nguyên-nhân của mọi vấn-đề như Tom Fleming — bần khoản, hoang mang đến mất lòng tin. Chúa đã mất ngôi trong lòng họ. Chúa đã « quỵ ngã ». Lòng kính sợ Chúa đã mất trước niềm đón đầu của chiến tranh. Arthur chẳng còn sợ sệt đức « Chúa phẫn nộ (God of Wrath) mà suốt trong thời lập-quốc, tổ-tiên anh lúc nào cũng run sợ cúi đầu. Lòng khâm-phục tin-tưởng nơi Chúa đã mất trước những vô-lý, bần thiêu của chiến-tranh mà Chúa tỏ ra là bất-lực (trường-hợp Tom Fleming.)

Nhưng lòng tin yêu Chúa vẫn còn le lói trong một đôt người. Cy Cameron sót sa trước sự đồ vơ của ngôi vị Chúa. Johnnie vẫn còn nhắc nhở đến Chúa trong lời ước nguyện.

HỌ đứng tại cú-điểm quan-sát nhìn ra khoảng đất phía ngoài, thân súng dựa vào những thân mình ngời ngời, khuỷu tay đặt trên ụ đất trước mặt. Bình minh chẳng còn xa, nhưng không có một vệt sáng nào loé dạng trên nền trời ; chỉ có

ánh sao lu đã lụi-tàn, và con trăng nằm sát chân trời tỏa ánh sáng hắt hiu, lơ lơ một màu tro xỉn.

Johnnie thở dài trút gánh ưu tư. Một cơn gió rẩy, bắn ngửa đầu lên hít thật sâu, tưởng chừng như bắt được hơi

xuân trước khi có dấu hiệu báo mùa về. Một chớp sau hán lên tiếng, lời nói nghẽn sau vòm tay khum, giọng dịu dàng, sì sào hơi gió :

« Ở Alabama giờ đã xuân rồi », hán nói. « Búp đỏ nhú khắp vùng bãi lầy và lúc này rặng liễu sau nhà Brennan đã xanh ngát một màu. » Hán nhắc súng lên chà tay vào báng. « Khóm đồ quyền trước sân nhà bà Sam Tyson đang độ măn khai ».

Alan gật đầu. « Ủ », hán nói thần thò. « Ủ ».

« Mình sống ở ngoài tỉnh, như mình đã kể cho cậu nghe tối qua », Johnnie tiếp, « nhưng mình biết bọn con trai nhà Brennan lắm. Gần như là chủ nhật nào mình cũng đến đấy. Cứ mỗi khi khóm liễu bắt đầu xanh tốt là bọn này biết rằng đã sắp đến lúc bơi lội vầy vùng.

Một anh chàng trong đám con trai nhà Brennan — hán ta vừa bằng trạc tuổi mình — tên là Dave. Hán ghi tên nhập ngũ cùng một lúc với mình. Thực ra thì cả năm đứa bọn này cùng bỏ học và ghi tên nhập ngũ với nhau. Dave Brennan là một đứa trong bọn ».

Alan cởi khuy áo để không khí tươi mát ban mai phả vào cổ. Trước mặt hán, khoảng trống giữa cú-điểm quan-sát và chiến-hào địch, là xác những người bị giết trong cuộc đột-kích hồi xẩm tối. Xác họ cứng đờ, chân tay xoắn rộng, thân hình nổi bật đường nét dưới ánh sáng của vầng trăng gầy mọc muộn.

Johnnie nói : « Ai cũng phì cười khi nghe tin Dave Brennan ghi tên nhập ngũ. Họ bảo họ khó có thể tin là lại có một kẻ nào có thể trở thành một quân-nhân tẻ hơn hán được. Trông thấy bất cứ một cái gì bị đau đớn, Dave không thể chịu đựng nổi,



cứ trông thấy máu không thôi, Dave cũng xây xẩm cả mặt mày. Mỗi khi họ giết súc vật ở trại, Dave thường lên tỉnh lách tại nhà Arthur Scales cho đến khi xong xuôi mới về ».

Alan uốn thẳng người một chút, đưa mắt nhìn những xác người trước mặt, bâng khuâng tự hỏi họ là ai, họ đã sống ra sao ở trên cõi đời này, đang lúc ngắm nhìn như thế, hắn thấy một cụm sương mù di-chuyển tách biệt lảng đàng như ma quái qua chiến-địa. Hắn bỏ mũ sắt đặt bên khuỷu tay trên đất, mắt vẫn dăm dăm rời theo cụm sương mù. Đột nhiên hắn cảm thấy trầm tĩnh và khác lạ. « Giống người quá đi mất », hắn nghĩ thầm : « Cụm sương kia thật chẳng khác nào một người mặc áo dài trắng lướt trên mặt đất. »

Johnnie nói : « Dave Brennan là người công giáo, hắn thường tâm-sự là khi lớn lên hắn mộng trở thành tu sĩ. Lúc nào hắn cũng cư-xử với mọi người hết sức tử tế, ai cũng mến hắn, mặc dù họ có cười hắn thực khi hắn tòng quân với mục-đích chấm-dứt vĩnh viễn tất cả mọi cuộc chiến tranh. »

Alan gật đầu, hắn không chú ý nhưng cũng nghe thấy một phần nào câu chuyện của Johnnie. Với phần phi-ngã nhưng nhiệt thành của trí-não, hắn cân-nhắc và gạn lọc câu chuyện cho mãi đến khi thấy được cái ý nghĩa căn-bản ; đoạn, một cách vô-thức, hắn lồng những ý-nghĩa mới vừa tìm được với trí tưởng tượng phóng túng của chính hắn, giữ lại một phần câu chuyện của Johnnie nguyên-vẹn như hắn nghe được, tái-tạo một phần và dựng toàn bộ lên trên bối cảnh chiến hào, hàng rào dây kẽm gai và đám cây

tử sĩ. Hắn thở dài trút gánh ưu-tư, mắt rời theo cụm sương la đà. « Biết đâu đây chẳng chính là đấng Ki-Tô đang di-chuyển ngang qua trận-địa, » hắn nghĩ. Hắn úp mặt vào hai bàn tay, đôi mắt nội hướng không hồn.

« Minh thường thắc mắc chẳng hiểu kết cuộc thằng Dave Brennan ra sao, Johnnie nói, « Cả một bọn tội này cũng dự khóa huấn-luyện với nhau, nhưng sau đó lại bị phân tán vào các đơn-vị khác nhau. Cả năm đũa cổ bám lấy nhau nhưng không được. Dave nhỏ bé nhất và lóng ngóng nhất bọn. Minh chẳng hiểu nó xoay sở ra thế nào. Minh chắc nó chết mất ».

Đấng Ki-Tô lặng lẽ đứng trên chiến-địa giây lâu, đoạn Người trở gót tiến về phía một chiến-binh đang nằm úp mặt xuống đất tẩm tức khóc không thành tiếng. Hắn còn trẻ lắm, lúc đấng Ki-Tô đến đứng bên hắn, hắn đưa tay úp mặt, đôi môi mấp máy như đang kiên trì lập lại một khúc kinh cầu vô thủy vô chung. Rồi hắn mở mắt nhìn lên và thấy đấng Ki-Tô đứng trước mặt. Hắn thấy đôi môi của Chúa cũng mấp máy nguyện cầu và cặp mắt Người rung rung thương xót. Thấy vậy gã đàn ông thu mình vào trong bóng tối. Hắn nhắc chiếc áo choàng che tấm thân tội tã.

« Chúa ơi, chớ nhìn con », hắn nói. « Người chẳng thể nhìn thấy thân thể con mà còn mến yêu loài người. Xin chớ nhìn con ».

Nhưng đấng Ki-Tô quì bên gã đàn ông mó vào vết thương với những ngón tay cảm thương, từ tốn. « Chính ta, ta cũng thất vọng », Người phán. « Ta cũng thất vọng và khóc lúc chiều về ».

Về hướng bắc, nơi phòng-tuyển uốn cong hình bán nguyệt, một ánh đèn pha rọi lên, lững lờ giãy lất rồi hạ xuống ; trong khoảng thời gian đó Johnnie im lặng, mắt hần từ từ hạ xuống theo vệt sáng xiêu đổ.

*
* *

« Năm đứa bọn mình cùng đăng tên nhập ngũ một lượt », hần nhắc lại. Tụi này là bạn nối khố với nhau. Cả bọn lập một câu-lạc-bộ được chúng nó mệnh danh là « Bộ năm chung thủy ». Hần cười se se, môi hần hôn lòng bàn tay, trước mỗi hoài niệm đột nhiên có vẻ vô lý, vào lúc hần đã hai mươi tuổi đã là người lớn. Dave Brennan là một trong năm đứa. Còn tên nữa là thằng Arthur Scales. Hần là thằng mà Dave đến lánh mỗi khi có vụ sát sinh tại trại ấy mà. Arthur có một người chị tên là Elsie, chị ta thường nướng bánh nho cho câu-lạc-bộ tụi này mỗi lúc tụi này hội họp. Chị ta lấy Fred Huggins, thu ngân-viên của Ngân-hàng Farmers' and Drovers' Bank. Bây giờ họ đã có 3 con rồi.

Johnnie trầm ngâm chà khuôn mặt mảnh dẻ, tập trung tư-tưởng. « Arthur không sùng đạo như Dave », hần nói một lúc sau, « nhưng hai đứa thân nhau lắm, kể ra thì

bọn này thân nhau cả, nhưng Dave và Arthur khăng khít với nhau hơn hết. Arthur dễ bấn tính, lúc mà nó lên cơn thì phải biết, nó thì lao vào cậu với dao, gây hay bắt cứ một thứ gì có trong tay lúc bấy giờ. Mình còn nhớ có một lần, hồi nó mới có mười ba tuổi. Ông cụ nó lấy roi ngựa quật cho cậu cả một trận. Bà giáo đuổi Arthur về kèm với một bức thư. Bà ta mách rằng Arthur đã ngáng chân làm ngã một tên học trò ngay trước mặt bà ta trong lúc xấp hàng vào lớp và bà ta nghĩ rằng hần phải bị trừng phạt ». Bà ta bảo.

Johnnie thỉnh thoảng dứt ngang. « Cậu nhìn gì thế ? » hần hỏi bằng một giọng ngờ vực. « Mình chắc cậu chẳng nghe mình nói tí nào. »

Alan nói : « Có, mình vẫn nghe cậu nói đấy chứ, nhưng mình ngấm đăm sương la đà kia. » Hần chờ một lát rồi nói thêm : « Thế ông cụ anh chàng Arthur đối với tờ giấy đó ra sao ? »

« Mới đầu ông ta cười, coi đó là trò đùa. Ông ta bảo Arthur phải xin lỗi bà giáo, ông ta tha tội cho hần lần này. Nhưng Arthur không ngáng thẳng bẻ và nhất định không chịu xin lỗi về một chuyện hần không làm. Thành thử trước sự

Tai hại

Nhà văn hào Anh William Makepeace Thackeray, trong cuốn Barry Lyndon, cho rằng :

— Từ ông Adam, không có mấy việc tai hại xảy ra trên thế-giới mà không có một người đàn bà dính dứ vào ít nhiều.

bương binh của hắn, cơn giận của ông cụ mỗi lúc một tăng, rốt cuộc ông ấy nện cho cậu cả ba trận ; nhưng đến nước ấy Arthur cũng không chịu nhận. Vào lúc mặt trời lặn nó đến địa điểm gần nhà máy xay lúa của Oppen nơi bọn này hội họp. Nó phỏ cho tụi này xem vết roi lần trên lưng và chân. Nó mang một tay nải đựng quần áo và bảo rằng nó sắp bỏ trốn. Trong lúc trình bày sự thể và phỏ vết thương cho bọn này coi như thể, nó phát cuồng lên, và bất thành linh nó vớ lấy một cái gậy và chửi thề rầm rĩ. Hắn tiến tới cạnh một cây sồi nhỏ đập cho kỳ tan nát tả tơi. »

Khi đã vượt mặt Brennan, đáng Ki-Tô đứng dậy và trở gót. Mặt người rùng rục niềm phẫn nộ. Người rảo bước về phía hàng rào dây kẽm gai, về phía một gã thô bỉ đang bị vướng mắc trong đó và chửi thề rầm rĩ. Hắn rầy rụa lấy tay đập vào dây kẽm. Giọng hắn the the, và lời lẽ của hắn đập vào không khí với niềm cuồng nộ của bầy ong độc.

Đáng Ki-Tô vọi vọi đứng trên kẻ thương binh, mặt. Người dừ dôi trong cơn cuồng nộ, lời Người rền vang sấm sét. « Kẻ bất kính ! » Người cất tiếng quát. Người giơ cao tay như thể định đánh kẻ hấp hối. « Người không e sợ sự giận dữ của ta sao ? » Người lên tiếng hỏi bằng một giọng dừ dôi, « Người không biết rằng ta sẽ dùng lửa trảm miệng lưỡi xúc phạm của người ư ? ».

Nhưng kẻ thóa mạ kia chỉ cười : « Trảm miệng tôi, » hắn nói. Thử trảm xem nào. »

Hắn rướn người lên trên rào kẽm gai ngửa mặt về phía có tiếng nói của đáng

Ki-Tô. Đến lúc bấy giờ đáng Ki-Tô mới thấy là mồm người ấy đã bị cắn vỡ.

« Bọn này đều hết vía mỗi lúc thẳng cha Arthur nổi đóa, » Johnnie nói : « cả bọn đều sợ hắn trừ Dave. Buổi chiều hôm đó chính Dave đã tiến tới, dùng lấy cây gậy trong tay hắn. Dave bảo Arthur nên trở lại và bàn chuyện cùng với chúng tôi thì hơn, Arthur nghe theo. »

Xa xa từ phía nam vọng về tiếng lạch tách của súng liên-thanh, nhưng nhỏ và trầm quá đến độ chỉ nghe loáng thoáng. Sau đó là yên lặng.

« Bọn này thường thổ lộ với nhau về những ước vọng khi đã thành người. » Johnnie nói : « Dave ước muốn trở thành một tu-sĩ, như mình đã nói với cậu. Arthur quyết tâm trở thành một bác-sĩ và hắn vào Đại-học y khoa ngay sau khi rời trường Trung-học. Cy Cameron và tôi có những quyết-định ít rắc rối nhất. Cy mong trở thành một trại chủ, như những người trong gia-đình, và tôi thì tôi biết chắc chắn ngay rằng đến tuổi là tôi sẽ giúp việc tại hiệu giày của thầy tôi. Thành thử ra cậu thấy chỉ có mỗi anh chàng Tom Fleming là tên duy-nhất trong năm đứa chưa quyết-định, thẳng cha Tom lúc nào cũng đặt câu hỏi, hắn muốn biết căn-nguyên của tất cả mọi sự. Ở trường hắn được điểm cao nhất, và giáo-sư Morgan, người dạy hắn về Lý-Hóa, phải nhận rằng hắn quả là một học-giả thực thụ... »

Thế rồi, rốt cuộc Tom quyết-định đứng vào buổi chiều Arthur dùng gậy đập cây sồi tơi tả.

Alan hỏi : « Sao hắn ta lại quyết-định vào cái ngày đặc biệt đó hở Johnnie ? »



« Đầu đuôi thế này, » Johnnie nói :
 « Sau khi Arthur quay trở lại và ngồi xuống, Tom Fleming bắt đầu trình bày vấn-
 đề một cách phi nhân-cách như một bài
 toán hình học. Hắn lấy một cây bút chì
 và một mảnh giấy và gạch một đường
 dọc theo giữa trang. Một phía hắn kể ra
 tất cả những lý-do mà theo chúng tôi là
 nên bỏ nhà ra đi, phía bên kia hắn kể ra
 tất cả những lý-do ở lại. Hắn biện-
 luận hai phương-diện của vấn-đề, và khi
 biện-luận xong, hắn kiểm những điểm
 đạt được và nhận thấy rằng Arthur có
 lợi hơn vào khoảng 2% nếu hắn ta giàn
 hòa với ông cụ. »

Nhưng đấng Ki-Tô chẳng buồn nghe
 những lời phạm thượng của Arthur Scales.
 Người đi về phía đông, bỏ mặc kẻ
 thóa mạ. Người dừng lại gần chiến hào
 địch và chờ đợi. Kẻ thứ ba nằm yên,

không cử động, không quăn quại
 thân mình, đôi mắt gửi vào vàng
 trăng nhạt. Đấng Ki-Tô phán :
 « Bình an ! Bình an ! Ta là
 sự hồi sinh, ta là ánh sáng. »

Người thương binh quay đầu
 lại đăm chiêu nhìn đấng Ki-Tô.
 « Có lẽ Ngài có thể giải đáp
 được những điều tôi thắc mắc »
 hắn lên tiếng một lát sau. Hắn
 khởi sự lý-luận và đặt câu hỏi,
 nhưng đấng Ki-Tô đứng sững
 sờ trước hắn, lắc đầu. « Ta
 không biết những chuyện này. »
 Người thì thầm đáp lại.

Johnnie nói : « Sau khi Tom
 Fleming đã kiểm-chứng tất cả
 những lý do đi và ở, Cy
 Cameron phì cười. Hắn bảo

Tom chắc sẽ trở thành một khoa-bọc gia,
 như giáo-sư Morgan, vì càng ngày hắn càng
 có vẻ giống ông ta, và Tom gật đầu đột
 ngột. « Đây đúng là nguyện vọng của
 tôi, » hắn nói một lát sau.

« Đã vậy chắc ngài có thể cho tôi biết
 điều này, » kẻ hấp hối nói, « vì một
 biến-thể của câu chuyện tôi sắp nhắc lại
 đây đã từng được Ngài và Đức Cha
 Ngài kể... » Hắn nhíu mày, tập trung
 tư tưởng : « Trong Trung-đội tôi có một
 gã tên là Carl Reiter, hắn sang Hoa-Kỳ
 với mẹ từ năm lên ba tuổi. Rốt cuộc
 Carl bị giết và có người kể lại rằng hắn
 đã gặp chính cha hắn, mà dĩ nhiên hắn
 không nhớ được mặt, và họ đã bắn lẫn nhau.
 Họ chiến đấu ở hai phe khác nhau,
 người hiếu chiến. Sau đó tôi được nghe
 những câu chuyện tương tự không biết
 bao nhiêu lần. Đôi khi là giữa trò với

thầy học cũ, đôi khi là hai anh em ngẫu nhiên gặp gỡ, đôi lúc, như trong trường hợp của Carl Reiter, giữa cha với con. Câu chuyện biến-dạng rất nhiều, nhưng lúc nào cũng vẫn chỉ mang cùng một ý tưởng. Một lần là trường hợp của một gã đàn ông chỉ-định việc hành-quyết hai nữ gián điệp. Hắn khám phá ra sau đó rằng hai người đàn bà đó chính là mẹ và em gái hắn. »

Nhưng đáng Ki-Tô vẫn về chiếc áo thụng lác đầu bất lực.

« Điều tôi muốn biết là thế này, » lời kẻ hấp hối. « Liệu có mối liên-hệ nào giữa những truyền-thuyết ấy và niềm dục-vọng đưa đẩy con người đến chỗ chém giết lẫn nhau không ? Nếu có liên hệ thì đó là mối liên hệ gì và tại sao nó lại diễn ra theo một phương-thức đặc biệt như thế ? »

Đáng Ki-Tô đáp : « Ta không thể trả lời câu hỏi của người. Ta không biết những chuyện đó. »

Kẻ hấp hối xoay đầu về hướng cũ và lại đắm đắm nhìn sao. « Đi đi », hắn nói một cách kiên nhẫn. « Xin làm ơn đi đi. »

Johnnie nói : « Mọi người gọi hắn là Cy, nhưng tên thực hắn là Philip. Hắn là anh em họ với tụi con cái nhà Brennan, khi cha mẹ hắn qua đời, hắn tới ở với họ vì hắn không có có nơi nào nương tựa nữa. Cy học cùng lớp với bọn mình, nhưng hắn lớn hơn Tom, Arthur, Dave và mình đến hai tuổi. Hắn ta cũng cao lớn hơn bọn này nhiều, hồi mười lăm tuổi hắn đã khỏe mạnh hơn cả người lớn. Nhưng điều thường thức thì hắn biết nhiều, nhưng

về đường học vấn thì lại không được khá lắm. Bọn này vẫn thường phải giúp đỡ hắn không thì hắn chẳng thể nào cùng lên lớp với tụi này. Cy lúc nào cũng tươi cười và vui tính, muốn làm gì hắn thì làm, hắn chẳng bao giờ để tâm.

Đáng Ki-Tô bỏ Tom Fleming mà chạy về phía Tây, nơi kẻ bị thương cuối cùng nằm. Người thương binh mà đáng Ki-Tô đang vội vã tiến lại rất lực lưỡng. Mắt hắn đau đớn, lạc cả tinh thần và đôi bàn tay rúm nắng đưa về phía trước khum khum như thể còn nắm thân cây. Gã đàn ông chậm rãi lăn từ phía này qua phía nọ, chết dần trong sự im lặng, như cái chết của một con vật.

Johnnie nói : « Sau khi Tom đã quyết định trở thành một nhà khoa học như giáo sư Morgan, năm thằng bọn này ngồi xúm lại bàn tán một lúc, Arthur chịu rằng trở về quả là phải, nhưng nếu hắn bỏ về thì thế nào ông cụ cũng phết cho hắn một trận nữa về cái tội bỏ nhà ra đi. Hắn lại nổi cuồng lên và gào lớn những điều hắn sẽ làm nếu ông cụ cho hắn một trận nữa. Bấy giờ Cy Cameron mới nghiêm trang bảo : « Tớ sẽ về nhà với cậu, nếu cậu thấy là cần, Arthur ạ, hắn nói « Có thể ông cụ cậu lần này sẽ trút cơn giận vào tớ. Có thể ông cụ cậu sẽ miễn-thứ cho cậu, nếu ông cụ biết tớ đến để xin chịu tội thay cậu. »

Bọn này cười chế giễu hắn, nhưng Cy mặc kệ. Hắn vẫn cười và vui-vẻ bảo : « Ờ, thế thì có gì buồn cười cơ chứ ? Tớ chẳng thấy có gì buồn cười cả. »

Đáng Ki-Tô thoàn thoát đi tới phía Cy Cameron. Trong lúc vội vã, Người

không thấy đường dây kềm gai mắc sà trên mặt đất. Người loạng choạng và ngã sấp xuống, rên rĩ khe khẽ. Khi kẻ hấp hối thấy đáng Ki-Tô bị đau - đón trước mặt mình, hần cổ rướn đồng xương tòn đétng dây và đi tới. Một lát sau hần dừng lại, lão đảo. Hần xóc đáng Ki-Tô dậy, để Người dựa vào phía hần mang thương tích và đu đưa Người nhẹ nhẹ như một đứa trẻ. « Người đã quị ngã » giọng hần dịu-dàng. « Người đã quị ngã trên đôi tay đón đau. »

Lúc này trời đã sáng hơn, người ta đã có thể trông thấy những chiến hào địch cách xa chừng năm trăm thước. Những người ở cử-diểm quan sát cúi đầu xuống sau ụ đất. Họ im lặng, người nào người nấy bận rộn với những ý nghĩ riêng tư, giữa khoảng thời gian đủ họ nghe thấy viên trung-sĩ và các người dưới quyền tới để thay phiên, chân họ dẫm trên tấm sắt lát trên đường làm gây nên những âm-thanh nhỏ nhẹ.

Johnnie lên tiếng: « Ở nhà mỗi chiều chủ nhật, trai gái gặp gỡ nhau ở tiệm Eden.

Rồi thì họ họp thành từng cặp đi dạo trong rừng hay ngồi quây quần ở một trong những nhà bạn gái hát hồng cưỡi đùa.

Chân trời điểm những vệt hồng, vàng, đỏ và những cụm mây nhỏ, như những bó hoa violet héo úa nổi bật trên nền trời, nhuộm màu sắc dâng lên từ phía dưới. Nhóm quân nhân tháo lui về trong khi những kẻ thay phiên tiến tới gần. Họ bước khỏi bụi đất, cử động cho răn gân cốt.

Johnnie nói: « Giờ này đồng ruộng quê nhà đã xanh rồi. Những cây hồng-án (redgum) trong rừng cành lá đã xum-xuê. » Hần ngừng một lát, cài lại chiếc áo choàng. « Chúa ơi ! » hần nói chậm chậm. « Chúa ơi, con mong được về chốn cũ. »

WILLIAM MARCH
« The Listening Post »

NGUYỄN (dịch)

đề tô đậm một hình hài ở vóc dáng tuổi ba mươi :

Vương miện MAI - A

thể phong ra mắt một thi phẩm mang nhiều
rung động mới, đặc biệt nói về tình yêu

ĐẠI NAM VĂN HIẾN
xuất bản

161 Hồng Thập Tự, Sài Gòn

TIẾC THƯƠNG

TƯ Ờ NG - LINH

Mùa thu đó, quê mình trắng rất thắm
Mây xứ đoài chưa giạt đến phương đông
Cam hái vội, gặt-gù khen : ngọt lắm !
Hoa vườn chùa, len-lén trộm vài bông.

Lớp đồng-ấu, trên đường thôn, đôi bóng
Nắng : chờ nhau, mưa bắc : nép chung dù
Chưa hề nghĩ có lần sông dậy sóng
Giấc trưa chìm theo điệu gáy chim cu

Anh chị chúng mình vui mùa gả cưới
Ba má chúng mình vẫn nghiệp nông-tang
Đêm tháng tám ngây-ngây mùi rạ mới
Trống Xuân, Thu hai bận rộn đình làng.

Con Bích, con Ngân, con Hà, con Tố,
Thằng Đào tong, thằng Hải móm, Thi gầy
Cầu Bà-Đội, bến Trâu-dầm, đôi Gió
Với chúng mình. Với bướm. Với chim bay...

Với chuỗi ngày xanh tưởng không thể mất
Giờ chia-ly không có diêm bao giờ
Ôi thân mến, mảnh quê tình thứ nhất
Vun cuộc đời và ký-thác Ngây-Thơ.

Nếu biết trước bây giờ, người một ngã
Thì thuở nào ta lại thiết-tha hơn
Tôi đã hôn từng thân cây, chiếc lá...
Ôm cái - ngày - xưa giữ mãi trong hồn.

Từ tôi đi, chưa gặp màu trắng thắm
Anh có lên đồi Gió... nhớ tôi không ?
Tôi vẫn nhớ buổi chiều mưa lâm-tắm :
Một thằng đi, mấy đứa ngẩn-ngơ trông.

Và, anh nhỉ, lũ thằng Đào, con Tổ...
Mỗi đứa về đâu ? No ấm, lòng-dong ?
Đời đã xóa giấc mộng lành tuổi nhỏ
Mà sông xưa... nước vẫn... xuôi dòng !

TƯỜNG-LINH

đ ê m d à i

• BÙI - KHÁNH - ĐẢN •

Cửa sổ mênh mông, mắt đắm trời
Canh trường lệ nấn rỏ hồng tươi
Đọc dòng di-sử, trang nhòe chữ
Nhặt cánh tàn-hoa, bóng hiện người
Đất chết chìm trong màu nước lạnh
Đường dài lạc giữa nẻo mây trôi
Gục đầu trên sách buồn man mác
Một đốm sao thừa chẳng đòi ngôi

B. K. Đ.



TRƯỚC TỜ GIẤY TRẮNG

★ VÂN - TRANG

THANH để mảnh giấy trắng tinh trước mặt, sửa soạn viết, chấm mực, để tay trái lên đầu tờ giấy hân hoi, nhưng rồi lại ngẩng lên, tần ngần, ngo ngác nhìn chung quanh... Nàng muốn viết, không biết là viết gì, nhưng thấy rằng mình rất muốn viết, nghĩa là muốn giải bày. Nàng thấy rằng mình cần dùng phải giải bày, dù là trên giấy, tức như được nói chuyện với một người bạn cũng lặng lẽ như mình. Thanh đang muốn « nói » nhiều lắm, ý tới dồn dập, hỗn độn, sôi nổi. Nàng tưởng lòng mình đang như cái bong bóng thật căng, nếu không xả bớt ắt phải nổ. Nhưng nàng cầm viết ngẩn ngơ như một cậu học trò bí bài, không biết bắt đầu làm sao cả. Nàng chỉ biết rằng, bao nhiêu năm nay, từ khi chưa đầy mười tuổi, lúc mới có trí nhớ mơ hồ, nàng đã sống một cuộc đời nội tâm rất là gay

gắt. Lúc nào lòng cũng đầy những lo lắng, buồn tủi cùng cực, hoặc sợ hãi khủng khiếp trong những đêm dài cô đơn, có mỗi một mình ở trong ba gian nhà thênh thang, thêm nhà ngang, nhà bếp, giữa một miếng vườn mấy mẫu tây, phía sau là đồng ruộng mênh - mông rải rác không biết bao nhiêu là mả lạn. Hoặc những chiều, hoàng hôn xuống, nàng đứng sau nhà nhìn cây dừa hoang thêu-lêu giữa nền trời xanh như một kẻ bị chôn chân, mỗi ngày cứ mỗi cổ nhón cho cao lên để nhìn bốn phương trời. Mỗi cơn gió qua, những tàu lá dừa bay về một chiều, như những cánh tay cùng rồi rít vói ra, nhưng gió liền ngừng, các cánh tay xụ xuống, tiu-nghiu, náo-nề. Hình ảnh ấy gây ấn-tượng mạnh trong lòng Thanh. Nàng thấy đời mình không hơn cây dừa kia, chôn chân trong gian nhà

TRƯỚC TỜ GIẤY TRẮNG

này, ngày nào cũng đưa mắt trong ra bốn phương, đưa tay quờ-quạng với tới và không bao giờ bắt được một cái gì. Có khi nàng đứng dựa hàng giờ nơi gốc cây so đũa, nhìn con sông Hậu-giang trắng xóa xa kia một dải băng-băng xẻ ngang mặt đất, lòng băng - khuôn tưởng đến những bến, những chợ, những thành phố, những núi non nào trùng-diệp mà giòng nước có đi qua. Rồi con sông lại xuống đồng, ra biển. Non uy-nghi, cao-vút, ruộng xanh mướt, biển sâu thăm bí-mật mênh-mông. Mơ thì nhiều như thế song ước thì rất là ít ỏi. Nàng chỉ ước được xa lìa nơi đây, không phải sống chung dưới mái gia đình nữa. Nàng sợ hãi mỗi khi bất chợt ý ấy hiện ra trong đầu song nếu lý-trí có cái lại, nghĩa là muốn cho nàng sống trong nề-nếp cũ ở trong làng này, thì Thanh nghe chân tay tê lạnh, muốn co quít lại như người đau tim sắp lên cơn. Đã bao năm rồi, cuộc sống nội tâm của nàng luôn luôn náo động, bão bùng như mặt biển gặp cơn giông, khác biệt hẳn với tâm trạng các cô gái dậy-thì, ngày đêm sung sướng dật những giấc mơ huyền diệu. Nơi đây, giữa cha mẹ, gia đình, nàng đã sống cô đơn, hoàn toàn cô đơn từ thể xác đến tâm hồn. Cảnh nghèo túng, nợ nần và tánh bài bạc của cha mẹ đã cho nàng cái mặc - cảm nặng nề trong cuộc sống, nàng ít dám ra đường và cũng ít dám nhìn ai. Thấy ai nhìn mình, nàng gần phát run vì cảm tưởng độc ý nghi trong đầu óc họ: « Con đó là con bà Nhân đấy ! » Tưởng như câu ấy hiện ra trong cái nhìn xoi mói kia, Thanh nóng cả người, hai chân bước vội vàng lúp chúp như chạy

trốn. Và nàng trốn trong cái nhà, miếng vườn này ít dám ra chợ.

Bà Nhân cũng là con nhà thư hương. Ông ngoại Thanh thuộc một giòng họ có tên trong lịch sử. Nhưng năm lên sáu thì bà mồ côi mẹ. Hai năm sau, bà có mẹ ghẻ và qua thời trẻ thơ đầy đau thương, sóng gió. Năm hai mươi ba tuổi, bà lấy cha của Thanh là một người học trò ngoan và giỏi nhất vùng. Bây giờ, tất đánh bạc của bà đã làm tiêu tan cả sự nghiệp, danh dự của chồng con nhưng trước kia bà là người làm ăn rất giỏi. Khi vui miệng, bà nói chuyện với con rằng vì cái lần ông mê chị Ngọ và xài tiền với chị ta gần nửa gia tài, bà mới tới lui sông bạc để hăm dọa ông. Đến khi ông rời được cô vợ bé thì bà lại dính chặt với con bài, không phân chia được nữa và sự thể xảy ra như ngày nay.

Ngày nay, cả ông bà đã trên năm mươi, con cái lớn đều có vợ chồng, chỉ còn lại hai con gái út là Thanh và Đan. Gia sản theo mười ngón tay của bà mà bay sạch, ông thất chí xuống miền nước ngọt này mướn mấy mẫu đất để làm vườn. Vài tháng sau, bà tìm ra và bán cả nhà cửa, dẫn con theo ông. Ông bèn sắp đặt cho vợ con ở trong nhà vườn, còn ông thì ra chợ ở phố mướn, làm thuốc lật vật kiếm sống riêng, thì giờ rảnh ông tới nhà bạn hoặc họp bạn tại nhà ngâm thơ, bình văn tiêu khiển.

Hàng tuần lễ, ông mới lên thăm vợ con một lần năm mười phút. Ông không vào nhà, chỉ đi quanh vườn xem cây trái. Không mấy khi ông nói chuyện với vợ con. Tuy thế, thấy cha, Thanh cũng hồi hộp vì chín trên mười lần, ông bà có dịp

phải nói chuyện với nhau là bung ra toàn những đầu đề quan trọng.

Bà vẫn đánh bạc. Bán được đồng nào trong vườn bà đặt cả lên chiếu. Đôi khi bà đặt chịu, bao giờ có tiền hầy góp sau.

Thanh nhớ trước kia, khi nàng còn nhỏ, nhà còn có tiền, Thanh thường canh cha cho mẹ đánh bạc. Giả đồ chơi lảng vảng ngoài đường, hề thấy bóng cha nàng thông tin cấp kỳ cho người giữ cửa và cứ thế chuyển đến tai bà. Ông vào tới nhà thì bà đã sẵn sàng hoặc đang giở mắu hoặc đang vo nếp. Nàng làm công việc canh gác đó vì mấy xu thưởng cũng có mà yêu mẹ cũng có. Tuy thường bị mẹ la rầy, đánh mắu song nàng vẫn thấy ở mẹ có một cái gì thân mật hơn cha. Nàng quý trọng, kính nể cha nhưng không dám gần cha.

Ông Nhân, cha Thanh, là một nhà nho với tất cả tư tưởng, dáng điệu của các bậc ấy. Điềm đạm, bình tĩnh, lúc nào cũng nghiêm nghị, ông yêu con trong thái độ của một người cha mẫu mực. Ông răn dạy, ngăn ngừa con chỉ bằng đôi mắt khi nghiêm, khi dịu và cặp mày chau nhưng khi bất ý, ngoài ra ông không hề vuốt ve hoặc rầy đánh một đứa nào. Thanh nhớ hình như cả trong thời gian niên thiếu của mình, chưa bao giờ nàng được cha gọi đến để cho lấy một xu hay khen cho một tiếng !

Sống chung cũng như riêng, ông vẫn là một người oai nghiêm, xa vắng. Thái độ tiêu cực ấy có lợi cho bà, bây giờ bà thông thả, tự do đánh bạc.

Do sự ít gần gũi con cái ấy, các con đều ở với bà. Thanh được nhiều

dịp để cảm đến thâm sâu khía cạnh đau khổ của cuộc đời. Nhưng khi bị chủ nợ nheo nhóc, ray rứt, nàng không có gan ngồi nghe cùng với mẹ, vội chạy ra đứng sau hè, nước mắt như mưa. Nàng đã từng nghe những câu xỉ mạt tàn tệ, lảng nhục ghê gớm, nhưng chỉ đến nay, vào tuổi dậy thì — cái tuổi mà các thiếu nữ đua nhau chuốt trau, mơ mộng — nàng mới thấy tất cả chua cay cùng cực dày xéo tâm hồn.

Có thể nói rằng bà Nhân mắc nợ khắp cả xóm, từ số to vay dài hạn ở nhà giàu đến số nhỏ giật tạm vài ngày của các nhà nghèo bên cạnh.

Sống bên mẹ, nhưng Thanh cũng cô đơn như cảnh cha ở riêng. Có tiền bà Nhân ở liền ngày đêm nơi sòng bạc. Thua hết, bà về nhà thì đã có các chủ nợ sẵn sàng chờ. Đan còn trong tuổi của chị trước kia, chỉ thích theo mẹ để được ăn quà. Các tay bán quà sống mạnh quanh sòng bạc. Đan sợ hơn chị vì không phải trông chừng cha. Ông Nhân không ví dầu, đón ngõ để bắt vợ như trước, ông đã coi mình là người thua trận, hàng đầu !

Hai năm nay, từ khi thôi học, Thanh vẫn thường ở nhà một mình, chiều nay cũng như bao nhiêu chiều khác. Nàng cắn bút nhìn ra song cửa, nghĩ ngợi. Nàng đang muốn trò chuyện, hay than thở, khóc cười gì cũng được miễn là được sống như những đời hỏi chính đáng của tuổi thanh xuân. Nhưng chung quanh hoàn toàn vắng vẻ, cả đến trang giấy cũng còn trắng trính, nàng chưa gửi vào được một dòng tâm sự ! Ánh sáng đã nhạt ngoài kia, chân trời mây đã sẫm. Nàng rùng mình nghĩ đến đêm nay rồi

TRƯỚC TỜ GIẤY TRẮNG

cũng sẽ giống như bao nhiêu đêm trước nàng chỉ có mỗi một mình trong nhà này, cũng ngồi sau cái bàn kê bên cửa sổ này, trong bóng tối đen mà quan sát mỗi bước của bóng đêm từng phút xâm nhập cánh đồng. Nàng chưa mở đầu được trên trang giấy trắng, nghĩa là chưa bước được vào sự thu hút say mê của nó thì nàng còn phải sống lại thì giờ của bao đêm trước. Đến khi trời tối hẳn, bên ngoài cũng như trong nhà, nàng sẽ thấy bóng đèn đỏ hoe leo lét của chùa Thanh-hư trong vườn tràm bên kia. Phía chòm mả lạn, thỉnh thoảng sẽ thấy loè lên vài ánh lửa xanh. Ở nhà một mình, Thanh ít dám đốt đèn. Nàng sợ ánh sáng soi rõ cảnh vắng lạnh trong nhà cùng cái bóng cô đơn của mình chập chờn, cao nhồng trên vách. Lên giường ngay từ đầu hôm, nàng cũng không chịu nổi sự dày vò kinh hồn của tưởng tượng trong thời giờ giấc ngủ chưa kịp đến. Dù đã quấn chặt thân mình đến muốn ngộp hơi trong các mền to, luôn luôn Thanh có cảm giác như có ai thở vào một bên tai mình mát lạnh. Rồi thì sau đó, bộ óc sẵn sàng cung ứng bao nhiêu cảnh tượng hãi hùng làm cho đôi khi nàng hoảng-hốt, khóc ướt cả áo gối, sưng cả mắt, mệt lả đi, rồi mới ngủ thiếp được một giấc nặng nề, sáng dậy tâm trí rã rời, đầu nhức như bưng.

Cho nên lâu nay, đêm nào nàng cũng ngồi liền mấy giờ bên cửa sổ sau nhà từ chập tối cho tới gần nửa đêm, mãi khi nào mắt nặng, buồn ngủ mỗi mòn, mới vội vàng chun vào mùng, và không dám hở một giây cho bộ óc kịp thời hoạt động, nàng liền miệt mài đếm như trẻ em mới học toán,

đếm cho đến lúc cả tâm thần thể xác cùng lẫn trốn được vào đôi cánh bao dung của giấc ngủ.

Chiều nay Thanh mừng rỡ, tưởng mình nhất đán có thể thân ngay với người bạn giấy mực, để tháo trút bớt đi bao tâm tình dồn ép, để qua cái thời giờ cô đơn trong bóng tối kinh dị. Nhưng người bạn này cũng khó tánh đáo để, làm cao, kiêu cách, không dễ thân ngay. Lòng thì dào dạt, dập dồn muôn ngàn ý nghĩ, nhưng muốn đặt bút lại không biết viết gì, sắp xếp thế nào, phải mở đầu ra sao ! Trang giấy vẫn còn trắng tinh, chưa nhận được một chữ nào ký gởi ! Trong nhà, các góc, dưới sàn đã tối om. Bên ngoài trời xám đậm. Thanh mỗi tay đặt cây bút khô mực xuống bàn, chống cùi chỏ lên giấy, tay đỡ cằm và không có cách nào khác hơn là làm như bao nhiêu đêm trước : nhìn cánh đồng tối đen trong bóng đêm qua song cửa và mặc cho đầu óc làm việc.

Nhưng đêm nay đầu óc Thanh không làm việc vô mục đích nữa. Nó đã có một đầu đề. Hồi sáng nay có người đến coi mắt nàng ! Thực nàng muốn trào nước mắt khi thấy mẹ hấp tấp từ sông bạc bưng bả trở về hỏi nàng rửa mặt chải đầu để tiếp mấy người khách đặc biệt. Dù không được cho hay trước, nàng biết ngay đó là bên gia đình của Khoan. Nàng còn lạ gì cái nhìn nóng hổi của hán mỗi khi chiếu vào nàng, tưởng như muốn cho nàng tan đi hòa vào hơi cho hán thở. Nhưng mặc cảm đau khổ làm cho nàng liền đó mắt ngay cái cẹn đáng yêu của người con gái và thay vào sự bối rối xấu hổ đến muốn tê dại cả thân mình với ý nghĩ đồng thời

một cái nhìn, Khoan đã thấy từ con người mình suốt đến mẹ mình. Và bạn mãi cân nhắc, hàng phút hẳn quên đưa đôi mắt sang nơi khác !

Dù hẳn đã yêu mình đến cái độ có thể bỏ qua tất cả cái gì khác quanh mình, bằng có là hẳn đã thừa với gia đình và gia đình hẳn đã đến đây, song nào nàng có thể ưng thuận cuộc sống nơi đây, cái nơi đã cho nàng toàn là đắng cay thay vì hạnh phúc và có phải là trong những cái nhìn nóng bỏng đó hẳn đã thương hại nàng chăng ?

Bao nhiêu lần soi bóng dưới nước, nàng biết mình không xấu lắm. Cái gương mờ luôn bị xao động vì mấy con cá lòng tong ăn mống cũng phản chiếu được khuôn mặt đầy đặn khá sáng sủa của nàng. Nàng rất có quyền mong chờ hạnh phúc. Nhưng nàng muốn được lấy một người đàn ông xa lạ để có thể đo lường độ tình yêu trong đôi mắt của chồng mà không phải phân vân rằng đó là đắm say hay là thương hại, suy nghĩ, cân nhắc ! Nàng quẹt diêm, thắp đèn và lấy bức thư của Khoan ra đọc lại, lắm bầm câu quan trọng :

« Em vui lòng cho anh biết anh có quyền hy vọng hay không ? Nếu được, chúng ta sẽ gầy dựng nơi đây một.... »

Gầy dựng nơi đây ? Sao hẳn kém tâm lý thế ? Hẳn còn lạ gì cảnh gia đình nàng nữa ? Nơi đây, đầu làng cuối quận người ta biết nhau từ mấy đời trở lên, từ chân tóc kẻ răng, có khi còn biết hơn những điều sẵn có nữa. Sao hẳn không viết thêm một câu ví dụ như : « Anh biết lâu nay

em không được sống trong hạnh phúc, song mỗi người chỉ có trách nhiệm riêng về mình, và dù sao anh vẫn hiểu em là người tốt » chẳng hạn. Hẳn đã tránh nói đến tức là hẳn có nhớ tới và về điểm đó, hẳn hiểu tâm lý nàng một cách rất kỹ-càng. Và tất nhiên là có thương hại nàng. Bất giác Thanh xấu hổ sượng sùng như thấy chính Khoan đang ngồi trước mặt và một cách vô ý thức, nàng thổi phụt ngọn đèn.

Bóng tối trở lại, đem bình tĩnh phần nào cho tâm hồn Thanh. Nàng tiếp tục suy nghĩ về cuộc đời nàng. Nàng cho rằng cuộc đời như một dòng sông, phải chảy qua nhiều nơi chốn. Con sông của đời nàng đã bắt đầu ở một nơi thâm sơn cùng cốc, đã chảy qua những hốc đá lởm chởm, những miền cao đất quanh cỏ khô, giờ đến lúc phải đổ xuống một miền đồng bằng, một trung du đất mềm và thấp, nước sông sẽ thấm qua lòng đất, nhuận cho cây cỏ được mát xanh, rồi con sông sẽ thông dong, lưng lờ, chảy giữa đôi bờ phong phú ấy để rồi được đổ ra một đại dương tung bừng ánh nắng ! Nàng sẽ cố lái cho nó được đổ tới đó. Nơi đó nhất định không phải chốn này với sông bạc, với nợ bé nợ to và bao nhiêu ê-chề nhục nhã, mà Khoan đã thuộc nằm lòng ! Nàng muốn khởi hành vào tương lai với va ly danh dự.

Nàng hoảng hốt chợt thấy lòng mình không có một chút hồi hộp, e lệ, say sưa như tâm trạng thường tình của một người con gái trước tình yêu mà vẫn đủ bình tĩnh để tính toán, thấy tất cả như ánh sáng mặt trời soi rõ từng

TRƯỚC TỜ GIẤY TRẮNG

hột cát trên sa mạc. Nàng không hề xao xuyến, khi sáng lúc ngồi trong buồng lẳng nghe ở nhà trước bàn đèn hôn nhân của mình. Lòng nàng đã chết rụi như cây ở miền bắc vào mùa đông băng giá cứng đờ, hay là ngòi yêu đương đã bị mặc cảm đau khổ tiếm cho một phát tê liệt mất rồi. Ngoài ra, cũng không có một lý tưởng để phụng sự, một ý thức gì về cuộc đời. Vậy thì có gì để viết? Bầy giấy mực ra để làm gì? Người ta có thể kể về cái rỗng không được sao?

Gió đêm mát lạnh da mặt. Thanh ngẩng lên nhìn trời. Trời xanh đen, cao biệt! Tinh tú lấp lánh. Con sao Hôm sáng ngời như một viên kim cương nước dầu hôi. Gió qua bụi chuối, mấy tàu lá cọ nhau xào xạc, tre nghiêng ken kết. Một giọng hò từ xa vọng lại trong đêm thanh, trong vắng. Nàng tưởng tượng một anh chèo ghe đang đặt dẹo tay chèo, đưa chiếc ghe theo giòng nước luân lưu, một mình vui lẳng lẳng giữa sông dài trời rộng. Anh ta hò hát,

tâm sự một mình trong đêm khuya mênh mông...

Thanh đứng dậy rồi lấy cục cây dằn trên xấp giấy xam xám thấy nhờ nhờ trên mặt bàn. Rồi dò bước tới giường, khoác mùng chun vào.

Từ mấy năm, hôm nay Thanh vào giường nằm yên ổn chờ giấc ngủ.

Nàng cũng không hiểu tại sao lòng lại được nhẹ nhàng như thế, hay cái ý muốn lúc đầu đã nhen trong lòng nàng một chút lửa, gây cho nàng một ảo vọng sẽ chinh phục được người bạn tương lai khó tánh kia, để một ngày nào đó — chắc không xa — hàng đêm nàng được cúi đầu xuống, nhả mực ra trên trang giấy trắng để qua những giờ phút cô đơn, tự do giải bày cặn kẽ bao nhiêu ngọt đắng, buồn vui của dòng tâm sự.

VĂN-TRANG

Giọt lệ hy sinh

« Tôi ưa mùi vị của những giọt lệ đã bị ngăn chặn lại, của những giọt lệ đã từ mắt chảy vào lòng, sau bộ mặt. Tôi lượm những giọt lệ ấy như lượm một kho tàng vậy. »

Đó là câu nói lý thú của danh sĩ Valéry Larraud về giọt lệ của hy sinh trong tập *Enfantines*. Rose Lourdin.

Hình sắc

ĐOÀN - THÊM

Ngả cần biếc buông xanh dài nét gió
Rụng vàng câm thao thức khóm non tươi
Gieo trong sáng dựng dựng giờ tiếc ngọc
Giục tơ bông trao nắng một giây cười

Thơ vẫn đợi mùa rung nhịp sống
Lắng âm, hình sắc gọi du dương
Rẽ hướng lam hồng ngang đón dọc
Ánh vui soi ý dịu hồn sương

Lang thang trắng mơ tan chiều biệt tím
Tía pha đào lộng ráng đắm hoang liêu
Xa ngâm vắng thình không chờ tỏa bạc
Nhớ nhung về đưa thoảng bóng thương yêu

Mộng-tưởng dâng cao màu thạch-bích
Tâm-tình nhuộm lửa bén chân mây
Vào sâu yên lặng tìm muôn thuở
Chỉ thấy lung linh cảnh tháng ngày...

Đ. T.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách: **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ?
Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy
hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của
tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

IX

★ VI.— LINH-BẢO

Tên thật : Nguyễn-Thị-Điện-Viên, Sinh ngày 14-4-1926 tại Huế. —
Từng theo học Đại-học đường Tôn-Trung-Sơn (Quảng-Châu, Trung-Hoa).
Cộng tác với Mới, Người Việt tự do, Văn hóa, Ngày Nay, Tân
Phong, Vui Sống.

Tác phẩm đầu tay là tập phóng sự « Chờng Chung » (viết với em gái :
Băng-Thanh, và kị chung : Hương-Thị). Nhưng bản thảo thất lạc trong
cuộc cách mạng 1945.

Đã xuất bản : Gió Bắc (truyện dài 1952), Tàu ngựa cũ (truyện
ngắn 1961).

Paris 15-6-1961

Kính anh,

[.....]

I.— Sáng-tác để làm gì ? Để cho mình
hay cho thiên-hạ ? Để cho bây giờ hay cho
mai sau ?

Xin trả lời giản dị :

Tôi viết vì tôi thích viết.

Tôi còn nhớ lúc bé hay viết nhật-ký.

Có khi viết xong nhật-ký của mình rồi
bịa hồ nhật-ký của người khác, ban đầu
để trêu, rồi dần dần cứ cái đà ấy viết

thành truyện. Như thế, có nghĩa là tôi viết cho mình trước, rồi nếu nó được may mắn chào đời, và lại nếu — đã mấy cái « nếu » rồi, anh ? — lại nếu nó đáng được tồn tại thì sẽ được tồn tại, nếu nó không đáng thì đời sẽ cho nó vào... xọt rác.

II. — *Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng ?*

Tùy hứng, anh ạ. Nếu bắt tôi phải theo đường lối nhất định, thì nhất định là tôi không viết được. Như thế có nghĩa là năng lực sáng-tác của mình cũng « hữu hạn » thôi !

Nhưng nếu tôi viết truyện gì mà không có hứng thú thì tôi chỉ có thể tạo những nhân-vật giả tạo mà chính tôi, tôi sẽ ghét trước nhất. Như vậy thì còn mong ai thích đọc nữa hử anh !

III. — *Những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai nghén cho đến lúc nó thành hình.*

Trước hết, tôi phải có một ý-niệm về truyện, mình viết.

Ý-niệm ấy sống mãi trong tim trong óc cho đến khi đủ chi tiết, và chỉ khi nào có một cảm xúc gì rất mạnh thúc đẩy tôi mới viết ra. Vì thế mà có khi hàng mấy tháng mới viết một truyện, và hàng năm không viết truyện nào.

IV. — *Những kinh-nghiệm sống và sáng-tác thích nhất ?*

Sáng-tác thích nhất thì chưa có, anh ạ. Những truyện đã viết đều thích đại-khái thôi. « Thích nhất », chắc phải đợi lúc « tính lại số đời » mới biết được.

Đọc lại, mới thấy chưa trả hết « nợ » cho anh, còn quên những kinh nghiệm.

Thì đây : kinh nghiệm viết của riêng tôi là : cần phải « sống » và « khổ ». Cứ khi nào sung sướng, hay tâm hồn thanh thoi, là chả viết được gì cả. Nói thế, nhưng nếu khổ quá thì cũng không viết được vì lúc ấy là lúc đang « sống »

Phải đợi một thời gian cho nó qua đi, lắng đọng xuống, rồi mới thành hình được và biến ra những truyện ngắn, truyện dài.

Và cuối cùng để tạ lại trong muôn một tấm thanh tình của quý báo đã chiếu cố đến... bỉ nhân (anh đừng cười cái giọng văn đầu thế kỉ XX này nhé), tôi xin nói thêm, với riêng anh và với tất cả bạn đọc... trăm khoa, điều này :

Có nhiều người bảo với... Linh - Bảo, hoặc với bạn bè Linh - Bảo : « Tôi thích đọc Linh - Bảo, vì Linh - Bảo viết vui lắm, lúc nào cũng đùa được ».

Họ không bao giờ biết được Linh - Bảo phần nhiều phải trả một giá đau khổ kinh khủng trước khi hạ bút, bất cứ viết một truyện « vui » nào !

Paris 29-6-1961

Anh thật là « rắc rối » lắm. Tưởng thư trước là đã trả xong món nợ cho anh rồi, ai ngờ anh lại đòi nữa, mà lần này chẳng phải chính anh đòi, mà do cái ông bạn nhà văn nào đó... nhờ anh đòi hộ.

Vậy, tôi không trả lời cho anh, mà trả lời cho nhà văn quen với anh mà tôi không biết ấy.

Thật là một việc lạ lùng : đi tìm sự thực trong tác-phẩm ! Sao lại hỏi người ta câu ấy trong khi chính mình cũng viết văn như ai ?

Nếu ông bạn ấy sau khi đọc « *Gió Bắc* » và « *Những đêm mưa* » mà tò mò muốn biết cái « đức ông chồng » của cái cô trôi giạt từ nước Việt sang nước Tàu, mà mỗi lần gió bắc thổi là ôm ngực mà « thổi kèn cổ » đến muốn đứt hơi ấy, nghĩa là cứ muốn biết « ông Linh-Bảo » ra thế nào, có tốt không, thì xin trả lời : « Có một không hai trên đời ! Dễ thương vô cùng ! Và nếu không tốt, không dễ thương thì làm sao mà « tiêu thụ » nổi Linh-Bảo... trót 10 năm nay ! »

Còn như anh hỏi truyện, nhân-vật, « thật 100% hay 50% », thì xin miễn trả lời anh đó. Là vì rằng : người ta viết ra, một

là hay, hai là dở, cần gì tìm hiểu tác-giả tưởng tượng mấy chục phần trăm.

Tôi mời anh một cốc rượu. Anh uống rồi khen ngon hay chê dở — thành thật mà khen, chê ; chớ anh cần gì tìm coi rượu mấy phần, nước mấy phần...

Tôi viết, không sửa nhiều, anh ạ. Tôi chỉ sửa bớt những chữ trùng hay đổi đi vài chữ. Nói chung, tác-phẩm khi viết xong đến khi nó chào đời, không có gì thay đổi nhiều.

Lần này, thì hẳn là « hết nợ » với anh rồi chứ !

LINH - BẢO.

★ VII. — NHẤT-LINH

Tên thật : Nguyễn-Tường-Tam.

Sanh ngày 25 tháng 7 năm bính-ngọ (nhằm ngày 13-9-1906 ; các sách, báo ghi 1905 là sai ; khai sinh thì ghi 1-2-1905) tại huyện lỵ Cẩm-Giàng, Hải-Dương (Bắc-Việt), gốc gác làng Cẩm-Phô, Quảng-Nam (Trung-Việt).

Giám đốc tờ *Phong-Hóa*, (1932), *Ngày Nay* ; sáng lập *Tự lực văn đoàn* và nhà xuất bản *Đời Nay*.

Làm báo, viết tiểu thuyết, hoạt động xã hội và chánh trị.

Năm 1958, chủ trương giai phẩm « *Văn hóa Ngày nay* ». Hiện giám đốc nhà xuất bản « *Đời Nay* » vừa tái sanh và chủ tịch nhóm *Bút-Việt* (khóa 1961-62).

Tác phẩm : *Nho Phong*, *Người quay tơ*, *Đi Tây*, *Nắng thu*, *Thế rồi một buổi chiều*, *Hai buổi chiều vàng*, *Đoạn tuyệt*, *Đôi bạn*, *Bướm trắng (thời tiền chiến)*, *Mỗi tình « chân »* (1961).

Viết chung với *Khái-Hưng* : *Gánh hàng hoa*, *Đời mưa gió*.

Khi chủ trương *Phong Hóa*, vẽ với biệt hiệu *Đông-Sơn*, làm thơ mới với bút hiệu *Tân-Việt*, viết vài truyện ngắn, kí : *Bảo-Sơn*.

Nhất-Linh, viết truyện ngắn, truyện dài.

Gặp anh ở đại hội thường niên *Bút-Việt*, câu đầu tôi hỏi anh, là :

— Anh có được thư tôi chớ ?

Anh cười nhẹ, gật đầu ; cái cười và cái gật đầu đi liền với nhau ấy, tôi hiểu nghĩa : « có mà cũng như không, anh ạ »

— Lần này anh cũng làm thỉnh ?

Anh lại cười nhẹ, và lắc đầu.

Tôi sức nhớ tin thiên hạ đồn trên báo anh chán đời, uống thuốc ngủ, tự tử hụt, mà đổi giọng :

— Anh làm thính, thì cứ việc làm thính. Tôi viết, thì tôi cứ viết. Người ta xa lạ còn dám cho anh chết đến mấy lần, thì tôi trong chỗ anh em, tôi xin dọa anh rằng tôi sẽ bịa chuyện... chẳng chết ai, để anh có nói này nói nọ. Thì rồi, anh cũng phải lên tiếng để đính chính những lời Ngu... Í gán cho anh. Nghĩa là anh không thể làm thính mãi được.

Anh cũng vẫn cười nhẹ, không tỏ ra nao núng chút nào, hàng râu màu muối tiêu của anh chỉ khẽ run run tỏ rằng coi thường lời dụ dàng cũng như lời dọa dẫm, cũng như anh đã coi thường cái vinh cái nhục trong nghề làm báo, làm chánh trị.

Thôi, thì xin kính trọng cái sự làm thính dẻo dai của bậc đàn anh năm mươi lăm tuổi ấy. Nhưng phải có chút gì của nhà văn đã đi vào Văn học sử nước nhà này, thì biết tính sao đây ?

May sao, sức nhớ bảy năm về trước, trước khi hiệp định Genève kí kết mấy ngày, tôi đã được anh vui lòng trả lời cuộc phỏng vấn của tôi khi tôi phụ trách mục « Gia đình văn nghệ » cho báo *Phương Đông*. Vậy thì trích đôi đoạn trong bài cũ có dính dấp đến cuộc phỏng vấn ngày nay, và trích vài chỗ trong cuốn « Viết và đọc tiểu thuyết » của anh vừa xuất bản để cũng có chút gì của Nhất-Linh vậy.

*
* *

— Anh không học vẽ mà thi đậu số 1 vào trường Mĩ-thuật, sao anh lại bỏ ngay ?

— À, có gì đâu. Mang giá, cọ, màu về nhà quê vẽ, tôi thấy đời sống dân khổ quá, tối tăm quá, cần phải làm gì cho lớp đồng bào ấy. Mà giá, cọ, màu không giúp được thì phải bỏ qua bên.

Tôi chợt nhớ đến Lỗ-Tấn, cũng bỏ cái dao giải phẫu của vị bác sĩ mà nâng cày bút của nhà văn.

— Bây giờ trở lại với nghiệp văn, quan niệm anh thế nào ?

— Dễ lắm anh à. Anh có muốn vị ai, vị chi đi nữa, thì trước hết, tác phẩm anh phải có giá trị nghệ thuật đã, mới mong đạt được mục đích của anh.

.

« Chẳng biết anh chủ bút có dặn : muốn ai tâm sự với mình, thì mình bày tâm sự với người trước đã, mà tôi mở cửa lòng mình trước :

— Gặp anh để đòi cái nợ mười lăm năm về trước

« Anh ngừng phà khói thuốc.

— Mười lăm năm về trước, người trai nào có học, có ít nhiều máu nóng mà chẳng mơ trở nên một « chàng Dũng » : người thanh niên giàu tình cảm, giàu tình yêu nước, bỏ nhà sang, người yêu đẹp để lăn vào cuộc đời hiểm nguy của công cuộc cõng ách nô lệ, anh đã bao phủ chàng một màn sương mơ hồ, gần như huyền bí, khiến chàng đầy quyến rũ. Mà xin hỏi anh hỏi về văn chương đây — Dũng có thật không ?

— Bảo có cũng được, mà không cũng được.

— Nghĩa là ?

— Nghĩa là tôi « tạo » Dũng sau khi đọc một tin Tòa-án : một nhà cách mạng bị xử đày Côn-Đảo ; trong đời anh ấy có vài điểm hay hay, tôi lấy anh làm mẫu để « dựng » Dũng.

— Thế còn Loan ?

— Nhân vật nào của tôi cũng được « khai sinh » do người thật cả.

Mà cô Loan tiểu thuyết do mười cô Loan thật sự mà nên.

— Thế giờ hẳn mười người yêu của anh Dũng đã có sui gia rồi ?

« Không biết có phải cho đó là một câu hỏi chính trị trá hình chăng, mà tác giả « lạnh lùng » không đáp.

.....

« Đưa tôi ra cửa, anh bỗng chợt nhớ :

— À, suýt nữa quên. Còn cái nợ mười lăm năm của anh ?

— Nói cho to chuyện, chớ có gì đâu. Tuổi 20, đọc đoạn thay mấy lời nói đầu quyển « *Đôi bạn* », tôi từ đường Frère Louis, số 345A, chạy lên Đa-Kao, đến đường Albert 1er, tìm số 188, để hỏi về « một người xa xăm » trọ tại đây, nhà ông Trương-Viên. Thì ra số 188 chẳng có. Tôi tức cho mình bị « lường gạt », định viết thư ngay « xạc » anh, nhưng lại thôi, vì nghĩ thế nào rồi cũng có ngày gặp anh, chừng ấy « xạc » tận mặt mới hả.

« Vì, anh dư biết, số 188, đường Albert 1er không có, là Dũng chỉ là một « nhân vật hoàn toàn trong tưởng tượng của nhà văn ». Tan một cái mộng xinh như tấm Tình đàn. »

Anh nắm lấy tay tôi.

— Anh thế là « hả dạ » rồi đó. Và đây, « tin giờ chót » : để phòng việc « bắt trắc », tôi trước khi viết đoạn ấy, để có thư cho một bạn trong này tìm cho tôi một số nhà không có.

« Tôi thông thả xuống thang lầu, nghĩ đại rằng tác giả « *Đôi bạn* » đứng đó và người đọc « *Đôi bạn* » đi đây đều thoáng trong trí ba tiếng « *Mộng và Thực !* »

.....

Bốn năm sau, Nhất-Linh từ già « tháp ngà » ở cao nguyên Lâm-Viên, tạm biệt lan rừng suối bạc để « xuống núi », chủ trương giai phẩm « Văn-hóa Ngày nay ».

Và từ số ra mắt (17-6-1958), người ta được biết phần nào quan niệm về tiểu thuyết của Nhất-Linh qua thiên biên khảo luận « *Viết và đọc tiểu thuyết* ». Gần một năm sau, giai phẩm với tiêu ngữ « *Đang những bài và truyện có giá trị bất cứ thời nào, nơi nào.* », tự đình bản, mà thiên biên khảo nói trên chỉ đăng được có ba phần tư. Phải đợi gần hai năm sau, người ta mới đọc trọn nó khi Nhất-Linh cho sống lại nhà xuất bản « *Đời - Nay* »

Thành thử, chúng ta có thể cho quan niệm. « Kỹ thuật, kinh nghiệm của Nhất-Linh về tiểu thuyết trong quyển. *Viết và đọc tiểu thuyết* » phát hành hai tháng nay là quan niệm, kỹ thuật, kinh nghiệm... mới nhất của Nhất-Linh, tay tác giả đã viết từ mấy năm về trước.

* *

« *Viết để làm gì, viết về thứ gì, cái đó không quan trọng. Cái quan trọng nhất là viết có hay không, tức là nghệ-thuật có cao không.* »

Nhất-Linh kể tiếp cho hết những sai lầm chính ông đã mắc phải :

— Để cái thích riêng của mình nó huyền hoặc, làm hoa mắt không nghĩ đến sự tìm tòi cái hay thực.

— Để câu văn trống rỗng nhưng du dương, hoặc cầu kì nó không quyền rũ mình (...)

— Để cái ý định viết hay xuống dưới cái ý định viết để làm gì, viết về thứ gì (...)

— Để nêu lên một cách giải quyết một vấn đề gì. Sự lăm lăm tiểu thuyết với cuốn sách giảng giải một tính đồ thật là vô lý, nhưng lại có những nhà phê bình vẫn lăm lăm, và lại có báo đem đăng lên thực là vô lý nữa (đây là đem xấp đặt cốt truyện để giải quyết chứ không phải để kể đời thật rồi tự nó, nó bày tỏ một cái gì).

* *

Thế nào là những cuốn tiểu thuyết hay ? Nghĩa là, theo Nhất-Linh, những cuốn tiểu thuyết « có giá trị trong không gian và thời gian và giúp ích nhiều cho nhân loại. » Sau khi nghiên - cứu độ năm sáu chục cuốn hay nhất thế giới mà ông đã được đọc, ông kết luận.

« Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực cả bề trong lẫn bề ngoài, diễn được một cách linh động các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống với tất cả những chuyển biến mong manh, tế nhị của tâm hồn, bằng cách dùng những chi tiết về người và việc để làm hoạt động những nhân vật cùng hành vi, cảm giác và ý nghĩ của họ.

« Những cuốn đó cần phải do sự thành thực của tác giả cấu tạo nên, viết bằng một lối văn giản dị, không giảng giải nhiều, và không phải hay chỉ vì cốt truyện. » ()

* *

Và đây là những ý-kiến của Nhất-Linh về cách viết tiểu-thuyết :

1. — *Đại cương của truyện* : phải biết rõ mình định viết về cái gì. Chọn đề cần nhất là phải thành thực cần tránh nhất là theo thời. Chọn đề xong, nghĩ sơ qua cốt truyện. Vì « cốt truyện xếp đặt chặt chẽ quá, mình phải uốn nắn cho nhân vật đi theo sát với cốt truyện [...]. Việc xảy ra còn tùy theo tâm trạng của nhân vật...

2. — *Các nhân vật*. Truyện muốn hay, nhân vật phải rõ ràng trong óc.

« ... ta phải để ý quan sát con người và diễn tả cả bề ngoài lẫn bề trong thế nào cho những nhân vật đó đúng sự thực, có vẻ sống, linh động, không giống h lẫn nhau như những tượng đúc một khuôn và cũng không lờ mờ. »

Có bốn thứ cần để ý để định một nhân vật tính tình, cử chỉ, lời nói, hình dáng.

Nhân vật cần phải « sống » ; cốt truyện là phụ.

3. — *Các việc xảy ra*.

Không cần éo le, bất ngờ, nhưng cần « đi theo cái đại cương để diễn tả được cái đề mình đã chọn. »

4. — *Tìm chi tiết*

« Tìm chi tiết » là việc cần nhất, vì nó định đoạt giá-trị một cuốn tiểu-thuyết.

Có chi tiết về người, có chi tiết về việc.

Tả người phải tả cho có vẻ « sống ».

(1) Trong sách, đoạn này vốn viết toàn chữ hoa.

Tả việc phải tả một cách linh-động.
Giá-trị một cuốn tiểu-thuyết là đi sâu vào tâm hồn người đời; cần nhất, là sâu sắc.

5. — Văn trong tiểu-thuyết

Trước hết, phải thực giản dị.

*
* *

Mấy đoạn trích và tóm tắt trên đây (2), chắc cũng đủ trình-bày với các bạn sơ qua một ít quan-niệm, kinh-nghiem và kỹ-thuật của nhà văn lão thành đã chủ-trương :
« Văn phải dựa thời gian để vượt thời gian và dựa không-gian để vượt không-gian ».

NHẤT-LINH

*
* *

Hà-Thượng-Nhân,

Anh Ngu-Í

Anh hỏi tôi sáng-tác để làm chi ? Anh biết đấy Hà-Thượng-Nhân chỉ mới có từ khi có báo Tự-do tuy tôi làm thơ đã lâu lắm, gần 30 năm rồi, ngay hồi còn là học-sinh tiểu học. Có một điều lạ. Trước khi viết báo Tự do, tôi chưa hề làm thơ trào-phúng bao giờ và cũng chưa bao giờ nghĩ đến chuyện làm thơ trào-phúng cả. Ngoài đời, tôi là người ít biết cười lắm — nhất là cười xỏ, cười xiên. Nhưng rồi vì nhu-cầu của tờ báo, anh Ph ạm-Việt-Tuyên giao cho tôi phụ trách « Đàn ngang cung ». Ban đầu tôi lưỡng-lự ; anh em nói mãi, cũng đành liều. Đã làm thơ « đứng-dấn » được tại sao không làm thơ « khôi hài » được nhỉ ? Thế là cái tên Hà-Thượng-Nhân được khai sinh. Lâu dần, ở mãi trong « nghề » cũng thấy thú. Anh nghĩ coi, đời thiếu gì chuyện ngang tai, trái mắt ? Được dịp ngồi « nói đồng » cũng thú lắm chứ ?

(2) Lần thứ ba tôi đưa đoạn đầu bài này cho anh xem, và nài anh đừng làm thình, thì anh nói :
« Anh lười thôi lắm, không nói gì với anh cả. Còn sách tôi đó, anh muốn làm gì thì làm ! »

Thơ « Đàn ngang cung » — có phải là thơ không nhỉ — chuyên nói đến những chuyện có liên quan gần xa đến thời sự. Vậy thì nhất định là tôi phải sáng tác cho « bây giờ ». Mai sau, nếu những điều trái tai gai mắt tôi nói đến vẫn còn — mà khi nào hết được ! — còn những người thích đọc lại tôi bây giờ thì đây là những điều tôi chưa dám nghĩ tới.

Tôi làm thơ mỗi ngày. Anh hỏi tôi sáng tác theo một đường lối nhất định hay là tùy-hưng. Thế nào là sáng tác theo một đường lối nhất định ? là mĩa-mai, đã kích những cái rởm, những cái lỗ-lãng, lệch-lạc đấy chẳng ? Nếu vậy, có thể nói thơ « Đàn ngang cung » sáng tác theo một đường lối được. Còn thế nào là hưng ? Tôi cũng khá bận. Bảo phải chờ hưng mới sáng tác thì chẳng bao giờ tôi có hưng cả. Cứ ngồi vào bàn, viết láo-lếu vài câu rồi tự-nhiên hưng đến. Hưng đến kỳ-di lắm. Nhiều lúc tôi vừa viết vừa tùm-tùm cười một mình. Viết xong, đọc lại đôi khi không ngờ mình lại viết như thế — viết khác hẳn ý định của mình trước khi ngồi vào bàn. Tuồng như những điều mình viết hôm nay, « sự việc » đã có từ bao giờ rồi, hôm nay bỗng dưng « dựng » dậy.

Tôi chỉ dám trả lời anh về trường hợp Hà-Thượng-Nhân vì Hà-Thượng-Nhân đã có ít nhiều người biết tới. Còn những loại thơ khác thì xin anh tha cho. Vì lẽ gì, chắc anh dư biết rồi.

HÀ-THƯỢNG-NHÂN

KỶ TỚI : Bà Tùng-Long, Tchy A, Bà Ái-Lan, Ph ạm-Việt-Tuyên, Mặc-Thu, Hợp-Phổ, Vũ-Hân, Thế-Viên, Thạch-Hà, Deãn-Quốc-Sĩ, Duy-Lam, Bút-Trà.

nói với máy

XUÂN - HIỂN

Thoi thóp ngày tàn. Mưa lất phất
Phổ phương tiếng chiều xa vang lên
Người thợ cuối cùng bóng vừa khuất
Mình ta với máy ngồi lặng yên.

Chất thép có nghe buồn mệnh mông
Của từng dòng chữ thấm vô lòng
Có vương hơi thở từng trang giấy
Vừa giã từ khi số báo xong ?

Ta tưởng như hồn máy ngẩn ngơ
Thấm niềm chua xót đến vô bờ
Bao nhiêu trang đẹp trong lòng máy
Hấp tấp ra đi thật hững hờ.

Tiếng máy reo cùng năm tháng qua
Buồn vui chung nhịp, máy cùng ta
Thường trong im vắng nghe hồn bút
Viết giữa niềm vui hay xót xa.

Ta thấy vang lên những sóng chiều
Những ban mai đẹp nắng xiêu xiêu
Những trời tư tưởng, dòng tâm huyết
Bát ngát trang đời hương mến yêu.

Ở đó tâm tình lỏp lỏp trôi :
Màu xanh, nhựa sống tuổi đôi mươi
Mái hoa râm sát bên đầu trẻ
Lá côi nằm bên những nụ tươi.

Những bạn chưa gần mà đã quen
Lần đầu trang giấy nổi hương duyên
Lời thơ, nét bút, câu tâm sự
Ta thấy men lòng ngây ngất thêm.

Bao cánh thư về từ góc biển
Mang theo nồng mặn gió trùng dương
Con tem viễn xứ năm đơn chiếc
Gói ghém tâm tình gửi cổ hương.

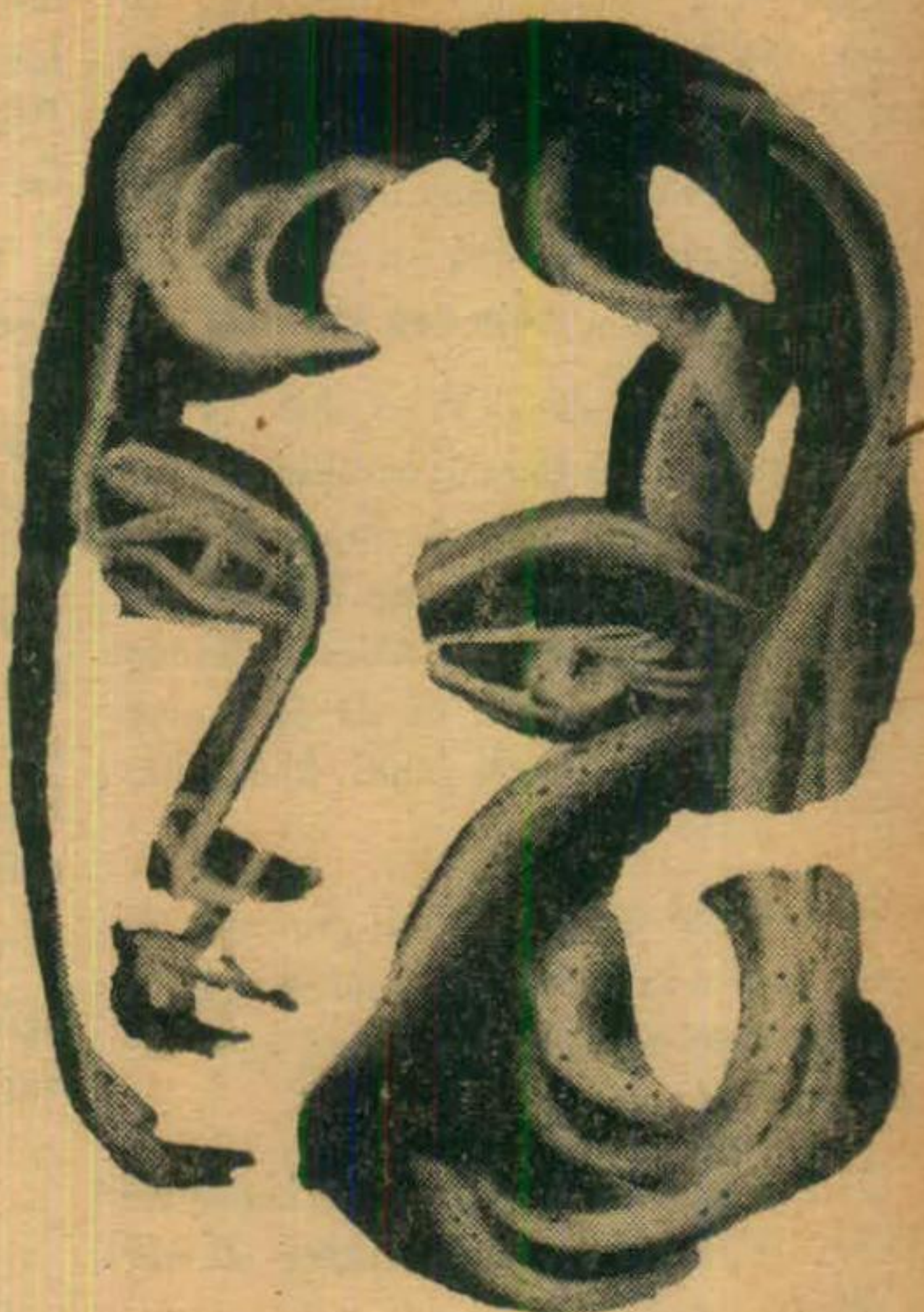
Có thấy nhạc vang ở những dòng
Nắng miền nhiệt đới, tuyết mùa đông
Dậm mòn lữ thứ, chiều đô thị
Men rượu phương trời có ấm không ?

Hồn máy hồn ta ngày héo hon
Nằm trong phòng hẹp tháng năm mòn
Ta thêm bát ngát, say cao thắm
Đồng rộng, trắng ngàn, mây đỉnh non.

X. H

TRUYỆN DÀI
TUYẾT - HƯƠNG

PHẦN ĐẦU



tiếp theo B.K. số 108

VII

Trở về Saigon, tôi có cảm tưởng như gặp lại bạn cũ. Một người bạn ồn ào, phức tạp, rất ít thiện cảm. Song đã từng chung sống, đã từng chia sẻ vui buồn, sướng khổ.

Nhà đây rồi ! Tôi muốn leo năm bậc thang một để chóng lên tới nơi gặp năm lần.

Cả cái nhà « của tôi » mở rộng hai. . . cánh cửa chào đón cô chủ. Trời, mặt nó mới tươi chứ ! Biểu lộ tất cả sự sung sướng được gặp lại tôi. Tôi muốn ôm ghì lấy từng đồ vật quen thuộc. Quen thuộc

quá khiến giây phút đó tôi coi mỗi thứ như một phần của người tôi. Tôi muốn reo cười như một đứa trẻ. Nhưng tôi chỉ đứng yên lặng nhìn lần lượt từng thứ.

Chúng tôi, nhà, đồ vật và tôi, như các cụ nhà nho gặp nhau. Vui mừng đến tột độ, song vẫn tôn trọng lễ nghĩa. Đứng xa xa vái dài nhau, rồi mỗi người một ghế, ung dung từ tốn chuyện trò. Sự vui mừng chỉ được biểu lộ một cách dè dặt, kín đáo. Biểu lộ trên ánh mắt, nét mặt mà thôi.

PHẦN ĐẦU

Phương ngôn có câu « đi một ngày đàng học một sàng khôn », tôi đi liền trong hai tháng, sáu mươi ngày, liệu đã học được bao nhiêu cái khôn ?

Sự đó chưa thể biết hay ước lượng nổi. Song đứng trước gương tự phê bình, tôi thấy mình có vẻ già dặn hơn khi chưa đi.

Điều này chắc đúng. Vì có nhiều lý do. Tôi đã già hơn lúc chưa đi hai tháng. Năng gió miền biển làm tôi có nước da của người... dày dặn phong sương. Đôi mắt của tôi nhìn đã bớt vẻ « ngạc nhiên ». Trong chuyến du lịch vừa rồi, tôi đã được mục kích nhiều thứ, nếu ngồi ở nhà, không bao giờ tôi được biết.

Nhưng khi trông thấy cái giường, tôi không khỏi liên tưởng đến những ngày đã qua mà nghĩ ngợi, tự hỏi những ngày sắp tới sẽ ra sao ?

Tì tay trên thành giường, tôi không thể biết rõ mình vui hay buồn. Không thể biết mình đang nghĩ gì.

Thời gian vừa qua, nó đã là bạn chí thiết của tôi. Nó đã giúp tôi một cách vô cùng tận tâm. Nó đã hiểu tôi hơn hết. Đã có những lần gục đầu vào nó, tôi để cho nước mắt tự do chảy. Tôi có cảm tưởng như gục đầu trên đôi vai nào, mà vai áo đã là khăn thấm nước mắt của tôi.

Những giọt nước mắt có duyên cớ, hay chỉ do sự chán nản tuyệt vọng, chỉ do một trạng thái tâm hồn không thể phân tách tìm hiểu. Nếu tôi cần được thông cảm, an ủi, không bao giờ nó từ chối.

Nhưng nó nhắc lại quá nhiều thứ. Nó khơi lại một quá khứ tôi chửa quên. Đang muốn quên.

Tôi có tâm trạng của người đã thoát khỏi đời sống tội lỗi, không muốn nhớ lại một hành động xấu xa nào của mình lúc trước. Phải cố quên để cuộc đời mới được yên ổn với sự bình thản, tươi sáng hiện có.

Tôi muốn quên tất cả những đau đớn của bệnh tật, muốn quên những tủi cực vì bệnh tật, muốn quên những giờ phút đen tối, những lúc quá tầm thường đã để tuyệt vọng lôi cuốn. Quên tất cả, để những ngày sắp tới tôi được hoàn toàn sung sướng với cuộc sống khỏe mạnh, vô tư. Tôi muốn xây dựng tương lai như người xây một tòa nhà hoàn toàn mới. Liệu nó có giúp tôi quên được chăng ?

Nếu trong các phương pháp để quên, ngủ có công hiệu nhất, thì chắc nó sẽ vui lòng giúp tôi.

*
* *

Có lẽ khó tìm được một thứ gì chịu giữ vững lập trường của mình bằng... sức khỏe của tôi.

Hơn một năm rồi, vẫn đứng yên không nhúc nhích. Thỉnh thoảng có đôi chút thay đổi. Sự thay đổi đó đưa tới bi quan hay lạc quan, rồi lại dẫu vào đó.

Tuy khó chịu với nó, song tôi phải tự nhận đã phục nó vô cùng.

Nếu cũng có một lập trường, giữ vững được nó, chắc tôi cũng đã làm nên một việc gì. Mà cái việc trước nhất là thành công trong sự khôi phục sức khỏe.

Thường khi lâm vào tình trạng khó giải quyết, hay phát minh ra những

sáng kiến và ý tưởng rất lạ lùng. Vì vậy tôi đã nghĩ :

— « Người ta đi một ngày đằng học một sàng khôn, mình đi những sáu mươi ngày, chắc cái khôn phải nhiều lắm. Tại sao không đem áp dụng cái khôn ấy vào việc tìm lại sức khỏe ? »

Thật là một sáng kiến « phi thường » : Tôi rất kiêu hãnh về sáng kiến của mình. Không thể ngờ mình đã (khôn) được đến thế. Và tôi đã nhất định sẽ thực hành ngay sáng kiến này. Nhưng phải giữ bí mật. Dấu cả bác-sĩ.

Nên làm việc có trật tự. Việc đầu tiên phải tìm hiểu về mình. Tìm hiểu tại sao mình yếu trong lúc người khác khỏe, tại sao mình buồn trong lúc người khác vui, chán đời trong lúc người khác ham sống.

Có phải vì tôi đã tưởng tượng mình yếu, tự coi là một người khác thường ? Đã thế lúc nào cũng tin rằng không thể sống được như người khác. Không thể chối cãi. Các sự việc xảy ra trong đời sống hàng ngày đều chứng tỏ rõ ràng.

Như trong khi mọi người nói chuyện, vui cười, tôi cứ ngồi « nhập định ». Tại vì tôi tin rằng không thể nói được những chuyện người ta nói, không thể vui cười khi không vui và không muốn cười. Trong khi người ta quay cuồng sống với những thú vui, ham thích, cố làm những thứ người khác làm, cố sống như người khác sống, tôi đã trốn vào một xó riêng với ý nghĩ mình không thể thích, làm và sống như người ta. Tôi đã cho những thứ đó vô lý, vô ích, vô nghĩa. Thành thử trong khi mọi người rộn ràng sống, mê mải sống, tôi thần thờ đi tìm một lẽ để

cảm thấy muốn sống. Tìm chưa ra nên chưa sống thật sự. Tất cả chỉ là tạm bợ, chỉ là tạm thời. Sống để chờ đợi sẽ có gì tới.

Phải chăng sự ốm yếu của tôi là kết quả của các tư tưởng « khác thường » đó ? Người ốm yếu chẳng là một thứ người khác thường đấy ư.

Suy thế này, tất cả sẽ giải quyết dễ dàng nếu cứ tự coi như mọi người, cũng sống như mọi người.

Người ta nói chuyện, mình cũng nói. Người ta cười, mình cũng cười. Đừng nghĩ nên nói mới nói, đáng cười mới cười. Tập cho có các ham thích chung, nghiên cứu cách tiêu khiển thì giờ... Song chớ tìm hiểu hành động như thế để làm gì. Nghĩ nhiều chẳng bao giờ làm được gì.

Tôi vừa khám phá ra cái khôn đầu tiên học được trong chuyến du lịch vừa rồi. Đó là muốn trở nên một người khôn ngoan, thức thời, nên làm ngược lại với chính mình, nên bắt chước người khác, nói nhiều và nghĩ hết sức ít.

Thế là tôi trở nên hoạt bát vui vẻ. Dần dần tôi khám phá ra muốn có nhiều chuyện để nói không cần nghĩ, nên chú ý tới hàng xóm. Chú ý và nhớ tất cả các thứ mình trông hay nghe thấy. Cũng nên chịu khó nghiên cứu về các món ăn, các kiểu áo, kiểu tóc... Tất cả các thứ của người bình thường.

Có thể nói tôi đã được trải qua một thời kỳ sung sướng. Cũng như ai, tôi mất thì giờ để nghĩ tới ăn và mặc, nghĩ đến tìm chuyện để tán róc, để cười. Ngăn ấy công việc choán hết cả ngày giờ, tôi không còn lúc nào ngồi không, « thất

nghiệp » để nghĩ tới bệnh tật, tìm hiểu xem mình sống để làm gì, tại sao lại sống. Không còn lúc nào để tìm cách trả lời những câu hỏi vô ích đó. Không còn thì giờ nào để buồn và chán, để tự hỏi mình là gì nữa.

Lần đầu tiên trong đời tôi được sung sướng mà không biết tại sao mình sung sướng, không phải nhờ ai giúp cho được sung sướng. Tôi đã thành công trong công việc đi bắt chước người khác, để trở nên một người sáng suốt hiểu biết. Một người sành về ăn mặc, hợp thời trang, có mỹ thuật. Tôi được người khác hỏi ý kiến về hàng hay màu áo. Nhờ tìm họ kiểu áo, kiểu tóc...

Kể ra có thể nói tôi đã tìm được lối đi, tìm ra lẽ để sống. Tôi sẽ sung sướng và hài lòng với cuộc sống như tất cả mọi người. Không phải băn khoăn tìm hiểu gì nữa.

Tiếc thay tôi không trốn thoát sự chán nản, thắc mắc cổ hủ. Hễ chán thì lại hay nghĩ, hay hỏi tại sao. Đó là mấy yếu tố chính của thất bại!

Chưa được bao lâu tôi đã chán đời sống « sáng suốt, hiểu biết » theo kiểu đó. Mỗi lần tiếp chuyện ai xong, tôi lại tự hỏi:

— « Những chuyện ấy có đáng nói không? có đáng cười không? »

Tôi đã cố ý tránh không trả lời, nhưng cứ cảm thấy có cái gì đáng chán, đáng nản vô cùng. Và tôi nghĩ:

— « Chẳng có gì đáng nói, tại sao lại nói? Chẳng có gì đáng vui, tại sao lại cười? »

Không biết tại sao nữa. Tôi đâu có muốn nói, muốn cười như đã xảy

ra. Nhưng trường hợp như thế cứ xảy ra mãi. Như một thói quen khó bỏ ngay một lúc. Để rồi khi còn lại một mình, tôi chán ghét chính mình. Tôi ghê sợ dư âm tiếng cười và nói của mình.

Không muốn mà làm có phải là giả dối? Tôi đã tự lừa dối để quên sự thật. Song đâu có quên nổi! Tôi nghĩ đến lại sống như trước. Ít ra cũng có thể tự phụ đã thành thật với chính mình.

Nhưng có nhiều trường hợp không thể trở lại chỗ cũ. Thế là tôi mất hết cả. Những thứ đã mất không thể tìm lại. Những thứ hiện có không thể tồn tại. Tôi trở nên bơ vơ trên quang đường mù mịt, không có ngã nào để rẽ

*
* *

Sự khôn ngoan tự nhiên của tôi đến rất hợp lúc. Nó khuyên tôi:

— « Người ta » không nghĩ tới mình, đại gì nghĩ đến người ta! »

Phải. Đại gì buồn chán trong khi « người ta » vui sướng? Mỗi người có một đời sống rất đáng sống, tại sao ta không lợi dụng tất cả các thứ do đời sống của ta đưa lại?

Tôi chưa từng nghe theo lời khuyên của bất cứ ai với sự nhiệt thành, thành thật như lúc ấy. Tôi đã lợi dụng triệt để hết các thứ đời sống của mình đưa lại. Ăn, ngủ, làm việc, xem truyện (theo đúng nghĩa của chữ « xem »), xinê, nói chuyện, vui cười...

Muốn tỏ cho « người ta » biết mình cũng không nghĩ, không cần đến ai, rất sung sướng hài lòng với cuộc sống của riêng mình, tôi nhờ đọc họ tác phẩm

đã viết trong thời gian sống ở miền biển. Nhờ với lời lẽ hết sức nhạt nhẽo và lẽ phép.

Hình như sự « không cần » chưa được rõ rệt lắm, tôi đã cố ý làm như vô tình kể một ít chuyện đã xảy ra.

Chẳng biết có gây ảnh hưởng nào đối với « người ta ». Riêng với tôi, tự thấy sung sướng, mãn nguyện nhẹ nhõm. Lòng tự ái được thỏa mãn phần nào.

Đôi lúc tôi coi như một cuộc trả thù rất thú vị. Thật trẻ con hết chỗ nói ! Có lẽ nhờ tính nết trẻ con thế, tôi chỉ thấy mình được trả thù là đủ. Không cần biết « người ta » có biết đã bị trả thù.

Khi đã mãn nguyện với cuộc trả thù, và định không bao giờ gặp nữa, thì tôi được « người » ta báo tin cho biết sẽ đến chơi. Tôi nghĩ :

— « Đến vì công việc đấy. Không phải đến chơi với mình đâu. »

Tôi càng tin ý nghĩ của mình đúng, khi cái hẹn đó sai nhữag. . . một ngày. Và vừa vào đến cửa đã giao hẹn chỉ hỏi anh tôi có một tí rồi về ngay.

Thật quả lúc ấy tôi tức muốn khóc. Tại vì việc phải hỏi tôi cơ mà ! Và tôi đã bỏ vào trong nhà, định bụng sẽ không bao giờ ra nữa.

Nhưng chỉ một lát sau tôi đã ở nhà ngoài. Song tôi biết rõ vì một cơ rất chính đáng : phải xếp dọn nốt các đồ còn để ngổn ngang trên bàn. Tôi nhất định sẽ không nói và hỏi chi hết. Tuyệt đối không nhìn hay tỏ vẻ biết « có ai » đang ở đâu đây. Đã không cần rồi mà.

— Tại sao lâu lắm anh không lại chơi ?

Tôi vô cùng kinh ngạc khi biết mình vừa nói câu ấy. Kinh ngạc và tự trách. Vì đã quyết không biết có ai đứng ở đây.

— Tại tôi bận quá.

Tôi buồn cười đến phải mỉm cười. Không phải tôi vui tính. Chỉ vì đôi thấy mình « thông minh » quá, đã đoán đúng câu trả lời. Tính nghịch, tôi thử nhớ xem đã bao nhiêu lần được nghe và đọc câu ấy. Chịu. Nhiều quá. Không thể nhớ xuể.

Nhưng tôi chỉ nghĩ chứ không nói ra. Sự lẽ phép và giáo dục cấm nhiều thứ quá !

Thấy người ta đứng mãi bên chiếc bàn kê ở góc nhà, tôi tò mò lại gần. Thì ra đang xem một tờ tranh in. Hình như cũng biết có tôi đứng ở đâu đây, đang chú ý đến công việc của mình, nên gật gù :

— Đẹp quá ! Đẹp lắm !

Lẽ dĩ nhiên là khen bông hoa súng ở tờ tranh. Song tôi được dịp nhớ lại một chuyện. Hôm đó « người ta » đang xem tờ báo, khi tôi đứng gần đủ để nghe nói chuyện nhỏ nhỏ, cũng thấy gật gù khen :

— Đẹp quá ! Đẹp lắm !

Lúc đó tôi tò mò, ngó trộm xem có gì đẹp đến thế trên trang báo. Nhưng tôi chẳng trông thấy gì ngoài những chữ đen, và một bức minh họa cũng đen thui, vẽ bằng những nét ngoằn ngoèo. Y như một bụi rậm toàn những gai vậy.

Hôm ấy tôi muốn hỏi cái gì đẹp ? Tại sao đẹp ? Song cũng như hôm nay, tôi chỉ nghĩ thôi.

PHẦN ĐẦU

Tôi muốn tìm chuyện để nói cho không khí trở nên vui vẻ, thân mật. Nhưng nhớ tới câu giao hẹn vừa rồi, nhớ tới lúc mình đã tức muốn khóc, tôi không nói chuyện gì hết. Nhất định chỉ nói vừa đủ mấy việc cần. Hai câu thôi.

Tôi mời người ta ra bàn ở trước cửa sổ. Lúc đi qua chỗ để những mảnh mica trong như mặt kính « người của tôi » lại khen đẹp và hỏi :

— Cái này mua ở bên Pháp phải không ? Đẹp quá !

Tôi có cảm tưởng như tất cả các thứ ở trong nhà của mình đều đẹp, đều đáng được thưởng thức. Ý nghĩ đó làm tôi hân diện vô cùng. Có lẽ nhờ thế tôi đổi ý, không nhất định chỉ nói đúng hai câu nữa. Bỏ cả vẻ nghiêm trang, tôi nói một cách tình nghịch :

— Mua ở chợ đấy ạ. Vẫn dùng để làm cổ áo các bà, anh không biết à ?

Khi đã an tọa, tự nhiên tài ăn nói và tính ưa trêu người của tôi biến mất. Cả trí nhớ và trí thông minh cũng không còn.

Không thể biết lúc đó tôi đã nói những gì. Hình như chả ra đâu vào đâu. Toàn những câu rút ngắn, tầm thường và vô nghĩa. Nhưng tôi đã có can đảm... ngấm dung nhan « người của tôi ». Ngấm một cách kỹ lưỡng.

« Cao lắm. Bề ngang và đầy hơi thừa. Mũi ngắn, mặt cũng ngắn. Trắng trẻo. Và... nếu không cạo râu, chắc sẽ thành râu quai nón. Qua cặp kính trắng, đôi mắt không được tinh. Có lẽ vì cận thị ».

Tôi tự hỏi tại sao mình lại « mất hồn » vì kiểu người ấy ? Từ trước tới nay tôi

vẫn tin là người của mình phải dong dỏng cao, nước da rám nắng. Mặt dài, mũi cũng dài và cao. Mắt to, sáng, không đeo kính.

Ai hiểu nổi tại sao ? Họa chăng có trời hiểu.

Người của tôi vừa hỏi tại sao không bảo các anh của tôi về ? Đột nhiên tôi nhớ tới câu chuyện hôm nào đã tình cờ nghe lỏm. Thế là tôi đã nói trước khi có thì giờ suy nghĩ :

— Tại sao anh lại muốn bảo các anh ấy về ? Có phải để rủ cùng sang Nhật, rồi ở luôn bên đó ?

Nói xong tôi mới giật mình, vội vài g quay đi.

— Không. Không phải thế đâu...

Nghe giọng nói, tôi quay lại. Kia, cái nhìn và nụ cười ấy đấy ! Bao nhiêu giận hờn, bao nhiêu dự định, (chắc chỉ là dự định của giận hờn. Chắc chỉ vì nó mà xảy ra những trạng thái tâm hồn, những sự việc như gần đây) bỗng tiêu tan hết. Lòng tôi trở nên nhẹ nhàng và thư thái lạ. Tôi có cảm tưởng như một khu rừng hoang lạnh vừa được sưởi nắng ấm.

Chỉ bằng thời gian một cái chớp mắt, tôi đã quên tất cả các thứ đã nhất định sẽ nhớ suốt đời, sẽ không bao giờ tha thứ.

Sự sung sướng còn tăng gấp bội, khi tôi thấy sự vui vẻ của mình đã làm cho người mình yêu mến lộ vẻ vui sướng, hài lòng. Không biết tôi nói thêm một câu gì, cái nhìn thêm sáng, nụ cười thêm tươi...

Tôi cảm thấy đã được hưởng quá nhiều hạnh phúc. Hạnh phúc và sung sướng đã

tăng rất nhiều, vì đến một cách bất ngờ, không có sự định trước.

Thế là quá đủ. Tôi không dám mơ ước gì khác nữa. Chỉ mong sao giữ mãi được nét mặt ấy, nụ cười đôi mắt ấy.

Với hoàn cảnh của tôi, được giữ gìn ấy thứ của riêng, dán vào trang nhật ký của lòng để rồi đây tìm lại, nhớ lại... Có phải đã nhiều quá?

*
* *

Không có gì làm cùng một lúc được nhiều việc, dù rất khác lạ nhau, bằng ý nghĩ.

Trong một lúc, tôi nghĩ đến ốm đau, tìm cách thoát ốm đau. Tôi nghĩ đến những nỗi khổ của tôi, của loài người, tìm cách tiêu diệt những nỗi khổ ấy. Tôi nghĩ đến làm việc, đến giải trí, đến sống, đến chết. Tôi nghĩ cả đến... yêu nữa.

Thật là nhiều! Thật là bận rộn!

Có lẽ vì vậy ít lâu nay tôi thường cảm thấy thiếu thì giờ. Luôn luôn tôi lo không đủ thì giờ. Chắc là không đủ thì giờ để làm tất cả những thứ tôi nghĩ. Có khi tôi còn lo thiếu thì giờ để... nghĩ nữa.

Nhưng thật ra bao nhiêu vấn đề ấy, chỉ có một vấn đề làm tôi bận tâm, làm tôi thắc mắc hơn cả. Đó là yêu!

Tôi cứ tự hỏi tại sao một người đang yêu có quyền ốm, mà người ốm lại không có quyền yêu? Tôi cũng tự hỏi nếu được yêu, liệu tôi có can đảm từ chối?

Trời ơi, tôi muốn biết nhiều thứ quá! Có bao nhiêu thứ tôi chẳng hiểu gì hết. Không hiểu mà không thể hỏi ai. Không ai muốn cho tôi biết.

Tôi cứ tự hỏi khi được yêu sẽ thế nào? Làm thế nào để biết mình được yêu? Không biết sự việc đó xảy ra thế nào? Người ta sẽ nói gì với mình, sẽ có những cử chỉ gì? Có giống ở trong truyện, ở trên màn ảnh không?

Chắc là không giống. Vì một hôm « người của tôi » bảo tôi nhiều tưởng tượng quá. Rồi lại nói tiếp:

— « Tưởng tượng đâu có giống sự thật. » Tại sao lại bảo tôi nhiều tưởng tượng quá? Nếu giàu tưởng tượng, ít ra tôi phải tưởng tượng nổi cái lúc được yêu nó ra sao chứ nhỉ. Tôi có tưởng tượng nổi đâu. Thành thử về vấn đề yêu tôi cứ như người đi xem chớp bóng, ngồi trước màn ảnh chưa chiếu phim. Nghĩ và tưởng tượng, không thể biết truyện phim sẽ ra sao, hình ảnh thế nào, có những cảnh gì...

Vẫn biết chỉ có người khỏe mạnh, đầy đủ các điều kiện, mới hy vọng được yêu. Thế mà tôi lại muốn được yêu ngay khi mình đang ốm. Ngay khi chưa có qua một điều kiện nào.

Thật là điên rồ, viễn vông. Không thể thực hành nổi! Không một chút thích hợp với thực tế.

Nhưng tôi cứ tin rằng nếu được yêu, tôi sẽ khỏe và khỏe mạnh ngay. Không bao giờ ốm, không bao giờ chán đời nữa.

Những lúc trán tôi nóng lên gì nghĩ. Những lúc người tôi mỗi một đau nhức.

PHẦN ĐẦU

Nhưng lúc tâm hồn tôi rã rời, tuyệt vọng .. Tôi ao ước có một nụ cười, một cái nhìn. Tôi muốn có một đôi vai để dựa vững trán nóng hổi. Tôi ước có một giọng nói bảo tôi đừng nghĩ gì nữa. Giọng nói có sức mạnh cho tôi tin rằng tất cả rồi sẽ đâu vào đó.

Nhưng hình như chỉ có được những thứ không cần, không ước muốn. Tại vì chỉ có một nụ cười, một cái nhìn. Chỉ

có một đôi vai, một giọng nói. Chỉ có một người có thể đem lại cho tôi những điều ước muốn.

... Chỉ những người ở vào hoàn cảnh như tôi mới có thể cảm thấy hết ý nghĩa và giá trị của một giây gặp gỡ.

(còn tiếp)

TUYẾT-HƯƠNG

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes JOB Surfiner

COFAT CHOLON



SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

« MỘT BẢN ĐÀN »

của L. TOLSTOÏ
BẢO-SƠN dịch

Sau quyển *Tình nghĩa vợ chồng*, Bảo-Sơn lại vừa giới thiệu với độc giả Việt-Nam một tác-phẩm khác của L. Tolstoï : *Một bản đàn* (1) (La Sonate à Kreutzer).

Đây là câu chuyện của một người giết vợ vì ghen. Phạm-Như-Châu là con nhà giàu có, sang trọng, có học thức, và khi lớn lên thì cũng sống như mọi người đàn ông khác thuộc tầng lớp của ông ta, nghĩa là trụy lạc. Trụy lạc đây không có nghĩa là chơi bời quá đáng, là dâm dật quá độ, nhưng « là ở chỗ thoát ra khỏi những liên lạc về tinh thần với người đàn bà và

chỉ thiết tha đến những liên lạc về vật chất thôi ». Chỗ ti-tiện nhất, đời bại nhất, nó làm hồng hầu hết mọi người đàn ông là ở cái chỗ « thoát ra » ấy, ở cái quan niệm sai lầm ấy về đàn bà. Năm mười sáu tuổi, Phạm-Như-Châu bắt đầu « biết đàn bà » tại một nhà chứa, và rồi về sau cứ thế tiếp tục « biết » hết người này đến người kia, mà không hề biết đến ái tình thực sự là cái gì. Đến lúc gặp người mà ông ta xin cưới làm vợ, ông ta đã tưởng gặp ái tình, nhưng chẳng bao lâu — ngay trong lúc hưởng tuần trăng

(1) Đời nay xuất bản.

mật — ông ta đã nhận thấy rằng ái tình đó chẳng qua cũng chỉ là sự ham muốn lẫn nhau mà thôi. Lúc chung đụng no nê rồi thì chán nhau, cãi lộn, xô-xát nhau; sau đó lại thêm muốn âu yếm nhau rồi lại cãi-cọ xô-xát với nhau nữa. Cuộc đời của đôi vợ chồng cứ thế kéo dài, càng ngày những cuộc xung-đột càng trầm trọng, không có cái gì gọi là bóng dáng của sự « đồng điệu giữa hai tâm hồn », của « mối tình tinh-thần ». Tuy chẳng có tình cảm nào cao thượng liên-kết họ với nhau, cặp vợ chồng ấy vẫn sống chung mà chưa gặp biến-cổ to lớn là nhờ có mấy đứa con bắt người vợ phải chú ý chăm sóc, không có thì giờ nghĩ nhiều tới mình. Đến lúc bác-sĩ khuyên bà ta những phương-pháp để tránh khỏi phải sinh đẻ nữa thì bà ta lại bắt đầu chú ý đến sắc đẹp mình, đến những lạc thú vật chất, đến các cuộc vui chơi tiêu khiển. Bà ta trở lại ham chơi đàn và gặp Trần-Khắc-Kỳ, một nhạc-sĩ còn trẻ, đang điểm và tầm thường. Chính bà ta cũng nhận thấy anh chàng nhạc-sĩ ấy quá tầm thường, không xứng đáng cho mình để ý tới; nhưng rồi cuộc vì anh ta trẻ tuổi, vì bản đàn (Sonate à Kreutzer) kêu gọi, bà ta cũng không từ chối. Phạm-Như-Châu bắt gặp vợ nói dối mình để tiếp anh chàng kia vào lúc nửa đêm; ông ta đâm chết vợ.

Câu chuyện trên đây, tác-giả để cho Phạm-Như-Châu tự kể lại. Sự hồi-bận với những cơn xúc động, ngắt đoạn câu chuyện nhiều lần, làm cho lối tự sự có một giọng đặc biệt. Nhất là xen vào câu chuyện có rất nhiều đoạn người kể trình bày dài dòng những suy nghĩ, quan niệm của ông ta về ái tình, về liên quan giữa

đàn ông đàn bà. Người ta thấy quan niệm ấy là chủ đề chính yếu của quyển truyện. Quả vậy, không phải nó chỉ ám ảnh Phạm-Như-Châu mà nó còn là mối quan tâm của L. Tolstoi nữa. Trong bài tựa của tác-phẩm này (không có trong bản dịch của Bảo-Sơn), tác-giả cũng nhiệt-liệt công kích sự chung đụng xác thịt và ao ước một quan niệm trinh-khiết (chaste) giữa hai giới.

Viết truyện vì một quan niệm đạo lý và để cho quan niệm ấy tha hồ phơi bày ra trong truyện, điều đó có thể khiến người ta trách là thiếu kỹ-thuật. Nhưng L. Tolstoi không thêm kiêng kỵ. Trong tập *Chiến tranh và Hòa bình* có những đoạn lý luận còn trường giang đại hải hơn nữa. Có lẽ viết như thế cũng có vụng đấy, nhưng người đọc cảm thấy một nhiệt tình sôi nổi qua tác-phẩm. Và những tác-phẩm như vậy lại có một khí-lực, một sức mạnh riêng để hấp-dẫn. Cho nên những luận-đề xã-hội, triết học, những bản-khoản thắc-mắc... dù phô bày lộ-liều cũng không phải đã có thể làm hại các quyển tiểu-thuyết, miễn là tác-giả không vì tha thiết với luận đề, tư tưởng, mà không chú ý làm cho nhân vật sống động. Tolstoi hơn người ở cái chỗ vừa thiết tha với tư tưởng của mình vừa có thể lưu tâm đến những tiểu-tiết chi li trên nét mặt, cử chỉ, hình dáng, ngôn ngữ của nhân vật để tạo ra những cảnh cực kỳ linh động và thực (cảnh Phạm-Như-Châu đêm khuya về nhà rình vợ, giết vợ).

Trong các tác-phẩm của tiểu-thuyết gia lỗi lạc này, Bảo-Sơn khéo chọn những quyển truyện vừa tầm thường thức của

người độc-giả trung bình ở ta. Ông dịch lưu loát, chú ý cho có một giọng văn tự nhiên, khiến cho khi đọc bản Việt văn người ta không bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ đang đọc văn dịch của Tây ra. Nhưng còn đối với các tên riêng của nhân vật trong truyện, lối Việt-hóa của dịch giả tôi thấy hơi kỳ cục. Dẫu có đặt tên cho họ những tên như Phạm này, Trần nọ, như cháu Lý, cháu Long, người ta cũng biết họ là người Nga vì họ ở Cu-Na-Vinh, ở Mốt-Cu, ở Nini-nô-gô-rốt v. v... Vả lại, Pozduychev đã thành ra Phạm-Như-Châu thì ta tự hỏi

tại sao Tolstoi lại không thể hóa thành Tôn-Thất-Tôi chẳng hạn? Nếu dịch giả nước nào cũng quốc-gia-hóa các nhân vật như thế thì sau khi tác-phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng, mỗi nhân vật sẽ gom-góp cho mình được một số tên họ ngộ-nghĩnh. Chẳng hạn ông Như-Châu được tặng cho Phạm ở Việt-Nam, có thể được gọi là Jean ở Pháp, và ở Anh, ở Ấn - Độ... mỗi chỗ một họ. Sao không thể áp dụng cùng một cách phiên âm đối với mọi danh tự riêng, với nhân danh cũng như với địa danh?

TRĂNG-THIÊN



Ernest Hemingway

Mỗi năm thế-giới chỉ thêm có một giải thưởng Nobel về văn chương mà từ năm ngoái tới năm nay số văn hào được giải Nobel qua đời có hơi nhiều : Albert Camus, Boris Pasternak. mới đây lại Ernest Hemingway. Một người chết trong sự bất bình đối với chính-phủ, một người nữa chết vì tai nạn ô-tô. lại một người chết vì súng đạn. Người ta thấy ở thời đại này cơ khí và áp lực chính trị có nhiều liên quan đến thân phận người làm văn nghệ quá !

Tác-giả vừa mới chết là một trong những tiêu biểu của nền văn học Hoa-Kỳ, có thể nói là của văn học thế-giới hiện đại nữa. Thực vậy, nếu đối với Âu-châu hồi đầu thế-kỷ này, tiểu - thuyết Nga là một phát giác được hoan nghênh bao nhiêu, thì sau cuộc thế chiến thứ



nhất ảnh hưởng của tiểu-thuyết Mỹ lại mạnh mẽ và rộng rãi bấy nhiêu. Khi J. P. Sartre qua thăm Cuba năm ngoái,

nhân cuộc tranh giành ảnh hưởng chính trị giữa Mỹ và Nga tại đây, một tờ báo ở La Havane ngày 20 tháng 3 năm 1960 có đăng một bài phỏng vấn trong đó người ta hỏi nhà văn Pháp tại sao một nước không có truyền thống tiểu-thuyết như nước Mỹ lại có thể đoạt mất quyền bá chủ về tiểu-thuyết của Nga vào thế-kỷ này. J. P. Sartre trả lời Cabrera Infante đại khái rằng vì là nói « không » vẫn dễ hơn nói « có », mà các nhà văn Xô-viết thì đã tập vâng lời quá lâu rồi. Đó là một cách giải thích ; người ta còn những giải thích khác. Nhưng tựu trung vai trò quan trọng của tiểu-thuyết Mỹ sau cuộc thế chiến thứ nhất đã thành ra hiển nhiên. Có tác-giả, như Claude - Edmonde - Magny, trong một tập biên khảo đặc sắc đã gọi thời đại văn học này là « thời đại của tiểu-thuyết Mỹ ». Mà nói đến tiểu-thuyết Mỹ người ta nghĩ ngay đến năm tay cự phách : Hemingway, Faulkner, Steinbeck, Caldwell và Dos Passos.

Ernest Hemingway, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1899 (1) ở tiểu bang Illinois, là con của một y sĩ, gia đình khá giả. Thuở nhỏ ông có nhiều cơ hội cùng với gia đình sống bên cạnh hồ Michigan, nơi đó có nước, có rừng, có dân Da Đỏ. Ông đã đi câu, đã săn bắn, đã chứng kiến đời sống gan dạ của dân Da Đỏ.

Chỉ học đến trình độ tú tài rồi ông đã ra đời làm báo, làm phóng viên. Năm 1917 ông tình nguyện qua Ý, giúp việc tại các bệnh viện ở mặt trận. Bị thương, ông được điều trị ở bệnh viện Milan, khỏi bệnh, lại ra tiền tuyến. Cuối cùng ông qua Pháp, ở tại Paris, chuyên lo viết văn.

(1) Có sách ghi là năm 1898.

Thoạt tiên người ta hãy còn lơ đãng, chưa biết thưởng thức Hemingway : bao nhiêu truyện ngắn của ông gửi đi đều bị các nhà xuất bản gửi trả trở về với những nhận xét nghiêm khắc. Lẽ dĩ nhiên một nhà văn trong hoàn cảnh ấy phải bị thiếu thốn, phải sống vất vả ; nhưng Hemingway vẫn kiên nhẫn và giữ vững bản sắc của mình. Năm 1923 ông xuất bản tác phẩm đầu tay : *Three Stories and ten Poems* (Ba truyện ngắn và mười bài thơ). Năm sau ông cho ra tiếp tập *in our time* (Thời đại chúng ta), gồm mười lăm truyện ngắn. Chữ *in* không viết hoa là dấu hiệu một khuynh hướng « tiền phong » thời bấy giờ. Các truyện phần nhiều nói về sự tiếp xúc của một đứa trẻ với cuộc sống bạo-liệt tàn khốc. (Chẳng hạn truyện một đứa bé theo cha làm y sĩ đến nhà một người đàn bà mọi gặp trường hợp hiểm nghèo trong khi sinh đẻ. Người đàn bà nọ không đủ sức qua khỏi ; trong khi vợ hấp hối thì người chồng không chịu đựng nổi đã tự tử). Khung cảnh, sinh hoạt, nhân vật trong các truyện phần lớn là của miền bắc Michigan, và tập truyện cũng là gọi lại cái thời kỳ thiếu niên của tác giả tại đây.

Tập truyện dài đầu tiên của Hemingway, *The torrents of Spring*, (Những dòng suối mùa xuân) giấu cợt các quan niệm thần bí của Sherwood Anderson. Tiếp theo đó, tập *The sun also rises* (Mặt trời vẫn mọc) ra đời vào năm 1926 làm cho tác-giả nổi tiếng ngay. Ở đây không còn là những kỷ niệm ấu thời ở Mỹ-quốc nữa mà là kỷ niệm của những năm chiến tranh ở mặt trận Ý, cùng những cách sinh hoạt ở Âu châu : trong đó có những nghệ sĩ ở Montparnasse, có những

cuộc đấu bò ở Madrid, có gái tân thời cắt tóc kiểu *garçonne*, có trai mang thương tật từ mặt trận về v.v... Jake Barnes, người thanh niên Mỹ bị mang bệnh bất lực vì tai nạn chiến tranh ấy, cùng với cô Brett Ashley, hai bên yêu nhau tha thiết nhưng cô Brett lại chẳng phải là hạng người chịu bằng lòng với một thứ ái tình hoàn toàn tinh thần. Xung quanh cô ta còn có bao nhiêu là thanh niên khác quần quít, có độ cô theo một cậu đấu bò mới 19 tuổi. Nhưng cuối cùng rồi cô ta vẫn xua hết chàng này đến cậu kia ra, và vẫn tìm đến Jake, người tình nhân không bao giờ thỏa mãn được mình.

Năm sau, 1927, Hemingway xuất bản *Men Without Women* (Đàn ông không có đàn bà) một tập gồm 14 thiên truyện ngắn, trong đó có những truyện có lẽ nổi tiếng nhất của tác-giả và tiêu biểu nhất cho kỹ thuật truyện ngắn hiện đại (những truyện Năm mươi nghìn mỹ kim, Kẻ bất khuất v. v...) Nhân vật vẫn là những con người mãnh liệt, bạo tàn: những tay « găng-tơ », « bốc-xơ », đấu bò...

Qua năm 1929 tác-giả cho ra đời quyển *Farewell to arms* (Giã từ vũ khí), trở lại đề tài của « Mặt trời vẫn mọc ». Frederic Henry, nhân vật chính lần này càng có nhiều điểm giống tác-giả. Cũng là một thanh niên Mỹ tình nguyện tại các bệnh viện mặt trận ở Ý, cũng bị thương, cũng được điều trị ở Milan. Ở đây chàng ta yêu cô y tá, cô này có thai. Henry lành vết thương, trở ra mặt trận, rồi lại đào ngũ, tìm về người yêu. Cả hai trốn sang Thụy - Sĩ, nhưng cô tình nhân lại chết tại đây trong khi lâm sản. Chàng thanh niên sau khi đã trải qua những thảm khốc hãi hùng ở mặt trận, lại gặp tiếp một cơn tuyệt vọng lớn

lao, chàng ta không còn tin tưởng gì nữa ở cuộc đời, ở những danh từ to lớn, trừu tượng như « vinh quang », « danh dự », « hy sinh », dũng cảm... Đối với chàng, giặc già đã tàn phá hết mọi tư tưởng.

Trong « Giã từ vũ khí », Hemingway thành công trong việc phơi bày cái tâm trạng chán chường, dầy dạn của thể hệ thanh niên đã trải qua cuộc đại chiến thứ nhất. Nhưng cái thành công ấy không hợp với tình hình ở Mỹ quốc trong giai đoạn mới nữa. Lúc này nước Mỹ đang trải qua cuộc khủng hoảng kinh tế, các tác giả trẻ sốt sắng lưu tâm đến các vấn đề điện khí hóa thôn quê, vấn đề thợ thuyền đình công... quần chúng lãnh đạm với những văn sĩ « vô trách nhiệm » lớp trước. Bởi vậy những quyển truyện nói về câu cá, săn bắn, về đấu bò v.v... của Hemingway tiếp theo đó không được hoan nghênh mấy. Năm 1932 Hemingway xuất bản *Death in the afternoon* (Chết giữa buổi chiều), năm 1933, một tập truyện ngắn, *Winner take nothing* (Kẻ thắng cuộc không được gì), năm 1935 quyển *The green hills of Africa* (Những ngọn đồi xanh ở Phi-Châu) và năm 1937 quyển *To have and have not* (Kẻ có người không).

Mãi đến năm 1940 Hemingway mới lại được hoan nghênh nhiệt liệt với quyển *For whom the bell tolls* (Ai chết đó?). Truyện nói về một thanh niên tình nguyện chiến đấu trong hàng ngũ cách mạng chống Franco ở Tây Ban Nha. Robert Jordan — người thanh niên ấy — trong những ngày cuối cùng, gặp giữa rừng núi của chiến khu một cô gái, Maria. Họ yêu nhau bằng tất cả cái khát khao, cuồng quít, vội vàng mãnh liệt của những

kẻ biết mình sắp chết. Rồi giặc đến, Jordan theo lệnh trên giết mình phá sập một chiếc cầu và chàng bị bắn gãy chân. Các bạn du kích rút đi, mình chàng nằm lại trên đồi. Chàng đang yêu đời, yêu Maria, chàng đâu muốn chết, nhưng chàng biết chắc chắn quân giặc sắp đến giết mình, chàng tự an ủi rằng ít ra chàng cũng chết được cho điều mình tin tưởng.

Chính vì chỗ đó mà Hemingway lại được cảm tình của quần chúng sau mười năm lạnh nhạt. Jordan nói được cái tâm trạng của người trí thức muốn dấn thân vào hành động, muốn tham dự vào hàng ngũ để chiến đấu cho lý tưởng. Người ta thấy Hemingway đã bỏ thái độ chán chường, đã có ý thức trách-nhiệm, đã tin vào cuộc sống.

Sau đó Hemingway có tham gia vào chiến cuộc ở Âu-châu trong đại chiến thứ hai. Đến 1950 ông xuất bản *Across the river and into the trees* (Vượt suối băng ngàn) nhưng đây chỉ là câu chuyện tình của một vị đại-tá già với một thiếu-nữ 19 tuổi đầu. Sách không được chú ý bao nhiêu.

Đến 1952, với một tác phẩm nhỏ, *The old man and the sea* (Lão ngư ông và biển cả), Hemingway đạt được thành công lớn. Tập truyện ngắn ngắn này kể chuyện một ông cụ câu đã 84 ngày không được con cá nào, đến ngày thứ 85 mới được con cá lớn thì cuối cùng lại bị lũ cá mập xơi mất. Kỹ thuật của tác-giả ở đây đã đạt tới cái giản dị tuyệt hảo của mình.

Năm 1954 Hemingway được giải Nobel. Và vừa rồi nhà văn hào thợ săn ấy lại chết vì cây súng.

* *

Quả thực ngày nay một thế hệ mới đã

lần lần thay thế thế hệ của Hemingway. Nhưng vào những năm 1925 — 1926, Hemingway đã gây một xúc-dộng sâu xa trong văn giới, đến 1940 tác phẩm của ông có quyền in ra còn bán ngay được nửa triệu cuốn. Tác phẩm của ông ảnh hưởng đến đường lối sáng tác của nhiều nhà văn danh tiếng ở Âu-châu. Trong các tác-giả lỗi lạc nhất ở Pháp giữa hai cuộc thế chiến, nếu A. Malraux đặc biệt khâm phục W. Faulkner, nếu J. P. Sartre chịu ảnh hưởng của kỹ thuật Dos Passos, thì trong *L'Etranger* của A. Camus có nhiều dấu vết kỹ thuật của E. Hemingway.

Hemingway, cũng như những tiểu-thuyết gia Mỹ đồng thời với ông, đã làm náo động không khí tiểu-thuyết bấy giờ bằng sự hoạt động mãnh liệt. Ở Âu-châu hồi đó người ta đang chán cái thứ tiểu-thuyết tâm lý, đi sâu vào những phân tích chi li nội tâm của nhân vật; dường như về hướng ấy Marcel Proust đã đi tới chỗ tận cùng, bây giờ cần mở một lối khác. Người ta lập tức hoan nghênh « tiểu-thuyết Mỹ » : ở đây có cái mãnh liệt, vũ bão, giông tố, bạo tàn như những quả đấm, ở đây có những động tác dồn dập, có những nhân vật rắn rỏi nhào vào hành động chứ không chìm trong sự suy tư dài dòng, ở đây bản năng thay thế cho tình cảm tinh tế, những phản ứng của con người thô-sơ thay thế cho lý luận. Sau cuộc thế chiến thứ nhất, trong giới trí thức Âu châu từng có khuynh hướng hoài nghi lý trí, chống lý trí, có những tác giả ca tụng hành động, tìm trong hành động ý nghĩa của sự sống. Nhân vật của A. Malraux, St Exupéry... đều dấn vào hành động, nhưng

ta ít tìm thấy ở các tiểu thuyết Pháp những người « hùng » mãnh liệt đến thành ra dã man hoang dại như những người mọi da đen da đỏ, những tay ăn cướp, săn bắn, đấu bò trong các truyện của Hemingway. Cái gan dạ liều lĩnh của họ như muốn tự nó làm ra một ý - nghĩa cho cuộc sống phi lý.

Mới đây, khi nhà văn Mỹ Erskine Caldwell đi ngay qua Paris, người ta có hỏi về cái đặc tính ấy của tiểu-thuyết Mỹ. Ông cho rằng đó là ảnh hưởng của cuộc chiến tranh : những điều tàn bạo của chiến cuộc mục kích được ở Âu châu lay động tâm hồn các tác giả Mỹ. Đối với những tác-giả không dự chiến thì đó là do sự xúc động trước cuộc khủng hoảng kinh tế gây sự khó khăn bất ngờ trong cuộc sống. Sau nữa đó cũng là do cái truyền thống bạo động của miền Nam-Mỹ.

Vì tính cách hung bạo ấy, Hemingway đặc biệt chú ý đến chiến tranh. Ông cho rằng « chiến tranh là một trong những đề tài quan trọng nhất » và một nhà văn không dự được vào một thời kỳ chiến tranh thì thực là một thiệt thòi không có gì bù đắp nổi. Riêng Hemingway ông dự đủ hai trận thế chiến. Và khi chiến tranh ngưng lại thì ông đi tìm xem những cuộc giết chóc qui mô nhỏ hơn nhưng cũng hung bạo, dữ dội, dã man, là những cuộc săn thú, đấu bò.

Trong tiểu thuyết ông không có chỗ cho những chàng và nàng tình tự tí tê,

tặng nhau những bó hoa, đêm nằm ôm gối nhớ nhau và chiêm bao mộng mị. Jordan và Maria yêu nhau « náo nhiệt » suốt đêm trong một cái chăn, yêu nhau chặc chẽ đến nỗi anh chị không phân biệt nổi chỗ nào là thân thể của mình, chỗ nào là thân thể của người yêu. Cái tình mãnh liệt, thô bạo như thế mới đánh tan nổi cảm giác cô đơn của họ và cho họ có cảm tưởng tự liên minh nhau để đối đầu với cái chết đang chờ đợi mình.

Hemingway không có cảm tình với những nhân vật trí thức. Nhân vật của ông là những người hoang dại, cổ sơ, ít suy tưởng. Đàn bà thì hoặc thô lỗ như mẹ Pilar, hoặc đột ngột như cô Brett... phần nhiều họ gần như là đàn ông cả.

Không có cảm tình với nhân vật trí thức, không tin tưởng ở xã hội văn minh mà ông coi như đang suy sụp, ở cuộc sống mà ông coi như vô nghĩa lý, Hemingway lúc nào cũng bận tâm về cái chết. Vì nó mà ông ra mặt trận, vì nó mà ông coi đấu bò. Ông bảo : « Tôi bắt đầu vào nghề viết văn bằng những cái giản dị nhất, và một trong những cái giản dị nhất và căn bản nhất, ấy là cái chết hung bạo. »

Ai ngờ không những ông bắt đầu, mà ông còn kết thúc cuộc đời viết văn của ông cũng bằng cái giản dị và căn bản ấy : cái chết bất đắc kỳ tử !

THU-THỦY

Những bài đã nhận được :

Cô tịch ; Tạ lòng (Lộng - Điệp). —
Chiều bãi xưa (Vân - Thiên Tô-
Dương-Tử) — Vào đời ; mạch đất
(Lữ - Quỳnh) — Nhớ không em
(Thân-Tri-Thiện). Thơ hai mươi ;
nói với điều ; tha ma (Nguyễn-
Nam-Tử) — Xuôi tầm tay với ;
Thêm chuyển chia ly ; Đường
lạnh ; Nỗi buồn trên phiến đá ;
Lối cũ về chiều ; Dấu tích ;
Niềm đau (Đoàn - Ngọc Kiều-
Hằng) — Thừa ngải, xã-hội đã
chết hết chưa ngải ! (Bạch-Lãng)
Địa lý và sự nhận thức quốc tế ;
Ai-Cập Văn - Minh sử. (Nguyễn-
Châu-Phan)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn.
Tất cả những bài trên đây, nếu
bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa
mà vẫn chưa đăng trù trường hợp
đặc-biệt có thư riêng thì xin các
bạn coi như là không đăng mà
thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Võ-Quang-Yến : Đã nhận được
thư và bài của anh. Sẽ có thư
riêng.

Ô. Thân - Tri - Thiện (Qui - nhơn).
Chúng tôi đã nhận được thư ông
và rất cảm ơn ông đã chỉ dẫn
cho nhiều khuyết điểm của Bách-
Khoa. Tuy nhiên về « mục lục
theo bộ môn », có lẽ ông không
đề ý nên không biết là trong 4
năm qua, mỗi năm vẫn có in
riêng tập mục lục cho 24 số, có
rao lên Bách-Khoa để bạn đọc
rõ năm thứ tư vừa qua, niên-

mục in vào phần sau số 96 cuối
năm. Sang năm 1961 tăng nhiều,
nên chúng tôi làm mục lục cho
nửa năm, 12 số, và đã in vào
cuối số 108 vừa qua.

Về tranh ảnh trong các bài
Hội-Họa, những số gần đây, đã
rõ ràng nhiều ; nếu ông đề ý
ông sẽ thấy rõ chúng tôi in
riêng khuôn đỏ trên giấy satiné
cho hình đẹp hơn, khi các bài
khác in trên giấy báo thường.
Còn mùi giấy và mực thì chúng
tôi không thấy có gì khác lạ cả.



SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- **Kế hoạch hòa bình** (The strategy of peace). Nguyên tác : John F. Kennedy — Bản dịch Lê - Hùng - Tâm, Diên-Hồng xuất bản, do Ông Lê - Bá - Kông gửi tặng — Sách dày 216 trang giá 36đ
- **Dòng sông Thanh-Thủy** (I — Ba người bộ hành) của Nhất - Linh. Đời nay xuất bản và gửi tặng. Sách dày 248 trang, giá 70đ
- **Định-Hướng**, tuần san văn hóa xã hội, số I ra ngày 29/6/61 do Ông Thuận-Thiên làm chủ nhiệm, 34 trang mỗi số giá 6đ



Trân trọng cảm ơn Ông Chủ-nhiệm
tuần san **Định - Hướng**, các tác
giả và nhà xuất bản và xin ân cần
giới thiệu với độc giả Bách-Khoa.

ĐÍNH CHÁNH

Số 108, mục « *Phỏng-vấn văn-nghệ* » :

- trang 86, dòng 5, xin đọc : *Giáo-dục phổ-thông*.
- trang 87, cột 1, dòng 20 : khi tôi viết.
- trang 87, cột 2, dòng 12 : của các.
- trang 87, dòng 33, 1931, xin sửa : 1937.
- trang 9, cột 2, dòng 30-31 : Abbé Brémond.

Số 108, mục « *Sinh-hoạt* » :

- trang 97, đoạn chót, xin đọc : « trong trường - hợp hội - nghị ở Varsovie hoãn họp, thì hai ông này sẽ đi dự hội - nghị Văn - Bút Á-Châu họp tại *Baguio* (Phi - Luật - Tân) ; trong trường-hợp hội-nghị Varsovie không hoãn, ông Lê-Văn-Hoàn được cử đi hội-nghị *Baguio* với một nhân-viên khác sẽ được ban Thường-vụ cử sau ».

ĐÔI MẮT

Của PHẠM - PHẠM

do nhà THỜI - TRẦN

53/14, Nguyễn - Khắc - Nhu — Saigon

Xuất-bản và Phát-hành

40\$ một quyển

Sách trình bày mỹ thuật.

Bìa in chữ vàng lá nung.

Vì sách phát hành không được lan rộng lắm, vậy quí bạn ở những nơi không có bán muốn đọc xin cứ gửi thẳng bưu-phiếu về địa-chỉ nói trên. Bưu-phiếu để : *Cô Phạm-Thị-Phước*.

Quý bạn sẽ khỏi phải trả thêm cước phí bảo đảm.

Có in riêng 25 quyển giấy đẹp dành cho bạn nào muốn chơi sách quí.

Mỗi bản này giá **100 \$**.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bà o - H i ề m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tiub

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON